

**TỦ SÁCH THĂNG TIẾN GIÁO DÂN**

# **GIÁO DÂN HỢP TUYỂN**

**SỐ 1 THÁNG 1/2012 VỚI CHỦ ĐỀ  
GIÁO DÂN TRONG GIÁO HỘI VÀ XÃ HỘI**

**GIÊRÔNIMÔ NGUYỄN VĂN NỘI  
VÀ NHÓM BẠN THỰC HIỆN**



## ĐÔI LỜI TỰ BẠCH

1. Từ các vị lãnh đạo cao cấp nhất cho đến các linh mục chính phó xứ tại Việt Nam đều tuyên bố rằng: Giáo Dân là Dân Chúa, Giáo Dân là sức mạnh của Giáo Hội, Giáo Dân là đội ngũ xung kích trên mọi mặt trận của Giáo Hội. Nhưng thực tế chưa chắc đã được như thế. Giáo dân Việt Nam vẫn là thành phần đông đảo và thụ động trong Giáo Hội. Giáo Dân Việt Nam vẫn sống đạo một cách nặng tính sùng mộ mà còn thiếu hiểu biết Đạo và kém thực hành Giáo Lý của Đạo. Giáo dân Việt Nam vẫn núp dưới bóng hàng giáo sĩ và lệ thuộc quá nhiều vào hàng giáo sĩ. Bằng chứng là Công Nghị Tổng Giáo Phận Sài-gòn (20-26/11/2011) nêu nhiều ý kiến, đề nghị liên quan tới Giáo Dân (mà linh mục Phê-rô Nguyễn Văn Hiền, Tổng Thư Ký của Công Nghị đã đúc kết và trang web Tổng Giáo Phận đã chuyên đăng. Sau đây là một số đề nghị:

- **Đề nghị 12:** Linh mục là người nối kết mọi thành phần Dân Chúa trong giáo xứ với nhau (80%) và là người chịu trách nhiệm về sự hiệp thông của cộng đoàn (77%). Linh mục nên dành thời gian để gặp gỡ giáo dân và tạo điều kiện cho các đoàn thể gặp gỡ, học hỏi và làm việc với nhau (74%), quan tâm chăm sóc và nâng đỡ giáo lý viên, ca viên, thiếu nhi (66%).

- **Đề nghị 13:** Linh mục cần thay đổi não trạng và lối nhìn về giáo dân, đặc biệt là người trẻ và phụ nữ, coi họ như những cộng sự viên chứ không phải những người giúp việc (85%), tin tưởng và trao trách nhiệm cho giáo dân (79%), khuyến khích và tạo điều kiện cho họ tham gia vào đời

sống của giáo xứ (72%). Để mọi người có thể đóng góp ý kiến và tham gia vào các sinh hoạt của giáo xứ, linh mục cần phải có kế hoạch và chương trình mục vụ phù hợp với kế hoạch và chương trình mục vụ của giáo phận (77%), đồng thời thông báo cho cộng đoàn được biết một cách sớm sửa và đầy đủ (68%).

- **Đề nghị 18:** Để xây đắp hiệp thông huynh đệ trong Giáo Hội, cần huấn luyện chủng sinh và tu sĩ biết sống mẫu nhiệm tự hạ, hy sinh và từ bỏ, hiền lành và khiêm nhường như Chúa Giêsu (94%), biết sống và làm việc với mọi thành phần Dân Chúa (73%), đồng thời xây dựng hàng giáo dân trưởng thành, được huấn luyện đầy đủ về mặt đức tin, được học hỏi về Kinh Thánh, phụng vụ, giáo lý (77%) và giáo huấn xã hội của Giáo Hội để biết nhận định đúng đắn các vấn đề và sự kiện xã hội (53%).

- **Đề nghị 19:** Giáo phận cần huấn luyện các thành viên của hội đồng mục vụ giáo xứ biết rõ vai trò và nhiệm vụ của mình, biết sống hài hòa với các linh mục và mọi thành phần Dân Chúa (78%).

- **Đề nghị 20:** Các đoàn thể và hiệp hội tông đồ trong giáo phận nên có những cuộc gặp gỡ và trao đổi, học hỏi và làm việc chung với nhau (52%), tránh tinh thần cục bộ, cạnh tranh và loại trừ nhau (70%). Anh chị em di dân và nhập cư cần được tiếp đón và giúp đỡ (73%), hòa nhập và tham gia vào các sinh hoạt của giáo xứ (58%); vì lợi ích của của anh chị em di dân, cần có sự phối hợp giữa giáo xứ nơi đi và nơi đến (67%).

- **Đề nghị 23:** Linh mục cộng tác với các ban mục vụ bằng cách giúp giáo dân hiểu biết và tích cực tham gia, giới thiệu nhân sự tham dự các khóa huấn luyện (65%).

- **Đề nghị 24:** Về truyền giáo, linh mục cần gây ý thức cho giáo dân (45%), đặc biệt là giới trẻ (59%), quan tâm đến khía cạnh truyền giáo trong các dịp ma chay và cưới hỏi (40%), kết nghĩa với các giáo xứ hay giáo điểm vùng xa (26%), đóng góp nhân vật lực cho công cuộc truyền giáo (42%).

- **Đề nghị 27:** Về công lý và hòa bình, linh mục cần quan tâm đến các vấn đề xã hội, nắm vững giáo huấn xã hội của Giáo Hội để nhận định và giúp giáo dân nhận định đúng đắn về các vấn đề ấy (62%), quan tâm đến người nghèo và giúp đỡ họ không phân biệt tôn giáo (66%).

2. Ai là người sẽ thực hiện những đề nghị vừa nêu và nhiều đề nghị khác của Công Nghị Giáo Phận? Hẳn nhiên và trước hết là các Vị Lãnh Đạo Giáo Phận, mà cao nhất là Đức Hồng Y Tổng Giám Mục Giáo Phận và Đức Giám Mục Phụ Tá, rồi tới các Linh Mục Hạt Trưởng, các Linh Mục Trưởng các Ban Mục Vụ, các Linh Mục Chính Phó Xứ, các Tu Sĩ Nam Nữ thuộc các Dòng.

Thế còn Giáo Dân? Giáo Dân có quyền tiếp tục sống cách thụ động và chờ lệnh không?

- Chắc là không.

- Phải chăng đây là lúc Giáo Dân, ít nhất là thành phần Giáo Dân Nông Cốt phải thay đổi tư duy và cách sống, phải chủ động và tích cực trang bị cho mình những thứ cần

thiết để sống hiệp thông và thực thi sứ vụ của toàn Giáo Hội một cách đầy đủ hơn.

3. GIÁO DÂN HỢP TUYỂN (GDHT) ra đời nhân 50 năm Công Đồng Vatican II (1962-2012) và sẽ cố gắng mỗi 3-4 tháng ra một số. Mục đích là hỗ trợ anh chị em Giáo Dân cập nhật kiến thức và kinh nghiệm đời sống Đức Tin của mình, bổ sung cho các bài giảng của các Linh Mục và cho các Khóa Huân Luyện của các Trung Tâm, Nhà Thờ. Cũng nhằm liên kết các cá nhân và các Nhóm Giáo Dân thành sức mạnh canh tân và thăng tiến trong Giáo Hội Việt Nam.

Trong GIÁO DÂN HỢP TUYỂN (GDHT) số 1/2012 này gồm có 9 bài như sau:

1. “Đề Giáo Dân là Mùa Xuân của Giáo Hội Việt Nam” của ông Giêrônimô Nguyễn Văn Nội.
2. “Giáo Dân thời Giáo Hội sơ khai: những viên gạch xây dựng một Nền Thần Học Giáo Dân” của linh mục tiến sĩ Peter C. Phan (Phan Đình Cho).
3. “Giáo Dân trong Hội Thánh” của linh mục Felipe Gomez Ngô Minh, SJ.
4. “Giáo Dân trong Lịch Sử” của linh mục Felipe Gomez Ngô Minh, SJ.
5. “Giáo Dân sống Đức Tin trong xã hội tục hóa” của báo MISSI.
6. “Giáo Dân đồng trách nhiệm” của báo CathoNewsAsia.
7. “Các nhà thần học Ấn Độ đề nghị tăng thêm vai trò của Giáo Dân và giảm bớt vai trò của Giáo Sĩ” của báo UCA.
8. “Giáo Dân phải tham gia vào chính trị” của trang nhà VRNs trích bài giảng của linh mục Giu-se Nguyễn Thế Hiện, DCCT và bài viết của Gio-an Lê Quang Vinh.

9. “Giả như tôi là một Cán Bộ Giáo Dân” của linh mục tiến sĩ Herchel H. Sheets.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các tác giả có bài trong GDHT số 1/2012 này. Vì việc làm không hề có tính thương mại, chúng tôi tin chắc rằng các tác giả ủng hộ chúng tôi trong việc tạo điều kiện cho nhiều anh chị em Giáo Dân có cơ hội tiếp cận các bài viết giá trị của các ngài.

Chúng tôi rất mong được nhiều Giám Mục, Linh Mục, Tu Sĩ và Giáo Dân tham gia góp bài và góp ý cho các số tới.

Hy vọng những bài viết trong GDHT số 1/2012 này đáp ứng một phần nào nhu cầu và ước nguyện của nhiều Giáo Dân trong việc nâng cao kiến thức về thần học và giáo hội học cũng như về lịch sử liên quan tới Giáo Dân. Cũng hy vọng GIÁO DÂN HỢP TUYỂN số 2/2012 sẽ ra mắt phục vụ các thành phần Dân Chúa vào Mùa Phục Sinh tới.

Nguyện xin Chúa chúc lành cho công việc nhỏ bé của chúng con. Chúng con xin dâng lên Chúa Hải Nhi tập tài liệu này làm món quà mọn.

**Sài-gòn Mùa Giáng Sinh 2011.**

**Giêrônimô Nguyễn Văn Nội và Nhóm Bạn**





# **ĐỀ GIÁO DÂN LÀ MÙA XUÂN CỦA GIÁO HỘI VIỆT NAM**

**[Mừng 40 Năm Công Đồng (2005-1965)]**

## **Vào đề**

Tôi xin đi từ ba việc nhỏ để đến một vấn đề lớn. Ba việc nhỏ là những gợi ý mà tôi thu nhận được từ cuộc sống. Việc nhỏ thứ nhất là nội dung một cuốn sách mà tôi đã có dịp đọc cách đây hơn 10 năm nhưng vẫn còn nhiều dư âm. Việc nhỏ thứ hai là lời phát biểu tại La Vang của các Giám mục Hoa Kỳ trong chuyến viếng thăm Việt Nam hồi cuối tháng 8 năm 1999. Và việc nhỏ thứ ba là buổi trao đổi chia sẻ thân tình của một linh mục. Còn vấn đề lớn là vấn đề được đặt ra cho tất cả những ai thuộc về Giáo Hội công giáo Việt Nam hôm nay. Đó là vấn đề làm sao cho người giáo dân càng ngày càng trở thành mùa xuân của Giáo Hội Việt Nam. Nói cách khác làm sao để thiên niên kỷ thứ ba là thiên niên kỷ của Giáo Dân Việt Nam?

## **Từ ba việc nhỏ . . . . .**

### **Việc nhỏ thứ nhất :**

Cách đây hơn 10 năm tôi đọc được một cuốn sách mà tôi cứ nhớ mãi. Cuốn sách có tựa đề **GIÁO DÂN LÀ MÙA XUÂN CỦA GIÁO HỘI** vừa mới được phát hành lúc bấy giờ và đề cập đến những sự kiện nổi bật của Giáo Hội Pháp. Đại khái tác giả cho thấy sự thăng tiến của người Giáo Dân Pháp trong những thập niên vừa qua, về mặt hiểu biết về Thánh Kinh, Thần Học, Phụng Vụ và Lịch Sử

Giáo Hội và sự tích cực tham gia mục vụ của họ trong Giáo Hội Pháp.

Giáo Hội Pháp được mệnh danh là "trường nữ" của Giáo Hội Công Giáo La-mã. Nhưng Giáo Hội ấy có Hàng Giáo Sĩ ngày càng ít đi và già nua. Trong khi đó thì Hàng Giáo Dân càng ngày càng hiểu biết và tích cực tham gia vào công việc mục vụ của Giáo Hội. Nguyên nhân chính khiến người Giáo Dân được nâng cao trình độ về mặt đạo hay việc họ tích cực tham gia công việc mục vụ không phải là sự thiếu các linh mục mà là ý thức của toàn dân Chúa ở Pháp, từ Hàng Giáo Phẩm cho đến Hàng Giáo Dân.

Để chứng minh rằng Giáo Dân Pháp đã thay đổi rất nhiều về mặt kiến thức và kinh nghiệm sống đức tin, tác giả cuốn sách đã nêu lên nhiều sự kiện, nhiều chứng từ. Thí dụ tác giả cho biết sự kiện đáng mừng này là có rất nhiều Giáo Dân tự nguyện ghi tên theo học các khóa Thánh Kinh, Thần Học, Phụng Vụ, Lịch Sử Giáo Hội, Luân Lý tại các đại học Công Giáo. Có người xin nghỉ hưu sớm để đi học. Có người hy sinh một phần thu nhập của gia đình để đi học. Theo tác giả thì sự nâng cao trình độ của Giáo Dân tuy chỉ là của một số ít- cũng làm thay đổi suy nghĩ và hành động của nhiều Giáo Sĩ. Tác giả đưa ra một chứng từ mà tôi rất tâm đắc. Đó "*là lời tự thú*" của một vị Linh Mục chánh xứ kia, đại khái như sau: "*Trước kia, tôi ít quan tâm đến việc chuẩn bị bài giảng thánh lễ chủ nhật, vì tôi cho rằng tôi muốn giảng gì thì giảng, tôi muốn nói gì thì nói, trong Giáo Dân có ai hiểu biết hơn tôi đâu mà có ý kiến hay phản đối. Nhưng từ ngày trong xứ tôi có mấy Giáo Dân đã tốt nghiệp cử nhân Thánh Kinh, Thần Học hay Phụng Vụ thì tôi biết tôi không thể muốn giảng gì thì giảng, muốn nói gì thì nói, vì nếu tôi nói sai sẽ có người có*

*ý kiến với tôi. Trái lại tôi thấy phải dọn kỹ mỗi bài giảng của mình, phải đọc sách, phải nghiên cứu thêm cho bài giảng đầy đủ và có sức thuyết phục."*

Còn về bằng chứng của việc người Giáo Dân Pháp tích cực tham gia công việc mục vụ của Giáo Hội Pháp thì tác giả nêu lên rất nhiều ví dụ khác nhau. Chẳng hạn việc chuẩn bị hôn nhân cho các cặp nam nữ trong hầu hết các giáo phận không còn là công việc của mình các linh mục nữa, mà đã trở thành việc mục vụ mà giáo dân thực hiện chung với giáo sĩ. Các cặp vợ chồng (được huấn luyện chuyên môn về đạo cũng như về khả năng giao tiếp, hiểu biết tâm lý) đóng vai đồng hành với các cặp nam nữ tìm hiểu về hôn nhân và chuẩn bị cử hành bí tích hôn phối trong lòng Giáo hội.

Một ví dụ khác: việc dạy giáo lý trẻ em tại các giáo xứ không những chủ yếu là việc của giáo dân mà còn là việc của các bậc cha mẹ cộng tác chặt chẽ với các giáo lý viên, để giúp con em mình học hỏi về đạo và tập sống đạo, từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội. Việc giúp những người trưởng thành muốn tìm hiểu về đạo hay muốn đón nhận bí tích thanh tẩy cũng phần lớn do người giáo dân đảm nhận, trong tinh thần phối hợp với các linh mục.

### **Việc nhỏ thứ hai :**

Hồi cuối tháng 8 năm 1999, tôi có một điểm phúc lớn là có mặt tại Huế và La Vang khi phái đoàn Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ đến thăm giáo phận Huế và hành hương La Vang. Sau bữa cơm trưa với Hàng Giáo Sĩ giáo phận Huế tại phòng khách trung tâm hành hương La Vang, các Giám Mục Hoa Kỳ có buổi trao đổi rất thân tình với các Linh Mục địa phương. Các ngài trả lời nhiều câu hỏi được đặt

ra. Có một câu hỏi mà tôi rất thích và câu trả lời cũng rất hay. Câu hỏi đó thế này:

*"Đối với Giáo Hội Công Giáo Hoa Kỳ thì điều gì khiến Giáo Hội lạc quan nhất và điều gì khiến Giáo Hội bi quan nhất".*

Đức Giám Mục Joseph A. Fiorenza, chủ tịch Hội Đồng Giám Mục Công Giáo Hoa Kỳ và là trưởng phái đoàn đã trả lời như sau:

*"Có nhiều điều khiến Giáo Hội Công Giáo Hoa Kỳ chúng tôi lạc quan và cũng có những điều khiến chúng tôi bi quan. Điều khiến Giáo Hội Công Giáo Hoa Kỳ lạc quan nhất là sự năng động và tích cực của Giáo Dân trong việc tham gia mọi sinh hoạt mục vụ của Giáo Hội"*

Để minh chứng cho khẳng định của mình, Đức Cha Joseph A. Fiorenza nêu lên hai sự kiện.

**Sự kiện thứ nhất là** "ở tất cả các giáo xứ, chúng tôi đều có hội đồng mục vụ giáo xứ, trong đó người Giáo Dân cộng tác chặt chẽ với nhau và với các Linh Mục, Tu Sĩ trong địa bàn để lo toan mọi công việc của cộng đoàn."

**Sự kiện thứ hai là** "trong các tổ chức của Giáo Hội, từ các ủy ban của Hội Đồng Giám Mục cho đến các tổ chức của các giáo phận, giáo xứ người Giáo Dân đều giữ những vai trò quan trọng như giám đốc, trưởng văn phòng, cố vấn."

Như để chứng minh cho lời nói của mình Giám Mục Joseph A. Fiorenza nói tiếp:

"Như quý cha thấy đây: cùng đi với chúng tôi có ba giáo dân mà chúng tôi hân hạnh được giới thiệu:

- người thứ nhất là ông . . . cố vấn chiến lược của ủy ban di dân và tỵ nạn của Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ;

- người thứ hai là ông . . . giám đốc điều hành cơ quan viện trợ Công Giáo Hoa Kỳ
- và người thứ ba là ông . . . cố vấn ngoại vụ của Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ về các vấn đề Đông Nam Á .

Họ đều là những Giáo Dân có gia đình vợ con, có lòng nhiệt thành và trình độ, không chỉ về mặt chuyên môn nghề nghiệp mà cả về Giáo Lý, Thánh Kinh, Thần Học nữa. Họ là những chuyên viên không thể thiếu, là cộng sự viên đắc lực của Hàng Giám Mục chúng tôi."

### **Việc nhỏ thứ ba :**

Mới đây tôi có dịp gặp lại linh mục Nguyễn Thái Hợp, Dòng Đa Minh là người có thời khoá biểu ở ba châu lục khác nhau trong một năm: một khoảng thời gian ở châu Âu mà chủ yếu là ở Roma, một thời gian khác ở Peru thuộc châu Mỹ La tinh và một khoảng thời gian khác ở Việt Nam thuộc châu Á. Linh mục Nguyễn Thái Hợp chia sẻ với tôi điều mà ngày nay nhiều vị lãnh đạo cũng như nhiều nhà thần học công giáo đều xác tín. Đó là thiên niên kỷ thứ ba sắp tới sẽ là thiên niên kỷ của Giáo Dân. Nói cách khác sự sống còn và phát triển của giáo hội công giáo trong ngàn năm thứ ba sẽ tùy thuộc chủ yếu vào đội ngũ giáo dân.

Nếu nhìn lại lịch sử Giáo Hội người ta có thể thấy rất rõ vai trò hết sức quan trọng của các Giáo Sĩ và Tu Sĩ trong thiên niên kỷ thứ hai. Chính Hàng Giáo Sĩ và Tu Sĩ là những người con của Giáo Hội đã đi tiên phong trong mọi mặt trận. Họ vừa là thành phần ưu tú của Giáo Hội vừa được đào tạo và tổ chức mỗi ngày mỗi hoàn hảo chặt chẽ hơn. Họ chẳng những đã đóng góp vào việc xây dựng Giáo Hội tại các nước Phương Tây và mà còn đem Tin Mừng

cứu độ đến cho các dân tộc sống rải rác khắp các châu lục khác.

Nhưng nói thế không có nghĩa là trong thiên niên kỷ trước, chỉ có các Linh Mục và Tu Sĩ đóng góp xây dựng Giáo Hội, còn các thành phần khác như Giám Mục, Giáo Dân thì không đóng góp gì cả. Không phải thế! Trong thiên niên thứ hai tất cả mọi thành phần Dân Chúa đều góp công to lớn vào việc xây dựng và phát triển Giáo Hội cả về chiều sâu lẫn chiều rộng.

Nhưng phải nhìn nhận là giới Giáo Sĩ và Tu Sĩ đã có sự đóng góp mang tính quyết định. Tương tự như thế khi ta nói thiên niên kỷ thứ ba sẽ là thiên niên kỷ của giáo dân thì không hề có nghĩa là chỉ có hàng giáo dân mới đóng vai trò quan trọng trong Giáo hội mà phủ nhận vai trò của hàng giáo phẩm và hàng giáo sĩ, tu sĩ, mà chỉ muốn nói rằng: người giáo dân sẽ có một vai trò nổi bật trong giáo hội ở thiên niên kỷ sắp tới.

Dường như ở mỗi thời đại Thiên Chúa dành một vai trò quan trọng chủ yếu hơn cho một thành phần của dân Chúa. Cuối thế kỷ XX Công đồng Vaticano II đã là một lễ Hiện Xuống mới, một cuộc khai sinh mới của Giáo hội Chúa Ki-tô trong thế kỷ XX và XXI và những thế kỷ tiếp theo sau. Kết quả của công đồng đang tác động trên đời sống giáo hội khắp nơi một cách sâu rộng.

### **.....đến một vấn đề lớn**

Đó là vấn đề Giáo Hội chúng ta sẽ dành cho Giáo Dân vai trò nào trong thiên niên kỷ sắp tới? Hay nói văn hoa thì là vấn đề Giáo Dân đã là Mùa Xuân của Giáo Hội Việt Nam chưa? Chúng ta đã nói thiên niên thứ hai là thiên niên kỷ của Giáo Sĩ và Tu Sĩ. Nói thế có nghĩa là trong ngàn năm

vừa qua Giáo Sĩ và Tu Sĩ đã được nâng cao trình độ một cách đáng kể và đã nắm giữ một vai trò rất quan trọng trong Giáo Hội. Tương tự như thế, nếu chúng ta cho rằng thiên niên kỷ thứ ba sẽ là (hay phải là) thiên niên kỷ của Giáo Dân, thì có nghĩa là Giáo Dân sẽ được thăng tiến cách rõ rệt về mặt trình độ và sẽ được giao phó một trọng trách tối quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của Giáo Hội.

Nhưng trước hết chúng ta thử nhìn vào Giáo Hội Việt Nam hiện nay để xem giáo hội của chúng ta có những đặc điểm nào nổi bật. Sau đây là một vài đặc điểm mà chúng ta dễ dàng nhất trí với nhau:

#### **\* Một Giáo Hội sinh động**

Đặc điểm đầu tiên mà chúng ta phải ghi nhận về Giáo Hội Việt Nam, đó là một Giáo Hội sinh động. Nguyên sự kiện các nhà thờ từ Nam chí Bắc đầy ắp giáo dân vào các ngày chủ nhật và lễ trọng đủ cho chúng ta đưa ra nhận định trên. Chúng ta cũng thấy một vài hình ảnh khác về một giáo hội sinh động là các lớp giáo lý thiếu nhi và thiếu niên tại các giáo xứ, là sinh hoạt của các hội đoàn, là các hoạt động cứu trợ thiên tai của các giáo xứ hay của các nhóm tự phát. Sự sinh động này đã khiến nhiều du khách công giáo phải ngạc nhiên, thích thú, cảm phục.

#### **\* Một Giáo Hội rất mộ đạo và nhiều tình cảm tôn giáo**

Đặc điểm thứ hai của Giáo Hội Việt Nam là đa số Giáo Dân giữ đạo theo truyền thống, thói quen và nặng tình cảm. Phải nói là họ rất **mộ đạo trên bình diện tình cảm hơn là vì xác tín tôn giáo...** Cũng phải nhìn nhận

rằng đại đa số giáo dân chưa có một kiến thức cao về giáo lý, thánh kinh, thần học và chưa có nhiều kinh nghiệm tâm linh xác tín. Sự mộ đạo của họ mới dừng ở lòng sùng kính chứ chưa ảnh hưởng nhiều đến sự dần thân chính trị xã hội.

### **\* Một Giáo Hội còn nặng tính Giáo Sĩ**

Một đặc điểm nữa mà không ai có thể chối cãi là Giáo Hội Công Giáo Việt Nam còn **mang nặng tính Giáo Sĩ**. Điều đó cũng bình thường, vì Hàng Giáo Phẩm Việt Nam mới được thiết lập vào năm 1960 tức mới 40 năm nay. Tuy đã có Hàng Giáo Phẩm bản xứ, nhưng Giáo Hội chúng ta vẫn ở dưới sự quản lý (và giúp đỡ về mặt tài chánh) của Bộ Truyền Giáo của Toà Thánh Vatican, nên chúng ta chưa thể cho mình là một Giáo Hội trưởng thành. Một Giáo Hội nặng tính Giáo Sĩ thì mọi việc đều do Hàng Giáo Sĩ quyết định, mọi việc phải qua Hàng Giáo Sĩ mới có, và chỉ có Giáo Sĩ mới được cung kính tôn trọng.

### **Giáo Dân đã là Mùa Xuân của Giáo Hội Việt Nam?**

Chúng ta đã từng nghe nhiều Giám Mục Việt Nam khẳng định rằng: "**thời đại ngày nay là thời đại của giáo dân.**" Nhiều Giám Mục khác, một cách kín đáo hay công khai, đã đề cao vai trò, sự đóng góp và hy sinh to lớn của Giáo Dân Việt Nam, trong lãnh vực rao giảng Lời Chúa cũng như xây dựng cơ sở vật chất cho giáo hội. Chỉ cần mở các trang sổ vàng xây dựng thánh đường ở các nơi, thì chúng ta thấy được sự đóng góp to lớn, quảng đại của nhiều giáo dân.

Đi sâu hơn nữa vào đời sống Giáo Hội, chúng ta sẽ gặp



được ở khắp nơi những giáo dân đang cống hiến thời gian, công sức, tài năng, của cải cho Giáo Hội, một cách quảng đại, không tính toán, không biết mệt mỏi. Càng đi sâu vào các cộng đoàn, càng đi đến các vùng sâu vùng xa, chúng ta càng thấy nhiều Ki-tô hữu giáo dân tận tụy hy sinh cho giáo hội và tha nhân. Vì thế chúng ta có thể nói được rằng giáo dân Việt Nam đã và đang là mùa xuân của giáo hội công giáo Việt Nam. Nói giáo dân là mùa xuân của giáo hội có nghĩa là giáo dân là sức sống, là sự tươi trẻ và là tương lai của giáo hội.

### **Nhưng Giáo Dân cũng chưa là Mùa Xuân của Giáo Hội Việt Nam?**

Nhưng nếu chúng ta dựa vào mấy đặc điểm mà Giám Mục Joseph A. Fiorenza chủ tịch Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ đưa ra tại La Vang để minh chứng Giáo Hội Hoa Kỳ có lý do để lạc quan cho tương lai, thì trong Giáo Hội Việt Nam chúng ta còn nhiều việc phải làm để Giáo Dân thực sự là Mùa Xuân của Giáo Hội, để Giáo Dân là yếu tố quyết định trong ngàn năm thứ ba của Giáo Hội. Xin chỉ tập trung vào hai điểm chính yếu nhất: **vai trò và trình độ của Giáo Dân.**

Trước hết là vai trò của Giáo Dân trong các hội đồng mục vụ giáo xứ và hội đồng mục vụ giáo phận.

Chúng ta biết là bộ giáo luật của Giáo Hội Công Giáo đã được sửa đổi theo tinh thần Công Đồng Vatican II và đã được áp dụng từ mấy năm nay. Bộ Giáo Luật mới ấy khuyến khích việc thành lập hội đồng mục vụ giáo xứ và hội đồng mục vụ giáo phận. Thế mà chúng ta chưa

có một qui chế thống nhất và đổi mới cho hội đồng mục vụ giáo xứ. Qui chế thống nhất là qui chế chung cho tất cả các giáo xứ của 25 giáo phận từ Nam ra Bắc. Qui chế đổi mới có nghĩa là qui chế được soạn thảo theo tinh thần Công Đồng Vatican II và phù hợp với các khoản giáo luật về cơ cấu này. Hơn nữa trên toàn cõi Việt Nam chưa có nơi nào có hội đồng mục vụ giáo phận. Đó cũng là một thực tế đáng lưu ý và suy nghĩ.

Chúng ta cũng chưa có những trung tâm, những chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho thành phần đặc biệt này. Hội đồng mục vụ giáo xứ là cánh tay mặt của các linh mục và phải là cơ cấu hoàn hảo nhất của giáo dân trong mỗi đơn vị hạ tầng cơ sở của giáo hội là giáo xứ. Hội đồng mục vụ giáo phận là cánh tay mặt của các Giám mục và phải là cơ cấu hoàn hảo nhất của cộng đoàn dân Chúa trong mỗi giáo phận, một giáo hội địa phương.

Chúng ta phải nhìn nhận là trong nguyên lãnh vực này thì mỗi nơi mỗi khác, mỗi người làm việc với một tinh thần khác nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau. Không ít người cho rằng hội đồng mục vụ giáo xứ chỉ là tay sai của các linh mục chánh xứ. Không ít người khác còn coi hội đồng giáo xứ như điều kiện thăng tiến và đem lại vinh quang cá nhân. Không ít hội đồng Mục vụ giáo xứ còn chia rẽ, bè phái, tranh giành với nhau.

Thứ đến là trình độ của Giáo Dân. Còn rất nhiều việc có thể làm và phải làm để nâng cao trình độ của Giáo Dân Việt Nam. Chưa nói chi đến các khóa thần học giáo dân, các trung tâm đào tạo cán bộ, các chương trình bồi dưỡng giới trí thức, chỉ nguyên việc đào tạo đội ngũ giáo lý viên trong mỗi giáo phận đã là một

công việc vô cùng lớn lao và cấp bách rồi.

Sau cùng là việc đổi mới tư duy, chuyển từ não trạng cho Giáo Dân sang não trạng của giáo dân. Từ xưa đến nay khi chúng ta nói đến tổ chức đoàn thể, mục vụ, hoạt động giáo dân thì chúng ta nghiêng về suy nghĩ là tổ chức đoàn thể mục vụ hoạt động ấy được tổ chức là nhằm phục vụ Giáo Dân (hoàn toàn đúng) nhưng theo nghĩa là **CHO** Giáo Dân hơn là **CỬA** Giáo Dân.

Thí dụ trong ban Giáo Dân (thật ra chưa phải là tiểu ban) thì số thành viên Linh Mục nhiều hơn thành viên Giáo Dân. Chúng ta vẫn quen với não trạng mang nặng "**giáo sĩ tính**" là trong Giáo Hội làm gì cũng phải do các Linh Mục đứng đầu, chỉ huy, quyết định. Có thể vì đội ngũ Giáo Dân còn quá mỏng và quá yếu kém, nên các Linh Mục phải làm thay, phải lo cho (Giáo Dân).

Nhưng có lẽ nay đã đến lúc chúng ta nên xem xét lại quan niệm này. Và lại nếu Giáo Dân luôn luôn cần có "**người bảo trợ**" thì chẳng bao giờ họ khá lên được. Cũng giống như đứa trẻ, luôn phải bám vào tay người lớn để bước đi, thì còn lâu mới có thể bước đi một mình. Các linh mục có mặt bên cạnh Giáo Dân trong ủy ban hay trong hoạt động của họ, thì vai trò hết sức quan trọng của các ngài là làm cố vấn và linh hướng chứ không phải là thay thế Giáo Dân.

### **Kết luận**

Vai trò và trình độ của giáo dân Việt Nam không thể thay đổi, nếu như các vị lãnh đạo (các giám mục) và cơ quan tối cao của Giáo hội Việt Nam (hội đồng giám mục) không thay đổi. Thay đổi trong tư duy, trong hành

động và trong cách tổ chức. Cho đến nay việc hình thành và hoạt động của các ban của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam còn rất nhiều khó khăn. Có ban chỉ có trên giấy tờ hay trong lời phát biểu nội bộ hơn là trên thực tế. Lại có ban chỉ có một Giám Mục làm chủ tịch, mà không hề có nhân viên, cũng không có văn phòng!

Ước chi hiện trạng ấy mau chóng thay đổi! Ước chi Giáo Hội Việt Nam đón mừng thiên niên kỷ thứ ba bằng các chương trình hành động thiết thực nhằm nâng cao vai trò và trình độ của giáo dân lên! Sự thay đổi và ước mơ ấy chỉ có thể thành hiện thực với điều kiện là Nhà Nước và các qui định về hoạt động tôn giáo của Nhà Nước cũng thay đổi, theo chiều hướng càng ngày càng cởi mở, hiểu biết và tin tưởng người dân hơn (Giám Mục, Linh Mục và Giáo Dân cũng là người dân).

**Giêrônimô Nguyễn Văn Nội**  
**(Sàigòn Thu 1999)**

# GIÁO DÂN THỜI GIÁO HỘI SƠ KHAI: NHỮNG VIÊN GẠCH XÂY DỰNG MỘT NỀN THẦN HỌC GIÁO DÂN.

**Lm. Phêrô Phan Đình Cho - Trần Duy Nhiên dịch**

**LTS:** *Linh mục Giáo Sư Tiến Sĩ Phêrô Phan Đình Cho - được thế giới biết đến với tên **Peter C. Phan** – đậu bằng tiến sĩ Triết học tối ưu với lời khen của hội đồng (summa cum laude) và bằng tiến sĩ Thần Học (Doctor of Divinity) tại London University, tiến sĩ Thần học tại Salesian Pontifical University, Rôma; Liên Hội Thần Học Gia Công Giáo tại Chicago (Catholic Theological Union) đã trao tặng cha tước vị tiến sĩ Danh Dự. Cha nguyên là chủ tịch Hiệp Hội Thần Học Gia Công Giáo Hoa Kỳ (Catholic Theological Society of America), cựu Giáo sư tại University of Dallas, Texas, và Catholic University of America. Hiện nay, cha là Giáo sư và Khoa trưởng tiên khởi khoa Tư Tưởng Công Giáo về Xã Hội (Chair of Catholic Social Thought), phân khoa Thần Học tại Đại Học Georgetown, đại học Dòng Tên nổi tiếng tại Washington D.C. Cha còn là sáng lập viên Viện Triết Đạo ở Hoa Kỳ. Cha từng là chủ nhiệm một bộ sách 8 tập về thần học hệ thống (systematic theology). Ngoài những bài viết cho các sách báo và tạp chí thần học, cha viết một số sách như Tư Tưởng Xã Hội, Văn Hóa và Cảnh Chung, Vĩnh cửu trong thời gian, Ân sủng và Kiếp Người. (Social Thought, Culture and Eschatology, Eternity in Time, Grace and the Human Condition. Vì mang giòng máu Việt Nam, nên những suy tư thần học của cha vừa mang tính uyên bác Tây phương, vừa mang tính nhạy cảm Đông*

*phương, do đó tiếng nói của cha được thế giới đón nhận như một làn gió mới đầy uy tín. Mặc khác, vì là một giáo sư của các trường Đại Học Công Giáo Hoa Kỳ, đồng thời thường được mời diễn thuyết và giảng dạy nhiều nơi trên thế giới, nên hầu như toàn bộ tác phẩm của cha được viết bằng Anh Ngữ. Trong số này, **Maranatha** khởi sự đăng bản dịch một bài của cha, nhan đề là ‘The Laity in the Early Church: Building Blocks for the Theology of the Laity.’*

Khi mà nguyên nhân trước mắt của cuộc khủng hoảng hiện đang làm rúng động Giáo Hội Công Giáo tại Hoa Kỳ và tại những nơi khác do việc lạm dụng tình dục của hàng giáo sĩ, thì tự bản chất, cuộc khủng hoảng ấy lại mang chiều kích Giáo Hội. Vấn đề này liên hệ đến tương quan giữa các vị lãnh đạo Giáo Hội và giáo dân. Nhiều giáo dân đã tỏ ra vô cùng phẫn nộ trước cách thức mà các giám mục và hồng y, và thậm chí các đấng có thẩm quyền trong giáo triều Rôma, đã xử sự trước vấn đề các giáo sĩ thích liên hệ tình dục với trẻ em. Chẳng những các vị lãnh đạo Giáo Hội ấy đã không nắm bắt được tính chất và tầm vóc của việc lạm dụng tình dục nơi hàng giáo sĩ, mà các ngài chứng tỏ rằng mình hoàn toàn thiếu trách nhiệm đối với giáo dân. Hệ quả là những phong trào quần chúng đã được hình thành hầu thúc Giáo Hội chẳng những thay đổi cách thức đào tạo các linh mục tương lai, mà quan trọng hơn nữa là thay đổi cách thức hiểu và sống vai trò người giáo dân trong Giáo Hội. Do đó, điều cần thiết ấy là một nền thần học (về) giáo dân thích hợp hơn. Tiểu luận này mong góp phần để xây dựng một nền thần học như thế, bằng

cách xem xét bản chất và nhiệm vụ của giáo dân trong thời Giáo Hội sơ khai. [1]

## **Có một thành phần gọi là “giáo dân” trong Tân Ước không?**

Mục đích của ngoặc kép là để chúng ta lưu ý về cách sử dụng từ ngữ ‘giáo dân’ trong Tân Ước. Khái niệm hiện nay về giáo dân như (thành phần) đối lập với giáo sĩ và tu sĩ là một khái niệm không hề tìm thấy trong Tân Ước. Danh từ Hy Lạp ‘*laos*’ (λαός - nguồn gốc của từ ‘laity’ = giáo dân) chỉ định dân được tuyển chọn (Israel) chứ không phải là những người không có chức thánh hoặc không phải là tu sĩ trong Giáo Hội, và danh từ ‘*kleros*’ (κλερος - nguồn gốc của từ clergy = giáo sĩ) dùng để chỉ một lô đất hay di sản mà mình nhận hoặc những người được giao phó cho mình chăm sóc, chứ không phải là những người được phong chức trong Giáo Hội. Quả thực, giáo dân, tu sĩ và giáo sĩ ngày nay đều hợp thành một thực thể mà Tân Ước vừa gọi là *laos theou* (λαός θεου), nghĩa là *dân của Thiên Chúa* (1 Pr 2, 10) vừa gọi là *kleros* (κλερος), nghĩa là *di sản của Thiên Chúa*. (1Pr 5, 3).

Về khái niệm tư tế (= linh mục) và chức tư tế (= chức linh mục), trong Tân Ước, thuật ngữ *iereus* (ιερεύς: tư tế) hay *arkhiereus* (αρχιερεύς: thượng tế) chỉ áp dụng cho Chúa Giêsu mà thôi (Dt 4, 10) và thuật ngữ *ierateuma* (ιεράτευμα: chức tư tế) thì áp dụng cho toàn thể dân Chúa mà không hề có một sự phân biệt nào (1 Pr 2, 5.9). Hai thuật ngữ ấy không bao giờ dành riêng cho bất cứ nhóm người đặc biệt nào trong Giáo hội dựa trên hoặc chiếu theo một bí tích đặc biệt mà họ lãnh nhận hay một nhiệm vụ đặc thù mà họ thực thi cho công đoàn.

Nền tảng cho chức tư tế của Chúa Giêsu là cái chết hy sinh của Người trên thập giá và cuộc phục sinh của Người. Như trong thư Do Thái: “*Đầu là Con Thiên Chúa, Người đã phải trải qua nhiều đau khổ mới học được thế nào là vâng phục; và khi chính bản thân đã tới mức thập toàn, Người trở nên nguồn ơn cứu độ vĩnh cửu cho tất cả những ai từng phục Người, vì Người đã được Thiên Chúa tôn xưng là Thượng Tế theo phẩm trật Men-ki-xê-đê.*” (5, 8-10) Về chức tư tế của toàn dân Thiên Chúa, nền tảng thần học là bí tích Thanh Tẩy qua đó, như lời thánh Phaolô, dân Chúa được thanh tẩy trong cái chết của Chúa Kitô, được chôn cất với Người, và sống lại trong sự sống mới cùng với Chúa Kitô (Rm 6,3-5). Tôi sẽ trở lại chức tư tế do phép rửa này như là phẩm giá căn bản duy nhất của Kitô hữu, bao gồm cả ‘*giáo dân*’ lẫn ‘*giáo sĩ*’. Ở đây, chỉ cần lưu ý rằng trong Tân Ước không hề có khái niệm ‘*giáo dân*’ như là một nhóm Kitô hữu khác biệt so với giáo sĩ và tu sĩ, một phẩm trật mà vào thời ấy dĩ nhiên chưa từng hiện hữu. Chỉ có một tư tế duy nhất là Chúa Giêsu và một chức tư tế duy nhất là chức tư tế của Đức Kitô; và toàn thể dân Chúa (*laos* - *λαός*) đều là tư tế cùng một tư cách, đó là qua phép rửa mà họ chia sẻ bình đẳng với nhau chức tư tế duy nhất của Chúa Kitô.

Điều này không có nghĩa là trong Tân Ước không có một số nhiệm vụ đa dạng được nhiều người khác nhau trong Giáo Hội đảm nhận. Phúc âm từng đề cập đến nhóm Mười Hai (Tông đồ) mà vai trò là đại diện cho mười hai chi tộc Israen và làm chứng cho sứ mạng, cuộc tử nạn và phục sinh của Chúa Giêsu (Cv 1, 22). Nhưng ngoài nhóm Mười Hai với phần vụ đặc thù của họ là làm chứng tai nghe mắt thấy cho cuộc sống, cái chết và sự phục sinh của Chúa



Giêsu, thì vẫn còn có nhiều ‘*đặc sủng*’, nhiều ‘*việc phục vụ*’ và ‘*hoạt động*’ khác trong Giáo Hội sơ khai (1Cr 12, 4-6). Trong số này, có người giữ nhiệm vụ ngắn hạn và người thì dài hạn. Trong số các ‘*đặc sủng*’ (*charismata - χαρισμάτα*), thánh Phaolô nêu lên *ơn khôn ngoan, ơn hiểu biết, ơn đức tin, ơn chữa bệnh, ơn làm phép lạ, ơn nói tiên tri, ơn phân định thần khí, ơn nói các tiếng lạ, ơn giải thích các tiếng lạ* (1 Cr 12, 8-10). Trong phần tiếp theo của bức thư ấy, thánh Phaolô còn ghi thêm những phương thức và hoạt động khác: *việc tông đồ, giảng dạy, giúp đỡ và quản trị* (1 Cr 12, 28).

Không rõ là khi đề ra danh sách này, thánh Phaolô muốn ghi cho đầy đủ (có vẻ không phải như thế) hay muốn sắp xếp theo thứ tự quan trọng (rất có thể), đặc biệt là trong đoạn văn cuối, khi ngài viết: ‘*thứ nhất là các tông đồ, thứ hai là các ngôn sứ, thứ ba là các thầy dạy.*’ Dù sao đi nữa, điều chắc chắn là, đối với thánh Phaolô, mọi đặc sủng, mọi công việc phục vụ và hoạt động đều cần thiết và quan trọng cho đời sống Giáo Hội. Cũng như không chi thể nào có thể nói với chi thể khác: Tôi không cần anh! (1 Cr 12,21), thì không phần vụ nào trong giáo hội là dư thừa. Hơn nữa, nếu buộc xếp hạng các loại đặc sủng, thì theo thánh Phaolô, Tình Yêu phải đứng hàng đầu, vì thiếu tình yêu thì không có phần vụ nào còn giá trị gì nữa (1 Cr 13,13). Sau hết, và quan trọng nhất, mọi đặc sủng phải được thực thi để xây dựng cộng đoàn (1 Cr 14,12).

Cuối cùng, cần phải lưu ý rằng ba thuật ngữ ***episcopos, presbyteros, và diakonos*** (ἐπίσκοπος, πρεσβύτερος, διάκονος) nói lên những nhiệm vụ đặc thù cần phải thực thi. Thuật ngữ thứ nhất có nghĩa là người ‘*giám sát*’ hay ‘*nhìn từ trên*’, nhưng thường được dịch là ‘*giám mục*’

(giám quản); thuật ngữ thứ hai có nghĩa là ‘niên trưởng’ hay ‘trưởng lão’, nhưng thường được dịch là ‘linh mục’ (kỳ mục), và thuật ngữ thứ ba có nghĩa là ‘người phục vụ’ hay ‘bồi bàn’, nhưng thường được dịch là ‘phó tế’ (trợ tá). Trong Philip 1, 1, thánh Phaolô gửi lời chào ‘các vị (xin lưu ý đến số nhiều: các) giám quản (giám mục) và trợ tá (phó tế)’ trong cộng đoàn, và dù chúng ta cũng không biết họ đảm nhận nhiệm vụ gì, thì rõ ràng họ giữ một vai trò quan trọng bởi lẽ thánh Phaolô đã nêu đích danh. Trong Rôma 16, 1 thánh Phaolô đề cập đến một người nữ tên là Phoebe và gọi bà là ‘*diakonos* (διάκονος: *phó tế*) của hội thánh’.

Trong ba bức thư mục vụ - hẳn là không do thánh Phaolô tự tay viết lấy mà do các môn đệ viết nhân danh ngài - thì cũng ghi lại các thuật ngữ *episcopos*, *presbyteros* và *diakonos* (ἐπίσκοπος, πρεσβύτερος, διάκονος). Trong 1 Timôtê, có một số chức năng và nhiệm vụ được dành cho cả *episcopos* (giám mục, giám quản) (3, 2-3) lẫn *diakonos* (διάκονος: phó tế, trợ tá) (3,8-12). Những chức năng và nhiệm vụ ấy ít nhiều cũng được đòi hỏi nơi *episkopos* trong Titô 1, 7. Về phần các *presbyteros* (πρεσβύτερος: linh mục - kỳ mục), 1 Timôtê 5, 17 bảo rằng họ phải được ‘*đãi ngộ gấp đôi, nhất là những người vất vả phục vụ lời Chúa và giảng dạy.*’ Những nhiệm vụ như đặt tay (1 Tm 4, 14), xức dầu bệnh nhận (Gc 5, 14), và quản trị chung (Tt 1.5; 1 Pr 5, 2-3) cũng được nêu là phần vụ của họ.

Tôi đã đặt các từ ‘giám mục’, ‘linh mục’ và ‘phó tế’ trong dấu ngoặc như trên để nhắc độc giả rằng khi những từ này được dùng trong Tân Ước thì chúng không có cùng một nghĩa như ta hiểu hiện nay. Giám mục, linh mục, và phó tế hiện nay – thành phần giáo sĩ trong Giáo Hội – không phải

là những người kế vị các ‘giám mục’, ‘linh mục’ và ‘phó tế’ trong Tân Ước, vì những vị được gọi bằng những danh xưng này không hợp thành ‘giáo sĩ’ trong giáo hội thời Tân Ước, bởi lẽ Giáo Hội thời ấy không có một phẩm trật như thế...

### **Sự xuất hiện của Giáo Dân như thành phần khác biệt và thuộc quyền nhóm linh mục.**

Rõ ràng là trong Tân Ước chỉ có một tư tế duy nhất, đó là Chúa Giêsu, và toàn thể dân Thiên Chúa bình đẳng chia sẻ chức tư tế của Chúa Kitô thông qua phép rửa (chức tư tế do phép rửa). Nhờ chức tư tế phổ quát (chung) này, mọi Kitô hữu đều bình đẳng từ nền tảng, có cùng một phẩm giá và cùng một ơn gọi nên thánh như nhau. Tuy nhiên, sự bình đẳng nền tảng này giữa các Kitô hữu không có nghĩa là họ đều làm cùng một việc. Có rất nhiều phần vụ và mọi phần vụ đều cần thiết cho sự lành thánh của Giáo Hội; và mọi người phải thực thi các phần vụ mình để kết thành thân thể Chúa Kitô. Nếu phải xếp hạng các phần vụ đó theo thứ tự cao thấp, thì tiêu chuẩn không phải là quyền lực hay sự thánh thiện. Như thế có nghĩa là không có phần vụ nào cao trọng hơn phần vụ khác xét về quyền lực, và không có phần vụ nào tốt lành hơn phần vụ khác xét về sự thánh thiện: chúng đều bổ túc cho nhau. Tiêu chuẩn duy nhất để phân biệt các phần vụ trong giáo hội là công việc **phục - vụ - trong - tình - yêu**. Như Alexandre Faivre từng nói lên: “*Không có vấn đề phẩm trật tôn ti về quyền lực hay về sự thánh thiện. Chỉ có phẩm trật tôn ti trong việc phục vụ mà thôi*” [2]

Vậy thì lúc nào và vì sao xuất hiện khái niệm về một nhóm người trong giáo hội được gọi là ‘giáo dân’, khác biệt và

bất bình đẳng với một nhóm khác được gọi là ‘giáo sĩ’? Tìm về tư liệu đề cập đến bước đầu của sự xuất hiện này, các sử gia nêu lên một bức thư do thánh Clémentê viết năm 96 nhân danh Hội Thánh Rôma gửi Hội Thánh Corintô. Nguyên nhân của bức thư này là cuộc đấu tranh tai tiếng để dành lấy quyền lực trong hội thánh Côrintô [3]. Các vị trưởng lão lãnh đạo, từng thực thi nhiệm vụ mình một cách hoàn hảo, bỗng bị một nhóm người trẻ truất phế. Hình như nhóm này muốn đưa vào một cách thức cai quản uyển chuyển hơn, có lẽ với một nhiệm kỳ ngắn hạn thay vì một nhiệm vụ suốt đời. Có thể những người chống đối cũng là những kẻ tự cho rằng mình có các ân sủng hay đoàn sủng đối lập với những tác vụ bình thường.

Thánh Clémentê viết bức thư ấy nhằm giải quyết xung đột bằng cách dựa trên khái niệm về tôn ti trật tự trong cơ cấu giáo hội. Theo ngài, các tông đồ cắt đặt những tín hữu tiên khởi làm ‘*giám quản và trợ tá cho các tín hữu tương lai*’ (chương 42). Về sau, các ngài cũng qui định rằng khi những giám quản và trợ tá ấy chết đi thì ‘*những người được chấp thuận khác sẽ thay thế nhiệm vụ của họ*’ (chương 44). Từ đó, thánh Clémentê tiếp tục bảo rằng ‘*sẽ phạm đức công bình nếu cách chức những người được bổ nhiệm do họ (= các tông đồ), hay được chọn sau này với sự đồng ý của toàn thể hội thánh, do những người có thể giá, từng được mọi người chấp thuận và coi sóc đàn chiên của Chúa Kitô một cách không sai sót, khiêm nhường, trầm tĩnh và không tự phụ*’ (chương 44). Thế là mặc nhiên thánh Clémentê khai sinh một khái niệm quan trọng trong giáo hội học: ấy là khái niệm ‘*kế vị các tông đồ.*’

Chính trong bối cảnh đó mà thuật ngữ *laikos* (λαϊκός) xuất hiện lần đầu tiên. Để giải thích quan niệm về tôn ti trật tự

trong giáo hội, thánh Clémentê sử dụng ba hình ảnh. Thứ nhất là hình ảnh của quân đội, trong đó *‘mỗi người theo cấp bậc mình đều thi hành mệnh lệnh của hoàng đế và các tướng lĩnh’* (chương 37). Thứ hai là hình ảnh theo thánh Phaolô, ấy là một thân thể có nhiều chi thể, tuy khác biệt nhau, *‘nhưng hành động phối hợp với nhau và hiệp nhất trong vâng phục để phục vụ cho toàn thân’* (chương 37). Thứ ba là hình ảnh của việc thờ phượng Do Thái, với luật lệ qui định nơi chốn, thời gian và người cử hành lễ tế, và không ai được vi phạm luật lệ ấy. Cũng thế, thánh Clémentê khẳng định rằng mọi sự trong Giáo Hội phải được thực hiện *‘theo tôn ti trật tự’*: *‘Vị thượng tế đã được giao phó nhiệm vụ đặc biệt; các tư tế có địa vị riêng của mình; các Lêvi có thừa tác vụ đặc thù của họ; và người giáo dân (laikos anthropos - λαϊκός ανθρωπος) bị ràng buộc trong luật lệ dành cho giáo dân (tous laikous prostagmasin - τους λαϊκούς προστάγμασιν)’* (chương 40). Trong văn bản này, tính từ *‘giáo dân’ (laikos - λαϊκός)* là một từ mới do thánh Clémentê đặt ra. Rõ ràng đối với thánh Clémentê, giáo dân (dù ngài không dùng *laikos* như một danh từ) hợp thành một nhóm người tách biệt trong giáo hội. Thế nhưng, trong khi Ngài nêu lên bốn phân, nhiệm vụ, và vị trí riêng biệt của ba nhóm kia, thì ngài không nêu một vai trò hay vị trí nào của người giáo dân ngoài việc họ bị trói buộc vào một số lễ luật. Dù thánh Clémentê không nói các lễ luật ấy là gì, thì chẵn chẵn lễ luật hàng đầu hẳn là phục tòng và vâng lời, để giữ tôn ti trật tự trong hội thánh.

Từ bức thư của thánh Clémentê, ba khuynh hướng liên quan đến giáo dân bắt đầu xuất hiện. Thứ nhất, họ được xếp vào một nhóm riêng biệt, khác với nhóm tư tế (thượng

tế, tư tế và Lêvi): các thành viên trong giáo hội giờ đây đã chia ra thành hai thành phần là giáo sĩ và giáo dân. Thứ hai, họ không có một nhiệm vụ và vai trò riêng nào, đặc biệt là trong việc phụng tự, so với hàng tư tế: họ không có một ‘khuôn mặt’ và được định nghĩa bằng lối phủ định căn tính (= giáo dân là... *không phải là* giáo sĩ. *Chủ thích của người dịch*). Thứ ba, những nhân đức chủ yếu của họ là vun trồng tinh thần vâng lời và phục tùng giáo sĩ: chức linh mục theo phép rửa của họ với các hoạt động cần thiết và sự bình đẳng căn bản của họ so với các thành phần khác trong giáo hội đã trở nên mờ nhạt.

Khoảng đầu thế kỷ thứ hai, - như ta đọc được qua ba khía cạnh của phẩm trật giám mục trong bảy bức thư của thánh I-nhã, giám mục Antiôkia, chịu tử đạo tại Rôma năm 107 - việc một giám mục duy nhất có một hội đồng nhiều linh mục ủng hộ và các phó tế trợ giúp đã trở thành một chuẩn mực, ít ra là tại Tiểu Á. Đối với thánh I Nhã, cơ cấu này, được gọi là cơ cấu ‘giám mục duy nhất’ (*monepiscopate*), là một bảo đảm cho tính duy nhất và chính thống của Giáo Hội. Mọi người đều có bổn phận vâng lời và phục tùng giám mục, và khi chưa có sự chấp thuận của ngài, thì không thể cử hành cả Bí Tích Thánh Thể lẫn Bí Tích Hôn Nhân. Thánh I Nhã viết cho cộng đoàn Trallia như sau: “*Vì khi anh em vâng lời giám mục như thể ngài là Chúa Kitô, tôi thấy rằng anh em sống không chỉ theo phương cách nhân loại mà thôi, nhưng còn theo đường lối của Chúa Giêsu Kitô... Do đó, điều chủ yếu là không bao giờ được hành động mà không có giám mục... Nên tuân phục cả hội đồng linh mục như tuân phục tông đồ Chúa Giêsu Kitô... Mọi người cần tỏ ra kính trọng các phó tế. Các ngài đại diện cho Chúa Giêsu Kitô, nhưng giám mục có vai trò của*

*người cha, và hội đồng linh mục giống như hội đồng của Thiên Chúa và một nhóm tông đồ.” [4]*

Rõ ràng, sự phân biệt giữa ‘giáo sĩ’ và ‘giáo dân’ đã trở thành rất đậm nét, và ‘giáo dân’ đã biến mất khỏi lãnh vực thần học với tư cách là một thành phần quan trọng có quyền hạn riêng.

### **Những giáo dân có ảnh hưởng trong Giáo Hội Sơ Khai: một hình ảnh khác.**

Mặc cho căn tính khá tiêu cực của giáo dân vào cuối thế kỷ thứ nhất, thì vào thế kỷ thứ hai và thứ ba có những nhân vật không phải là ‘giám mục’ hay ‘linh mục’ hay ‘phó tế’ qua lễ đặt tay trong một nghi lễ phong chức hoặc do một nhiệm vụ giám quản trong cộng đoàn (và ta có thể gọi nhóm này là ‘giáo dân’), nhưng những lời giáo huấn hay bài viết của họ đã để lại một dấu ấn sâu đậm trong giáo hội. Có hai người xứng đáng được trân trọng đặc biệt: đó là Justinô và Tertulianô.

Justinô (100 – 165), ra đời tại Samari, là một triết gia ngoại giáo đã đón nhận đức tin Kitô Giáo và tiếp tục dạy triết học cho đến khi chịu tử đạo tại Rôma dưới thời đời Hoàng Đế Maccô Aurêliô. Ông viết một số tác phẩm vào hạng nổi danh nhất như tập Biện Giải (Apology) gửi Hoàng Đế Antônô Piô và các dưỡng tử ông để bảo vệ Kitô hữu chống lại lời cáo buộc họ là vô thần, vô luân và phản quốc [5]. Chính trong tập Biện Giải này mà ta tìm thấy những giáo huấn ý nghĩa nhất của Justinô về Kitô giáo và Kitô hữu. Đối với ông, mọi Kitô hữu đều là tư tế nhờ phép rửa. Ông không phân biệt giáo sĩ với giáo dân và không xác nhận là có một chức tư tế khác - chức tư tế được tấn phong hay thừa tác - thêm vào và cao hơn chức tư tế do phép rửa.

Đối với ông, mọi môn đệ của Chúa Kitô đều có một phẩm giá như nhau, Ông bảo: Chúa Kitô đã đến để ban một ‘*phẩm giá ngang bằng cho tất cả những ai tuân giữ giới răn Người.*’ [6]

Điều này không có nghĩa là cộng đoàn mà Justinô mô tả không có một người chủ tọa và cũng không cử hành bí tích Thánh Thể. Quả thật, Justinô để lại cho chúng ta bản tường thuật xưa nhất về cách thức cử hành bí tích Thánh Thể trong thời giáo hội sơ khai. Ông viết rằng trong thánh lễ ngày Chúa nhật, có ít nhất ba loại người với nhiệm vụ khác nhau: “người chủ tọa cộng đồng anh em”, (những) người đọc Sách Thánh, và những người phục vụ gọi là ‘trợ tá’ (phó tế). Thật đáng lưu ý vì Justinô không dùng một danh từ để chỉ định người chủ tọa cộng đoàn, thay vì thế, ông đã sử dụng một động từ, dịch sát mặt chữ là ‘người đang chủ tọa’. Mặt khác, ông không bảo rằng vị ‘chủ tọa’ cộng đoàn phải là người đã được ‘phong chức’ (nghĩa là một giám mục, linh mục hay phó tế) hoặc một người nam. Ông chỉ nêu bốn công việc của người chủ tọa: khuyên bảo và khích lệ dân Chúa sau bài đọc, dâng lời cầu nguyện Thánh Thể tự phát, chủ tọa việc phân phối bánh và rượu đã được hiến thánh, và thu góp những quà tặng để giúp đỡ người thiếu thốn. Rõ ràng ông không nghĩ rằng điều quan trọng là một chức vị cố định như giám mục hay linh mục, khiến cho một người được đặt cao hơn cộng đoàn; điều quan trọng là công việc phục vụ mà một người thực thi cho cộng đoàn.

Người thứ hai trực tiếp nhấn mạnh đến chức tư tế của giáo dân là Tertulianô, gốc Phi Châu, (160-220). Dù ông rời Giáo Hội Công giáo để gia nhập giáo phái Montanô, thì những điều ông viết cũng ảnh hưởng nhiều trên nền thần học Tây phương. Việc nhấn mạnh này lại càng ý nghĩa vì



Tertulianô, ngược với Justinô, công nhận có hai thành phần trong giáo hội: giáo dân, mà ông gọi là ‘*plebs*’, nghĩa là thứ dân hay thường dân, và ‘*ordo presbyterorum*’ hay giáo sĩ, nghĩa là giai cấp những giám mục, linh mục và phó tế, là những người ‘lãnh đạo và chủ chăn’. Nhưng Tertulianô dứt khoát nêu rõ rằng giáo sĩ xuất phát từ giáo dân, một thành phần có phẩm giá tư tế bình đẳng với giáo sĩ. Quả thật, bởi lẽ giáo dân là tư tế, nên Tertulianô bảo rằng khi vắng giáo sĩ, thì giáo dân (dù theo ông thì không bao gồm nữ giáo dân) có thể và có bổn phận rửa tội và dâng Thánh Thể trong thời gian đó: “*Nơi nào không có tòa của giáo sĩ, thì anh em là giáo dân, anh em hãy dâng (Thánh Lễ) và rửa tội, và anh em sẽ là tư tế cho chính mình. Nói cách khác, khi nào có ba người họp lại, dù chỉ là giáo dân, thì đã có giáo hội*”.

**Từ khác biệt đến bất bình đẳng: Nghi thức phụng vụ đặt tay cho hàng giáo sĩ.**

Bất chấp lời khẳng định mạnh mẽ của Justinô và Tertulianô về chức tư tế do phép rửa của giáo dân và quyền bình đẳng giữa họ với hàng giáo sĩ trong Giáo Hội, thì vào giữa thế kỷ thứ ba, sự khác biệt giữa giáo dân và giáo sĩ đã dần dần biến thành sự bất bình đẳng: giáo dân thấp kém hơn giáo sĩ. Chúng ta đã lưu ý trước đây về sự thấp kém của nữ giáo dân so với nam giáo dân trong thần học của Tertulianô. Ở đây, ngay cả nam giáo dân cũng bị xem là thấp kém so với giáo sĩ như vậy. Khuynh hướng này bắt đầu với Origen (185-254). Ông lý luận rằng giáo sĩ cao trọng hơn giáo dân bởi vì họ có quyền tha tội cho giáo dân. Sự cao trọng trong địa vị được chuyển sang một nếp sống tinh thần: giáo dân được tái hôn khi vợ mình đã qua đời, trong khi đó thì giáo sĩ không được phép tái hôn. Hơn

nữ, thừa tác vụ dạy dỗ với tư cách là thầy giảng hay kinh sư, mà vào thế kỷ thứ ba vẫn do giáo dân đảm nhiệm (Clémentê thành Alexandria và chính Origen từng là thầy giảng trước khi trở thành linh mục năm 230), bắt đầu thu hẹp lại vào hàng giáo sĩ.

Sự phân biệt giữa giáo sĩ và giáo dân được xác định qua quyết định của giáo luật và phụng vụ vào thế kỷ thứ ba trong một văn kiện quan trọng được xem là Truyền Thống các Tông Đồ, mà tác giả là một linh mục La Mã, thánh Hippolite (170-236). Văn kiện này cực kỳ quan trọng vì nó mô tả nghi lễ được cử hành tại Rôma vào thế kỷ thứ ba. Qua văn kiện này, rõ ràng là sự phân biệt giữa giáo sĩ và giáo dân được hình thành qua phụng vụ. Một giáo dân muốn trở thành giáo sĩ thì phải thông qua nghi lễ đặt tay, còn được gọi là ‘ordinatio’ (mà trong từ vựng Việt Nam hiện nay gọi là: lễ nghi phong chức): “*Việc đặt tay (keirotonia - χειροτονία) được dành cho giáo sĩ (kleros-kleroc) để cử hành phụng vụ (leitourgia - λειτουργία).*” Việc đặt tay này được dành cho những ai được phân công cử hành phụng vụ hay ‘hy lễ’ (nghĩa là bí tích Thánh Thể), đây là giám mục, linh mục và phó tế. Những tác vụ khác trong phụng vụ, ví dụ các nhiệm vụ của một góa phụ, một trinh nữ, một người giảng dạy, đọc sách hay chữa bệnh, thì không được phép hay đòi buộc đặt tay. Điều cần thiết cho các tác vụ này là nghi lễ ‘bổ nhiệm’ hay ‘nhậm chức’.

Những giáo dân nào được đặt tay để cử hành phụng vụ? Trong khi cuốn Truyền thống các Tông Đồ không nhắc gì đến phụ nữ, thì một tài liệu khác, tập Didascalia Apostolorum (Giáo Huấn các Tông Đồ), cũng được viết vào thế kỷ thứ ba bằng tiếng Hy Lạp, nhưng chỉ còn lại bản tiếng Syria, có đề cập đến nữ phó tế. Tập này kêu gọi

Kitô hữu tôn kính giám mục ‘vì đối với anh em, giám mục giữ vị trí của Thiên Chúa Tối Cao. Phó tế giữ vị trí của Chúa Kitô nên anh em phải yêu mến họ. Anh em cũng phải yêu mến các nữ phó tế, là những người giữ vị trí của Chúa Thánh Thần. Đối với anh em, những trưởng lão (linh mục) đại diện cho các tông đồ.’ [7]

Một trường hợp đáng chú ý khác là trường hợp của người tuyên xưng, nghĩa là một Kitô hữu bị bắt hoặc bị giam cầm hay xử phạt bằng một hình thức nào đó (chứ không chỉ bị nhạo báng mà thôi) vì đức tin Kitô giáo trong thời kỳ bách hại và tuyên xưng đức tin mình. Theo Truyền Thống các Tông Đồ: “Nếu một người tuyên xưng từng bị bắt nhân danh Chúa, thì không được đặt tay trên người đó để phong chức phó tế hay chức linh mục, bởi lẽ người tuyên xưng đã được vinh dự hưởng chức linh mục nhờ việc tuyên xưng của mình. Nhưng nếu người tuyên xưng đó được tấn phong giám mục, thì cần phải đặt tay trên người đó.” [8] Mặc dù chúng ta có khuynh hướng nghĩ rằng người tuyên xưng là một người nam, và nhiều dịch giả sử dụng đại từ giống đực để chỉ định người tuyên xưng, chúng ta biết rằng không chỉ người nam mà người nữ cũng bị bắt giam vì đức tin và đã tuyên xưng đức tin mình. Do đó, phụ nữ ‘cũng đã được vinh dự hưởng chức linh mục nhờ việc tuyên xưng của mình’....

### **Chú thích:**

[1] Cuộc nghiên cứu kinh điển về giáo dân do Yves Congar: *Lay People in the Church: A Study for a Theology of Laity*, do Donald Attwater dịch (Westminster, MD: Christian Classics, 1985). Những cuộc nghiên cứu

gần đây hơn về giáo dân bao gồm: *Rémi Parent, Church of the Baptized: Overcoming the Tension Between the Clergy and the Laity*, do Stephen W. Arndt dịch (New York: Paulist Press, 1989); *Alexandre Faivre, The Emergence of the Laity in the Early Church*, do David Smith dịch (New York: Paulist Press, 1990); và *Peter Neuner, Der Laie und das Gottesfolk* (Frankfurt am Main: Verlag Josef Knecht, 1988).

- [2] Alexandre Faivre, *The Emergence of the Laity*, 9
- [3] Về bản dịch tiếng Anh bức thư này, xem *Early Christian Fathers*, ed. Cyril Richardson (New York: Macmillan, 1970) 43-73. Về lời bình luận bức thư này liên quan đến giáo dân, xem Alexandre Faivre, *The Emergence of the Laity*, 15-24.
- [4] Về bản dịch tiếng Anh các bức thư của thánh I Nhã, xem *Early Christian Fathers*, ed. C. Richardson, 87-120. Câu trích dẫn trên đây là ở trang 98-99.
- [5] Về bản dịch tiếng Anh cuốn *Apology* của Justinô (thường gọi là *First Apology* [Biện giải thứ nhất] để phân biệt với cuốn *Apology* thứ hai), xem *Early Christian Fathers*, ed. C. Richardson, 242-289.
- [6] Justin, *Dialogue with Trypho*, 134.3.
- [7] *Didascalia Apostolorum*, II, 26.6-8.
- [8] *Apostolic Tradition*, 9.

# GIÁO DÂN TRONG HỘI THÁNH

Felipe Gómez Ngô Minh [1]

## I. GIỜ ĐÃ ĐIỂM...

Có lẽ một trong những thành quả đáng kể nhất của công đồng Vaticanô II là việc nêu bật vai trò của giáo dân ở giữa lòng cuộc sống Hội Thánh. Chỉ trong quãng thời gian trên dưới một thế hệ nay, đã thấy có nhiều giáo hữu không chịu chức thánh đóng giữ những vai trò trọng yếu hoặc trở nên những thành phần năng động trong Giáo Hội. Hẳn là còn phải tiến xa hơn nữa cho đến khi đa số thẩm lạng này tham gia hàng loạt và tích cực vào sứ mệnh của Đức Kitô ở giữa thế giới. Trong quá khứ, giới giáo dân được quan niệm như là Giáo Hội thụ huấn, hoàn toàn ở dưới quyền chi phối của giáo sĩ. Họ chỉ là giới tiêu dùng tựa như khách hàng trong siêu thị tôn giáo của các bí tích. Nói Giáo Hội là người ta nghĩ ngay đến hàng giáo phẩm hoặc các giáo sĩ: Giáo Hội *bảo*... Giáo Hội *dạy*... Giáo Hội tỏ rõ lập trường của mình... v.v. có nghĩa là các giám mục và lắm khi chỉ một mình Giáo chủ Rôma! làm như thế; còn khối các tín hữu khác thì chỉ là đàn chiên được chăn dắt bởi các mục tử. Thánh Piô X đã quả quyết với một lời bi tráng như sau: Chỉ duy các mục tử mới có quyền hành và uy thế... Còn dân chúng [tức giáo dân] thì chỉ có quyền đề các mục tử dẫn dắt, và như đàn chiên dễ bảo, biết nghe theo các ngài... [2] Nhân đức căn bản của giáo dân là vâng lời và cách thức góp phần vào công trình của Giáo Hội là góp tiền của cho các cuộc lạc quyên, là góp "tiền oi" mỗi Chúa nhật. Thực vậy, đối với đa số, sống đạo chỉ cốt tại việc xem lễ các

ngày Chúa nhật và lễ buộc. Đó là bốn phận cốt cán của đời sống kitô!

May thay, hình ảnh có phần biếm họa trên đây hiện đang chuyển mình biến đổi. Bởi một mặt, Giáo Hội (hàng giáo phẩm) đang mạnh mẽ thúc dục giáo dân gia nhập các phong trào tông đồ muôn hình thái và tham gia tích cực vào trong sứ vụ chung của Giáo Hội. Giáo Hội đã phải đắm ngược thú nhận lỗi tại tôi... mọi đảng vì thái độ tiêu cực đã từng có đối với dân Chúa, vì đã bỏ quên các đặc sủng Thánh Thần ban cho họ, đã bỏ rơi tài năng đa dạng của họ, cũng như vì đã đối xử với họ như là loại dân thiêng liêng thứ cấp. Và mặt khác, bởi có kiến thức đầy đủ và được đào tạo chu đáo, giáo dân ngày nay không những không còn ngại ngùng, mà hơn nữa, còn mạnh mẽ dấn thân vào trong các công tác tông đồ và hành chánh của Giáo Hội. Không thiếu gì giáo dân đích thân đứng ra thành lập các phong trào hoặc hội đoàn tông đồ hay đạo đức. Và hiện nay, cũng không thiếu gì giáo dân đang đứng đầu dẫn dắt các cộng đoàn giáo xứ. Và trong khắp thế giới, đại đa số các giáo lý viên đều là giáo dân: họ là những thầy giáo khai tâm, có sứ mạng gieo hạt giống Lời Chúa vào lòng các thế hệ trẻ. Giáo Hội có bốn phận nhìn nhận địa vị của họ, không chỉ cứ sự không thôi mà còn cứ luật nữa. Bởi thế, đã đến lúc phải gấp rút sửa đổi nhiều điều trong Giáo Hội, phải thay đổi cả não trạng, thái độ và cơ cấu: thời kỳ đã mãn! [3]

### **Giáo Hội Trung Ương**

Trong thời tân đại, giáo dân công giáo đã sống đạo theo lối hầu như hoàn toàn thụ động. Đã có ít nhiều sáng kiến cá nhân: Pauline-Marie Jaricot đã sáng lập hội Truyền Giáo tại Lyon (năm 1822); cùng với một nhóm bạn, Frédéric

Ozanam đã khởi động và khai sinh Hội Thánh Vinh Sơn Phaolô (năm 1835). Rồi năm 1924, phong trào *JOC* (Jeuneuse Ouvrière Catholique, Thanh Lao Công) được sáng lập tại Bỉ dù do sáng kiến của một giáo sĩ, Joseph Cardijn và đã lan rộng đến nhiều nước dưới nhiều thể dạng khác nhau. Còn có một số sáng kiến xuất hiện tại nhiều nơi khác, nhưng chỉ là những sáng kiến đơn thuần địa phương, không có được tầm hưởng quốc tế.

Phong trào Công Giáo Tiến Hành đã khởi đầu hồi thế kỷ 19 bằng những bước ngập ngừng, mập mờ, với sự ủng hộ chưa nói được là hoàn toàn của Đức Piô IX. Rồi tiếp đó, các thông điệp *Tân Sự* (Rerum novarum) của Đức Lêô XIII và *Năm Thứ Bốn Mười* (Quadragesimo anno) của Đức Piô XI đã thúc giục người công giáo dần thân vào các lãnh vực chính trị và lao động. Qua *Ubi arcano Dei* (năm 1922), Đức Piô XI đã đặt nền móng nhằm thiết kế một phương thức mới cho công tác hoạt động tông đồ giáo dân; ngài cũng đã viết một thông điệp cho Công Giáo Tiến Hành nước Ý (Non abbiamo bisogno, 29-6-1931), với mục đích chinh phục môi trường đang bị tục hóa của Châu Âu. Các Giáo hoàng đã lưu ý cách riêng đến các nước Tây phương, là những nước có đông người công giáo. Đức Piô XII đã đốc lực tổ chức các phong trào công giáo trên bình diện quốc tế. Theo ngài, giáo dân có thể được quan niệm như là phụ tá của giáo sĩ; trong thông điệp *Năm Thánh* (Anni sacri, 12.3.1950), ngài viết: Bởi linh mục không thể đến với tất cả và làm hết mọi sự, và cũng chẳng có thể thường xuyên thỏa mãn cho tất cả được, nên các thành phần chiến đấu trong hàng ngũ Công Giáo Tiến Hành có bốn phận góp phần trợ lực cho kinh nghiệm và công lao của họ (số 8). Và trong thông điệp *Những Người Loan Báo Tin Mừng*

(Evangelii praecones), ngài phát biểu tiếp: Cần phải có những giáo dân quảng đại và nhiệt thành hợp tác với giáo sĩ trong việc tông đồ, cũng như tham gia đông đảo vào trong các hàng ngũ Công Giáo Tiến Hành. [4]

Khi ngộ lời với Công Giáo Tiến Hành Ý (7.12.1963), Đức Phaolô VI đã tóm lược như sau về quan niệm đối với giáo dân trong thời tiền Vaticanô II: Các con thường khẳng định rõ: là những giáo dân nam nữ thuộc mọi giai tầng xã hội, chúng con cương quyết gắn bó với thừa tác vụ phẩm trật của Giáo Hội, hầu trở nên, trước tiên, những người con nhiệt tình hiếu thảo, luôn biết lắng nghe lời hàng giáo phẩm, sẵn sàng đón nhận các huấn lệnh, cũng như chia sẻ những lo âu, khổ nhọc và niềm hy vọng của các ngài; chúng con cũng cam kết đem toàn lực hoạt động với tất cả lòng trung thành để tiếp tay làm cho sức hữu hiệu tông đồ của các ngài được dâng cao và tỏa rộng thêm mãi.

Đức Gioan XXIII cũng đã từng khai triển tư tưởng này, như đọc thấy chẳng hạn, ở trong thông điệp Thủ Lãnh Các Mục Tử (Princeps pastorum, 28.11.1959), bản Về tác vụ truyền giáo, các giáo sĩ địa phương, và việc hợp tác của giáo dân. Ngài viết: Thời đại chúng ta đòi hỏi cần phải cố gắng không những như xưa, mà còn nhiều hơn nữa (trong việc giáo dân dần thân hoạt động cho các công tác tông đồ), bởi lẽ nhu cầu ngày càng lớn càng nhiều, nhu cầu ứng đáp cho lòng mong ước của đông đảo con người hiện đang khao khát lương thực thiêng liêng của giáo lý chân thật... Cũng là điều thiết yếu, việc hết mọi thành viên trong Giáo Hội đều cùng nắm tay hợp tác để thực hiện công cuộc cứu độ của Giáo Hội. [5]

Hầu như bao giờ các văn kiện này cũng quan niệm hoạt động của giáo dân như chỉ là một yếu tố phụ thuộc; giáo



dân được phép hợp tác với giáo phẩm trong công việc tông đồ của giáo phẩm; họ có thể bổ túc cho những thiếu hụt của giáo sĩ, nhưng thật ra không cần thiết.

Công đồng Vaticanô II đã đổi hẳn cách quan niệm, và hơn nữa đã đổi luôn cả mô biểu quy chiếu của Giáo Hội học. Suy tư dựa theo thực trạng biện chứng giữa mâu nhiệm và dân Thiên Chúa, công đồng đã nhận ra ngay là cần phải đổi mới Giáo Hội. Các nghị phụ đã thấy là phải không ngừng thanh luyện (x. GH 8) và cải cách Giáo Hội (x. HN 6). Ít khi công đồng dùng đến từ *reformatio* (cải cách), nhưng lại dùng rất nhiều đến từ *renovatio* (đổi mới, canh tân) để nhấn mạnh đến tính chất liên tục trong Hội thánh. Mục đích của việc đổi mới là để làm cho mình trở thành ngày càng hữu hiệu hơn đối với ơn gọi của mình (x. HN 6), tức là để chu toàn hoàn hảo hơn sứ mệnh tại thế gian của mình. Điều đó giả thiết một nỗ lực căn bản và trường kỳ nơi mọi tín hữu (từ giáo hoàng cho tới người tân tông cuối cùng), nỗ lực thống hối và cải thiện nội tâm, cũng nỗ lực cải tiến các hình thức sống đạo cá nhân, cách tổ chức và quản trị cộng đoàn, cách thi hành sứ vụ, v.v. Còn về những phương tiện thì chính sắc lệnh về Đại kết cũng đã đề ra một số chỉ dẫn: Giáo Hội thực hiện cuộc canh tân ấy bằng nhiều hình thức khác nhau trong đời sống Giáo Hội, như phong trào Kinh Thánh và phụng vụ, việc rao giảng Lời Chúa và giáo lý, hoạt động tông đồ giáo dân, những hình thức mới trong đời tu trì, nền linh đạo hôn nhân, học thuyết và hoạt động xã hội của Giáo Hội (x. HN 6b). Đáng chú ý là việc tông đồ của giáo dân được đặc biệt nêu bật. Và hơn nữa, công đồng Vaticanô II là công đồng *đầu tiên* đã công bố một sắc lệnh về giáo dân, *Sắc lệnh về Hoạt Động Tông Đồ giáo Dân!* [6]

Làm thế nào để thay đổi mô biểu của Giáo Hội học? Khi ủy ban chuẩn bị công đồng đề nghị lược đồ về Giáo Hội, thì đa số nghị phụ đã từ chối không nhận và yêu cầu một nhóm thần học gia nổi tiếng soạn thảo một lược đồ khác. Sau nhiều buổi thảo luận gay go và nhiều lần bỏ phiếu, công đồng đã đạt được một kết quả bất ngờ, tựa như theo lối biểu đạt của cha D.-M. Chenu, O.P. một cuộc cách mạng Copernic trong Giáo Hội học: ngày trước, Giáo Hội được quan niệm chủ yếu như là một xã hội đặt dưới quyền thống trị của hàng giáo phẩm, và làm như tâm điểm của Giáo Hội tập trung cả vào nơi quyền bính của hàng giáo phẩm; [7] còn công đồng thì lại đặt tâm điểm nơi chính Thiên Chúa (màu nhiệm), và cộng đồng tín hữu là dân Thiên Chúa. Trong cộng đồng Giáo Hội, mọi thành viên đều có phẩm giá ngang nhau, dù chức năng có khác nhau. Nguồn gốc chung của mọi thừa tác vụ là phép Thánh Tẩy, rồi các bí tích khác thì làm phát sinh nhiều thừa tác vụ khác nhau; vì thế, trong Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội, chương 3 bàn về cơ cấu phẩm trật và chương 4 về giáo dân, nói cách khác: trước tiên bàn về nhiệm vụ chung, rồi sau đó mới đến các đặc tính của từng phần. Hơn nữa, sử liệu công đồng cũng cho thấy rằng tính chất chung này, đặc biệt là ơn gọi chung tiên tri, tư tế và vương giả là nguyên tắc chú giải (hermeneutical principle) áp dụng cho toàn bộ Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội, tức cho nền Giáo Hội học của Vaticanô II. Hiến chế được chấp nhận ngày 21.11.1964, với 2151 phiếu thuận và 5 phiếu phủ quyết. Cho đến Vaticanô II, không một công đồng nào đã bàn luận như thế về giáo dân.

Như vậy, Dân Thiên Chúa (toàn thể tín hữu không phân biệt trật bậc) là nền tảng của Hội thánh cả về phương diện

xã hội lẫn về phương diện bí tích. Giáo dân và giáo sĩ quả là khác nhau, song không phải như bề trên với bề dưới: hai bên đều chia sẻ cùng một ơn gọi nên thánh và cùng một sứ mệnh chung là xây dựng Nước Trời. Phải nói là ơn gọi chung này phức tạp và bao gồm nhiều ơn gọi riêng, cùng những đặc sủng tập thể cũng như cá nhân, thông thường thì được ban qua các bí tích khác nhau.

Vậy, nguồn suối của sức đổi mới trong Giáo Hội là *missio Dei*, tức sứ mệnh Thiên Chúa trao phó (qua sự việc Chúa Cha sai phái Chúa Con, và Chúa Con sai phái Giáo Hội); và mục đích của sứ mệnh ấy là làm chứng cho Thiên Chúa và triền dương vương quyền tại thế của Người. Sứ mệnh là lý do hiện hữu (*raison d'être*) của Giáo Hội: thiết lập Giáo Hội là Đức Kitô có ý tạo nên một phương thế làm khí cụ của việc kết hợp mật thiết với Thiên Chúa, và của mối hiệp nhất giữa toàn thể nhân loại (GH 1); nói cách khác: Giáo Hội là để cho thế gian, chứ không phải ngược lại, và Dân Chúa (mà đa số là giáo dân) là phương thế để đạt tới mục đích ấy; căn tính của Giáo Hội cốt tủy ở sứ vụ này, và giáo dân càng dần thân cho sứ vụ thì Giáo Hội càng thành tựu chính mình, càng lớn lên, v.v. Giáo Hội sẽ đổi mới hay không và đến mức độ nào, thì đó là tùy vào mức độ dần thân của toàn thể Dân Chúa cho sứ vụ làm chứng về Đức Kitô và phục vụ muôn loài. Việc gặp gỡ với xã hội, văn hóa, tôn giáo, v.v. phải diễn ra trong khuôn khổ và với tinh thần của sứ mệnh. [8]

Vaticanô II đã đặc biệt bàn về giáo dân trong chương 4, Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội, và trong Sắc lệnh về Tông đồ Giáo dân. Tất cả những gì nói về Dân Thiên Chúa thì đều liên quan đồng đều đến cả giáo dân, tu sĩ và giáo sĩ (GH 30) để mọi người cùng góp phần vào công cuộc

chung tùy theo cách thế của mình. Theo công đồng, cứu cánh của Dân Thiên sai là phát triển thêm mãi Nước Thiên Chúa và không ngừng tự đổi mới dưới tác động của Chúa Thánh Thần (GH 9). Tất cả mọi thành viên đều tham dự vào chức tư tế cộng đồng (x. GH 10-11) và hưởng nhận những đoàn sủng khác nhau khiến họ có đủ khả năng và sẵn sàng đảm nhận những công tác và nhiệm vụ khác nhau, hữu ích cho việc canh tân, xây dựng và phát triển Giáo Hội (GH 12). Vì thế, làm việc tông đồ là giáo dân thông phần vào chính sứ mệnh cứu độ của Giáo Hội. Qua việc lãnh nhận bí tích Rửa tội và Thêm sức, hết thảy mọi tín hữu đều được Chúa đề cử làm tông đồ (GH 33b). Đã được làm anh em của Đức Kitô cũng như của hàng giáo phẩm và giáo sĩ (x. GH 32d), tất giáo dân có nhiệm vụ cao cả là làm cho quyết định cứu độ của Thiên Chúa ngày càng lan rộng tới tất cả mọi người ở mọi nơi, trong mọi thời đại (GH 33c). Cuối cùng, chương 4 kết thúc với lời trích dẫn thư gửi Diognetus (thế kỷ 20): Người kitô làm cho thế giới sống hết như linh hồn làm cho thân xác sống vậy (GH 38).

Tiếp theo sau đó, Sắc lệnh về Tông đồ Giáo dân đã bắt đầu với lời xác định nói rằng: các kitô hữu giáo dân giữ một phần cá biệt và thiết yếu trong sứ mệnh của Giáo Hội (TĐ 1), rồi khai triển nội dung của nhiệm vụ này, và sau cùng kết thúc với lời kêu gọi: Nhân Danh Chúa, thánh công đồng tận lực kêu mời tất cả các giáo dân hãy quảng đại, mau mắn đáp lại tiếng của Chúa Kitô hiện đang khẩn khoản mời gọi, cũng như hưởng ứng đà thúc đẩy của Chúa Thánh Thần (TĐ 33). Công đồng đã nhắc đi nhắc lại lời kêu mời này trong nhiều văn kiện; chẳng hạn, Hiến chế Mục vụ đã lên tiếng phản nản rằng: Tình trạng ly gián giữa đức tin các kitô hữu tuyên xưng và cuộc sống thường nhật

của nhiều người, là một trong số những sai lầm trầm trọng nhất của thời đại chúng ta, và đồng thời khẳng định như sau: Giữ những phận vụ sinh động cần được thi hành trong đời sống Giáo Hội toàn thể, không những người giáo dân có sứ mạng đưa tinh thần kitô giáo thấm đượm vào trong thế giới, mà còn được kêu gọi để làm chứng cho Đức Kitô trong mọi hoàn cảnh, ngay giữa lòng cộng đồng nhân loại (MV 43ad).

Qua những lời lẽ như thế, rõ ràng là Giáo Hội muốn giống lên lời mời tha thiết kêu gọi giáo dân hăng say, quảng đại cùng tận lực dấn thân cho sứ mệnh kitô, và hy vọng nhiều người sẽ đáp ứng tích cực.

Đức Phaolô VI đã đổi mới hệ thống thừa tác vụ không-bí tích trong Giáo Hội (*Ministeria Quaedam*, 15.8.1972). Chức Cắt tóc và chức Phụ phó tế không còn; các chức Đọc sách và Giúp lễ thì đã trở thành những Thừa tác vụ mở rộng cho cả giáo dân.

Bộ Giáo luật mới liệt kê nhiều nhiệm vụ giáo dân có thể đảm trách và thi hành: không chỉ các tác vụ giúp lễ và đọc sách trong phụng vụ (đ 230), mà còn cả tác vụ giảng Lời Chúa (trừ bài giảng sau Phúc âm, đ 776; 762.1). Giáo dân có thể dạy thần học với danh nghĩa chính thức (đ 229.3), và đến một mức nào đó, đảm nhiệm cả những phận vụ chương án (đ 483.2), lục sự (đ 483.2) và biện lý trong giáo phận (đ 494); có thể làm thẩm phán trong một tòa án tập đoàn (đ 1431.2), cố vấn thẩm phán (đ 1424), chương lý và bảo hộ viên (đ 1435); có thể làm kiểm toán viên (đ 1428.2) cũng như thụ ủy (đ 1483). Trong giáo phận, giáo dân có thể làm thành viên của hội đồng kinh tế (đ 492.3) và hội đồng mục vụ (đ 512.1); còn trong họ đạo thì giáo dân có thể phối trí những công tác tông đồ dưới quyền chỉ đạo của

cha xứ, và nếu không có linh mục, giáo dân có thể đảm trách việc trông coi họ đạo (đ 517.2). Giáo dân có thể làm thừa sai (đ 784), làm thừa tác viên ngoại thường của Phép Rửa (đ 861.2), phân phát (đ 910.2) và đặt Mình Thánh Chúa (đ 943); giáo dân cũng có thể cử hành phụng vụ hôn phối (đ 1112), phụng vụ an táng và nhiều á bí tích khác (đ 1168). Khuôn mẫu pháp lý đã sẵn có, chỉ cần có ứng viên có đủ khả năng và điều kiện vào các chức vụ ấy.

Trong những thập kỷ gần đây, Tòa Thánh cũng đã đề xuất một số văn kiện về giáo dân. Trong Tông huấn về việc dạy giáo lý *Catechesi tradendae* (16.10.1979), Đức Gioan Phaolô II đã nêu bật vai trò của các giáo lý viên giáo dân (số 66). Đặc biệt, Tông huấn *Christifideles laici* (30.12.1988), thành quả của Thượng hội đồng giám mục năm 1987, đã được coi là hiến chương của giáo dân. Tình trạng của giáo dân trong Giáo Hội có thể được ví như những người đứng đường rồi rã vì không ai muốn, trong khi có nhiều việc phải làm cho vườn nho; giờ đây, gia chủ (Đức Kitô và Giáo Hội) bảo họ: Cả các anh nữa, hãy đi vào làm vườn nho cho tôi! (Mt 20:3-7). Cả một thế hệ sau Vaticanô II, các giám mục mới đâm ngực thú tội là đã không dùng hoặc không dùng cho đúng mức tài năng và đặc sủng của giáo dân. Bước vào thiên kỷ thứ ba này, trong Giáo Hội, không ai có thể ở rồi rã mà không ra tay làm việc được cả. Đức Giáo hoàng đã nhắc lại lời của Đức Piô XII nói rằng giáo dân không chỉ thuộc về Giáo Hội, mà chính là Giáo Hội! Thế nên, họ tham dự vào thừa tác vụ tính (*ministeriality*) của Nhiệm thể Đức Kitô, nghĩa là chia sẻ bản chất tư tế, tiên tri và vương giả của Đầu là Đức Kitô, trong chiều kích làm men muối và ánh sáng giữa trần thế, như Vaticanô II đã dạy. Để chu toàn sứ mệnh, trước

hết giáo dân phải thực sự nên thánh theo ơn gọi và thể cách riêng của mình, phải biết sống hiệp thông với Hội thánh toàn thể và áp dụng những ân huệ của Thánh Thần để phục vụ mọi người. Từ các ân huệ ấy xuất phát các nhiệm vụ, các thừa tác vụ và vai trò khác nhau trong Giáo Hội, lãnh nhận qua các bí tích; do đó, mọi người đều được mời gọi đảm nhận phần trách vụ trong sứ mệnh của Giáo Hội, cả đến trách nhiệm mục vụ trong giáo xứ (Catechesi trad. 25-26), cùng tác vụ công bố Tin mừng cho lương dân (x. số 33, 35). Đức Gioan Phaolô II quả quyết: đã đến giờ phải tiến hành công cuộc tân phúc âm hóa, và nếu đã thông dự trọn vẹn vào trong sứ mệnh tiên tri của Đức Kitô, tất giáo dân cũng có bổn phận thông dự hoàn toàn vào trong sứ vụ của Giáo Hội (số 34). Chắc hẳn giáo dân cần phải được đào tạo chu đáo hơn cả về mặt giáo lý đức tin lẫn về mặt kỹ năng và đối với công tác đào luyện này, giáo sĩ có một bổn phận đặc biệt Cuối cùng ngài kết thúc: Tôi tha thiết kêu gọi hết thảy mọi giáo hữu, mục tử cũng như giáo dân, hãy mãi mãi kiên trì giữ gìn cho sống động cảm thức về Giáo Hội, luôn luôn ý thức mình là thành phần của Hội thánh Chúa Giêsu Kitô, được thông dự vào mầu nhiệm hiệp thông của Giáo Hội, vào sức năng động của sứ mệnh tông đồ Giáo Hội đảm nhận (số 64).

Các tài liệu khác cũng đều đi theo cùng một đường hướng và đều gióng lên cùng một lời mời gọi. Quả vậy, càng ý thức về những nhu cầu của Giáo Hội, thì Tòa thánh càng mạnh mẽ kêu gọi giáo dân góp phần vào sứ mệnh chung.

## **Giáo Hội Châu Á**

Ngay từ đầu, Giáo Hội Châu Á đã nhìn nhận vai trò trọng yếu của giáo dân, đặc biệt là ở một vài Giáo Hội địa

phương như Đại Hàn và Việt Nam; ở những nơi này, các giáo lý viên đã có một phần đóng góp lớn lao và đặc thù. Từ khi các giám mục Châu Á nhóm họp lần đầu (1970) với việc thành lập FABC (Liên hiệp các Hội đồng Giám mục Châu Á) hàng giáo phẩm đã ý thức về việc giáo dân phải đóng một vai trò đặc thù tại lục địa nhà. Thế nên, một cuộc hội thảo đã được tổ chức tại Hongkong (1977) với chủ đề các thừa tác vụ trong Giáo Hội. [9] Để chuẩn bị Đại hội thứ ba (1982), hai tài liệu về cương vị của giáo dân đã được gửi đến trước cho các thành phần tham dự. [10] Trong số các ủy ban đặc nhiệm của FABC thì có BILA chuyên trách về công tác tông đồ giáo dân (Bishops Institute for Lay Apostolate); ủy ban này đã nhóm họp lần đầu hồi năm 1985 với chủ đề: Trusting, Entrusting the Laity (Tin tưởng và ủy nhiệm cho giáo dân). Năm sau, Đại hội thứ tư của FABC (Tokyo 16-25 tháng 9, 1986) đã bàn riêng về vai trò của giáo dân trong Giáo Hội. Các giám mục xác nhận là giáo dân đã và đang góp phần to lớn cho đời sống đức tin của Dân Chúa (x. số 2.4), cũng như nêu lên những lãnh vực trong đó họ phải đóng giữ một vai đặc biệt, như: gia đình, giáo dục, phương tiện truyền thông đại chúng, lao động, nghề nghiệp, y tế, nữ giới, v.v. Các giám mục quyết định đổi mới các cơ cấu của Giáo Hội để cổ võ niềm hiệp thông theo tinh thần tập thể và đồng trách nhiệm (4.5). Các ngài đã kết luận rằng: muốn cho Giáo Hội Châu Á cường thịnh hơn, thì phải có một giới giáo dân năng động hơn, và điều này đòi hỏi cần phải đào tạo cho tốt hơn cả giáo dân lẫn giáo sĩ để mọi phía biết chung sức tương tác. Và như vậy, chúng tôi hy vọng kết quả sẽ là việc phối hợp sâu xa hơn giữa thừa tác vụ của linh mục và tác vụ



phục vụ của giáo dân, ngõ hầu công tác phụng sự Giáo Hội và các dân tộc Châu Á tiến hành tốt đẹp hơn (4.8.11).

Trong tất cả các văn kiện đại hội, các giám mục đều lưu tâm đến vai trò của giáo dân. FABC 5 (Bandung, 17-27 tháng 7, 1990) nói rõ rằng: Giáo dân phải đảm trách đặc nhiệm canh tân xã hội Châu Á, làm cho ăn khớp với những giá trị của Phúc Âm. Họ là thừa sai số một trong lãnh vực văn hóa và trong toàn bộ cơ cấu đời sống xã hội (5.1). Đại hội FABC năm 2000 tại Thái lan, đã nhắc lại một tư tưởng thường xuất hiện trong các văn kiện thần học Châu Á: Chúng ta phải phát huy những cơ cấu tham gia (participative) trong Giáo Hội, ngõ hầu các tài năng và chuyên môn của giáo dân nam nữ có cơ hội được sử dụng đến. Được Thánh Thần ban sức năng và nhờ các bí tích củng cố, giáo dân phải quyết tâm dấn thân vào trong cuộc sống và sứ mệnh của Giáo Hội, đem Tin mừng của Đức Giêsu áp dụng vào các lãnh vực nghề nghiệp: chính trị, giáo dục, y tế, phương tiện truyền thông và lao động. Muốn được như vậy, thì cần phải sống linh đạo làm môn đồ, để nhờ đó, cả giáo sĩ lẫn giáo dân biết chung sức làm việc với nhau, giữ những vai trò đặc thù của mình, trong sứ mệnh chung của Giáo Hội. Văn kiện này đề xuất một sáng kiến đáng chú ý: để đạt mục tiêu ấy Trong việc huấn luyện các linh mục và tu sĩ tương lai, cũng như trong chương trình huấn luyện liên tục, cần phải làm sao để việc hợp tác của những giáo dân có khả năng vào trong kế hoạch huấn luyện được bảo đảm, ngõ hầu công cuộc đào tạo thực sự hướng tới việc hình thành một Giáo Hội tham gia.

Riêng tại Việt Nam, ngày từ buổi đầu đón nhận đức tin, giáo dân đã đóng giữ một vai rất đáng ghi nhớ: các thầy giáo và thường dân đã viết lên những trang vẻ vang trong

lịch sử Hội thánh. Thư chung của các Giám mục viết năm 1953 ghi nhận rằng: Việc tông đồ giáo dân là việc khẩn cấp cần thiết và ở đây chúng tôi vẫn có ý khuyếch trương việc đó dưới mọi hình thức hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Dù bối cảnh đã thay đổi nhiều, thì năm 2001, các Giám mục Việt nam cũng nói rõ: Chúng tôi ghi nhận sự hợp tác của anh chị em giáo dân. Nhờ được củng cố và đào sâu đức tin qua việc học hỏi và sống Lời Chúa cũng như nỗ lực canh tân đời sống, anh chị em đã quảng đại chia sẻ vật chất và tinh thần cho các điểm truyền giáo cũng như có mặt trong mọi lĩnh vực mà xã hội cho phép.

Bây giờ không ai có thể làm ngơ đối với việc tông đồ giáo dân và vai trò của họ trong Giáo Hội. Đành là phải thay đổi một số cơ cấu, như hồng y Ratzinger đã nhận định: Những thể chế và tổ chức pháp luật của Giáo Hội đã trở thành lỗi thời. Nguy hiểm là ở chỗ coi chúng như là bản chất của Giáo Hội, đến nỗi chúng ta không còn nhận ra được đâu là điều thật sự chính yếu. Vì thế, cần phải tháo bỏ chúng đi, tựa như giàn giáo không còn cần đến nữa. Bao giờ việc cải cách cũng giả thiết hành động *ablatio*, cắt bỏ, ngõ hầu *nobilis forma*, dạng thể thanh cao, của Hiến Thê xuất hiện, và đồng thời quý tướng của Tân Lang, của chính Chúa, tỏ lộ. [11] Một số Giáo Hội đã bắt đầu tiến bước trên con đường này; còn phần đông thì tuy có bàn đến, nhưng trong thực tế cũng vẫn như cũ.

### **Chú thích:**

[1] Về tác giả xin xem Lời Nói Đầu, *Hợp Tuyển Thần Học*, các số 18&19 (1997), 18-22 (1997-1998) và 31 (2001).

[2] Thông điệp *Vehementer*, 11.2.1906.

- [3] Về lời phát biểu của một giám mục Úc, xin xem John Heaps, *A Love That Dares to Question, A Bishop Challenges His Church*, Grand Rapids: Eerdmans 2002.
- [4] AAS 43 (1951) 513. Xin xem Jean-Loup Ducasse, et al, *Chrétiens dans le monde rural. LAC-MFR-CMR, 1939-1989: 50 ans d'histoire*, Éditions ouvrières, 1989.
- [5] *AAS*, 1959, tr. 849.
- [6] Về lịch sử Vaticanô II nói chung, xin xem Giuseppe Alberigo, Joseph A. Komonchak (Eds.), *History of Vatican II*, Vol 1-4, Orbis Books 1996-1999; Collectif, *Histoire du concile Vatican II*, 3 vols., Cerf 1997.
- [7] *Vatican II: The Faithful Revolution*, Thomas More Publishing, 1998.
- [8] Wilbert R. Shenk, *Mission, Renewal, and the Future of the Church*, *International Bulletin of Missionary Research* 21 (1997): 154-159.
- [9] *Asian Colloquium on Ministries*, FABC Paper n. 3.
- [10] *Is the Laity the marginalized majority in the Church?* (FABC paper 33f) và *Laity in the Church of Asia* (Paper 33k).
- [11] Joseph Ratzinger, *Called to Communion. Understanding the Church Today*, San Francisco: Ignatius Press 1996, tr. 142.

# GIÁO DÂN TRONG LỊCH SỬ

**Felipe Gómez Ngô Minh**

Lịch sử là ông thầy sống động: cần phải nhìn vào quá khứ để hiểu rõ hiện tại hơn cũng như để chuẩn bị chính xác hơn cho tương lai. [1] Có lẽ nên nhắc lại một điều dễ quên là Đức Giêsu, Đức Maria, thánh Giuse đều là “giáo dân” trong Do thái giáo là tôn giáo của các ngài. Từ đầu cho đến ngày nay và mãi cho đến tận thế, giáo dân là thành phần chiếm đại đa số trong Giáo Hội. Sau ngày Hiện xuống, nhóm môn đồ của Đức Giêsu đã ý thức mình là Dân mới của Thiên Chúa (x. Rm 9:25-26; 1Pr 2:9-10, v.v.), “theo một đạo” đặc thù (x. Cv 9:2; 19:9.23; 22:4 v.v.); [2] vì thế, những người theo “đạo” này làm thành một “dân.” Trong công đồng đầu tiên, thánh Phêrô gọi các kitô hữu – cả gốc Do thái lẫn gốc lương dân – là một laós, “dân” của Chúa (x. Cv 15:14). Lại thay, mãi cho đến Vaticanô II, giữa thế kỷ 20, mới thấy khái niệm về “dân” như vừa nói, xuất hiện trở lại trong một công đồng chung!

Thế hệ kitô đầu tiên thể hiện đặc tính “dân Chúa” trên đây bằng nhiều cách, đặc biệt là qua các sự việc ngồi chung cùng một bàn (Lễ Tạ Ơn), chia sẻ tài sản, yêu thương nhau “không phân biệt Do thái hay Hy lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà” (Gl 3:28). Thừa kế các đặc ân của Ítraen, Giáo Hội ý thức mình là “hàng tư tế vương giả, là dân thánh, dân riêng của Thiên Chúa, để loan truyền những kỳ công của Người” (1Pr 2:9), tức một dân có một sứ mệnh làm chứng cho “dân ngoại” về Đấng Phục sinh, như Đức Giêsu đã truyền bảo (x. Cv 1:8), hoặc như thánh Phêrô đã khuyên là hãy “sẵn sàng trả lời cho bất cứ ai chất vấn về

niềm hy vọng của anh em” (1Pr 3:15). Chính nhờ giáo dân đã triệt để thi hành nhiệm vụ làm chứng trong những thế kỷ đầu, mà kitô giáo đã có thể tỏa lan rộng ra trong khắp thế giới. [3]

Trong Giáo Hội thời ban đầu, các tín hữu sống đạo trong những cộng đoàn nhỏ – không có cơ cấu hữu hình rõ ràng, một phần là để tránh các vụ bắt bớ – rất gắn bó với nhau nhờ tình tương thân tương trợ, mỗi người đảm trách nhiệm vụ đối với cuộc sống đức tin và sinh hoạt Giáo Hội, những nhiệm vụ khác nhau về cả đối nội lẫn đối ngoại, đồng thời rất mềm dẻo, dễ ứng đáp những nhu cầu bất ngờ, dễ thích nghi với những hoàn cảnh cụ thể, vừa để sống đạo vừa để truyền giáo. Trong thời đầu, Dân Chúa chưa biết đến việc chia thành hai “giai cấp,” giáo sĩ và giáo dân, với những lãnh vực hoạt động rõ ràng và khác nhau. Hẳn là trong mỗi cộng đoàn đều đã có những thủ lãnh (Dân Thiên Chúa đầu phải là một xã hội vô trật tự) và những thừa tác vụ khác nhau; nhưng đa số các phận vụ không cần đến “nghị thức đặt tay” (tức bí tích truyền chức thánh). Trong cộng đoàn, thường có nhiệm vụ từ thiện, chẳng hạn như lo cho cô nhi quả phụ, thăm viếng tù nhân, tiếp đón khách qua đường, v.v., do các phó tế và giáo dân phụ trách. Trong sinh hoạt phụng vụ cộng đoàn (thường tổ chức tại nhà riêng hoặc với nhóm nhỏ: chưa có nhà thờ), thì có nhiều tác vụ tùy đoàn sủng của các cá nhân; chủ tọa là nhiệm vụ của giám mục hoặc niên trưởng; còn các ‘tiên tri’ thì loan báo lời Chúa; và tùy khả năng của mình, mọi thành viên đều tích cực góp phần vào cuộc sống chung.

Khi Giáo Hội phát triển rộng lớn và số giáo hữu trong các cộng đoàn tăng lên, thì phải cần đến những cơ cấu tổ chức có tính cách xã hội, với những chức vụ được xác định rõ

ràng dựa theo khuôn mẫu cơ cấu của xã hội loài người (đó là một hình thức “hội nhập văn hóa” như đang được đẩy mạnh hiện nay). Các thể thức hành chánh trở thành phức tạp hơn và đòi hỏi phải có những “chuyên viên” đã được huấn luyện trước; phụng vụ triển khai nhiều nghi thức phong phú hơn với những nhiệm vụ được định hình. Các “sách lễ” xuất hiện nhằm đảm bảo cho phẩm chất được cao. Các sách thì rất quý báu, được trình bày công phu và thẩm mỹ, nhưng ít người biết đọc.

Vai trò của giáo dân trong những thế kỷ đầu không cho thấy có gì rõ ràng, vì thiếu tài liệu. Hơn nữa, thuật ngữ dùng để chỉ các thừa tác vụ chưa nhất định; vì thế những từ đọc thấy trong các tài liệu thường mang nhiều nghĩa không hoàn toàn giống nhau, không dễ để giải thích. Có thể nghĩ rằng lúc đầu, tình trạng còn lộn xộn, mò mẫm đi tìm cách thức tổ chức cộng đoàn, mỗi nơi một khác tùy nhu cầu địa phương; điển hình là trường hợp sau đây đối với Kinh Thánh: có nơi nhận Thư của Barnaba hoặc Pastor Hermae (thế kỷ 2) là “kinh thánh” nhưng lại không nhận sách Khải huyền và cả Phúc âm thứ tư! Dường như có khi vai trò chủ tọa Lễ Tạ Ơn cũng được trao cho một “tiên tri” (có được “đặt tay” hay không?), hoặc một vị “tử đạo” (một chứng nhân bị tra tấn nhưng hãy còn sống), và có lẽ cả cho một giáo dân ở những nơi không có linh mục (như các tín hữu đầu tiên ở Đại hàn, nhưng vì họ chưa hiểu Lễ Misa là gì), cho đến khi các chức vụ được xác định rõ ràng. Giáo dân cộng tác đắc lực vào các việc truyền giáo, đào tạo các dự tòng và tân tòng, các công tác từ thiện và việc hành chính. Một trong những giáo dân nổi tiếng bậc nhất thời ấy là thánh Giuxtinô tử đạo († 163), người đã viết sách biện giáo, hoặc Minutius Felix (quyển Octavius n. 200), hay

Clémentê Alêxandria († 215), người sáng lập trường giáo lý (ngày nay chúng ta sẽ gọi là trường thần học) và là thầy dạy của Ôrigênê († 253), v.v. Bị liên tục bách hại trong ba thế kỷ đầu, Giáo Hội đã phải hoạt động kín đáo, âm thầm, không mấy đề tâm đến cơ cấu tổ chức, và hết thầy mọi thành viên đều ý thức về trách nhiệm đối với sự sống còn và hoạt động của cộng đoàn.

giáo dân – giáo sĩ

Hiện nay, các sử gia có khuynh hướng trình tả Giáo Hội sơ khai như là một “xã hội dân chủ” trong đó mọi người đều ngang nhau. Đó là một thứ hình ảnh vừa lãng mạn lại vừa ảo tưởng. Lúc các tông đồ còn sống thì chính các ngài chủ tọa và hướng dẫn cộng đoàn. Các ngài đã bổ nhiệm các lãnh tụ cộng đoàn ở khắp nơi, và sau các ngài đã có những người kế vị. [4] Đầu thế kỷ 2, các Giáo Hội địa phương đều có giám mục đứng đầu cùng với đoàn niên trưởng và phó tế. Cách đề cử và thay thế có lẽ khác nhau, nhưng cơ cấu ấy đã trở thành phổ quát ở khắp nơi trong thế giới vào thế kỷ 3, tức trước khi chính lục Kinh Thánh được mọi nơi chấp nhận.

Thời ấy cũng là lúc bắt đầu xuất hiện sự phân biệt giữa hai thuật ngữ Hylạp: laikós và kléros, tạm dịch là “giáo dân” và “giáo sĩ.” Laikós (tiếng Latinh: laicus, tiếng Anh: lay, tiếng Pháp: laïque...) có gốc là laós tức “dân.” Kinh Thánh đề cập nhiều đến laós theoũ (dân Thiên Chúa) mà ngay từ đầu Kitô giáo đã hiểu theo ý nghĩa chỉ về Giáo Hội: nếu Giáo Hội là dân Thiên Chúa thì hết thầy thành viên là “giáo dân.” Còn từ laikós thì có ý nghĩa tương tự như “bình dân” và chỉ về “dân chúng” mà đại đa số là mù chữ. Thư của Clémentê số 40 (lời năm 96) dùng từ này để phân biệt các thượng tế, các tư tế Lêvi với giới “laikós” trong

Do thái giáo. Sau này từ laikós thường mang ý nghĩa chỉ về những người mù chữ bất tài, như thấy được ở trong các tác phẩm của Ôrigênê [5] hoặc Clêmentê Alêxandria. [6] Còn từ kléros (*clergy, clergé*) thì dù vốn có nghĩa là “phần được chọn” (Cv 1:17), phân “bắt thăm” được (Mt 27:35; Mc 15:24; Cv 1:26), “phần gia nghiệp” (Cv 26:18; Cl 1:12; 1 Pr 5:12), cũng vẫn có thể áp dụng cho tất cả các kitô hữu hoặc cho những ai được chọn để giữ một phận sự đặc biệt như Mátthia. Dần dần các giáo hữu được chọn vào một phận sự đặc thù thì được gọi là “kléros,” và khi việc chọn hoặc bổ nhiệm này diễn ra qua một nghi thức, thì cộng đoàn hát lên Thánh vịnh 15, câu 5: “Chúa là phần gia nghiệp (kleronomías) của con...” (x. Tv 72:26). Từ đó ý niệm này đã trở thành trọng tâm trong linh đạo giáo sĩ. Tiếng Latinh dùng từ laicus tương tự như trong tiếng Hylạp. Thế mà trong bản dịch Kinh Thánh Vulgata, thánh Hiêrônimô dùng từ panis laicus, “bánh thường” để phân biệt với bánh thánh dành riêng cho các tư tế trong đền thờ (x. 1Sm 21:5).

Dù sao, cách dùng từ không phải là điều hệ trọng; ý nghĩa của sự việc mới thực sự là điều quan trọng. Một khi đã phát triển, tất Hội thánh phải cần đến tổ chức, cơ cấu; và một cách “tự nhiên,” nhờ Thánh Thần, từ hạt giống tông đồ đã mọc lên các thừa tác vụ là giám mục, niên trưởng, phó tế, v.v. Tổng thể giáo hữu phân làm hai hạng: những ai giữ phận sự chung và những ai giữ phận sự đặc thù, tức giáo dân và giáo sĩ. Hồi thế kỷ 4, xuất hiện một loại thành phần khác là đan sĩ: họ tự coi mình như thuộc hàng giáo dân. Thời Trung cổ, hàng đan sĩ Tây phương đã bắt đầu sống đời sống phụng vụ cộng đoàn một cách nổi bật; do vậy, cộng đoàn cần có một số linh mục; sự kiện này đã



khiến dư luận xếp họ vào hàng giáo sĩ. Vì thế, bộ sắc luật của Gratianus (chừng n. 1140) định nghĩa: “Kitô giáo có hai loại thành phần...” tức giáo dân và giáo sĩ, dù thật sự đại đa số các tu sĩ không phải là linh mục.

Như vậy, từ thời Trung cổ trở đi, giáo dân được coi như là hàng ứng đối hoặc với giáo sĩ, hoặc với tu sĩ, hay với cả hai. Đáng lưu ý là Gratianus quan niệm giáo dân như là hạng thụ động, như là loại kitô hữu “yếu nhược” phải nhượng bộ cho họ được phép sử dụng tiền của, nhục dục, các thực tại phạm tục... Quan niệm này đã trở thành mạnh hơn sau cuộc cải cách hội các thế kỷ 11 và 12, bởi cho rằng kitô hữu “đích thực” là người trở về với lý tưởng của Giáo Hội sơ khai (theo Cv 2:42; 4:32-35), được thể hiện qua lối sống của các dòng tu; và như thế Giáo Hội đã đi đến chỗ phân biệt hai loại giáo hữu – đệ nhất và đệ nhị, tức giáo sĩ và giáo dân – trong cùng một tông thể hiệp nhất chặt chẽ. Trong thời thế kỷ 14-15, lối phân biệt này bắt đầu gây ra chia rẽ, đưa dần tới chủ nghĩa quốc gia tục hóa và những vụ ly khai Tin lành. Phong trào Cải cách Tin lành phủ nhận sự phân biệt trên đây, và nhân danh chức tư tế chung để chối bỏ chức tư tế riêng; vì thế công đồng Trentô và Giáo Hội sau này đã nhấn mạnh đến vai trò của phẩm trật và sự phân biệt giữa giáo dân và giáo sĩ cho đến nay, một sự phân biệt nằm ở trong mối hiệp thông của nhiệm thể Đức Kitô.

Hiện nay, Giáo Hội thường nói về ba hàng ở trong cộng đồng giáo hữu: giáo dân, giáo sĩ và tu sĩ; điển hình là Vaticanô II: trong Hiến chế Tín lý về Giáo Hội, chương 3 bàn về giáo sĩ, chương 4 bàn về giáo dân, còn tu sĩ thì được bàn đến ở trong chương 6. Như thế, giáo dân và giáo sĩ khác nhau qua bí tích và chức vụ; còn giáo dân và tu sĩ

thì khác nhau qua bậc sống.

### **Giáo dân tác động trong Hội thánh**

Đã là đa số trong dân Chúa, thì bao giờ giáo dân cũng có ảnh hưởng lớn trên đời sống của Giáo Hội. Rõ nhất là vai trò của các vua chúa công giáo ngày trước. Những thế kỷ đầu, các công đồng chung đều do hoàng đế triệu tập. Thời Trung cổ, trước cuộc cải cách Grêgôriô (thế kỷ 11-12), các vua chúa Châu Âu bổ nhiệm giáo sĩ vào các chức vụ của Giáo Hội tại các vùng thuộc lãnh địa của họ, và giữ vai trò tích cực trong các công đồng. Hẳn là ngày nay Giáo Hội không muốn trở lại với thói lệ ấy; tuy nhiên, đó cũng là điều có thể giúp cho các chính trị gia công giáo ý thức rõ hơn về khả năng họ nắm giữ trong tay để hoạt động cho Nước Chúa ở giữa thời đại này.

Vĩ nhân thì bao giờ cũng có ảnh hưởng trên xã hội, hoặc là về mặt chính trị hoặc là về mặt tôn giáo. Các nhà trí thức là thành phần đáng kể nhất. Trong những thế kỷ đầu Giáo Hội, đã có các nhà biện giáo nổi tiếng như Aristides, Giuxtinô, Athênagôras, Minucius Felix, Tectullianô... Thời đế quốc Bydăxiô, chính hoàng đế Giuxtinianô (527-565) đã viết sách thần học, cũng như nhiều giáo dân khác. Boetius († 524) ở Ý đại lợi, một triết gia và là chính khách, cũng đã viết nhiều tác phẩm tầm cỡ và gây được ảnh hưởng lớn. [7] Nghị sĩ Cassiôđôrô († 580) giả từ cuộc sống trần thế để đi sáng lập đan viện, nhưng vẫn tiếp tục viết nhiều sách có tầm hưởng lớn. Ở Âu châu, trong thời Trung cổ, khi đa số giáo dân đều mù chữ, bất lực, thì cũng đã có những cá nhân xuất sắc, chẳng hạn như Đantê (1265-1321) là một thi sĩ đặc thù công giáo, tiếng tăm quốc tế.

Từ khi có Đại học (thế kỷ 12-13), đa số thành phần giáo sư

đều thuộc giới giáo dân, và là những người thường xuyên hoạt động trong các lãnh vực trực tiếp liên quan với đời sống Hội Thánh. Suốt nhiều thế kỷ, ở Âu châu, “khoa học” luôn luôn mang một chiều kích “thần học.” Khó mà kể ra hết được con số các vĩ nhân giáo dân công giáo. Dưới đây, xin lược kê chẳng hạn: Thomas More (†1535), Erasmus († 1536), B. Pascal († 1662), Joseph de Maistre († 1821), F. R. Chateaubriand († 1848), J. Donoso Cortés († 1853), De Lisle († 1878), L. Veuillot († 1883), M. Blondel († 1949), hoặc gần đây hơn, J. Maritain († 1973), E. Gilson († 1978), X. Zubiri († 1983), v.v. Những nhà trí thức công giáo này đã quyết tâm thân hoạt động trong lãnh vực tôn giáo.

Chúng tôi đã không liệt kê các phụ nữ thời xưa, vì đa số đều là tu sĩ: dẫu các ngài không phải là giáo sĩ nhưng dư luận cũng không xếp họ vào hàng giáo dân. Tuy nhiên, vẫn phải nhắc đến các bà vợ công giáo lừng danh trong lịch sử Giáo Hội, như nữ nô lệ Ninô – một khi trở thành vợ của vua nước Gêócgia, thì đã làm cho chồng (và cả nước) tin vào Đức Kitô – hoặc thánh Mônica, mẹ thánh Augustinô; hoặc Gidêla vợ của Thánh Stêphanô vua Hungari, v.v. Còn các nữ tu, thì ở đây, chỉ cần nhắc đến thánh Gertrude Cả, hai thánh Catarina Sienna và thánh Têrêsa Mẹ – cả hai đều là tiên sĩ Giáo Hội – v.v. Hoặc gần đây hơn, thì có thể nhắc đến Edith Stein, Mẹ Têrêsa Calcutta hay Chị Chiara Lubich chẳng hạn.

Trong lịch sử Giáo Hội, các giáo dân đã ghi đậm những nét hoạt động vàng son hết sức nổi bật và đặc biệt trong lãnh vực dạy giáo lý cả cho trẻ con lẫn cho dự tòng, trong công tác rao giảng Tin Mừng, nhất là tại các lãnh địa truyền giáo, cũng như trong các công việc đạo đức.

Khi cần phải cải cách Giáo Hội đang bị sa sút (do lối sống

tệ hại của hàng giáo sĩ), thì chính giáo dân đã mạnh mẽ ra tay hành động, như một thánh Phanxicô Assisi († 1226) hay một D. Êrasmô († 1536): các pho sách của ông này là những tác phẩm được đọc nhiều nhất hồi thế kỷ 16. Cùng với Thomas More (†1535) ở Anh, J. Luis Vives († 1540) ở Tây ban Nha, Casparo Contarini († 1542) ở Ý đại Lợi, Êrasmô đã cố tạo nên dư luận công giáo đưa tới việc triệu tập công đồng Trêntô, bắt đầu cuộc cải cách: cuộc cải cách của Giáo Hội đã bắt đầu trước Luther! Khi Đức Phaolô III quyết định phải đổi mới Giáo Hội, ngài đã bổ nhiệm vào chức hồng y một số giáo dân nổi tiếng như Reginal Pole, người Anh – sau này sẽ chủ tọa khóa đầu tiên của công đồng (n. 1546) – M. Cervini – sau này sẽ trở thành giáo hoàng Marcello II († 1555) – A. Massarelli, thư ký của công đồng dù chưa phải là linh mục. Trong công đồng cũng còn có nhiều giáo dân, như bá tước L. Nogarola, là người thuyết giảng cho các giám mục.

Trong thời thế kỷ 17, đặc biệt là tại Pháp, các ‘nhóm mạn đàm’ (salon) đã gây được ảnh hưởng lớn, như các nhóm mạn đàm họp tại nhà bà de Bérulle hoặc bà Acarie († 1618): là mẹ của 6 người con, bà này vẫn hằng say làm việc cho Giáo Hội với ảnh hưởng rất mạnh. Là sĩ quan có 5 con, là tác giả của cuốn sách viết về cách giáo dục con cái, được gọi là “linh hồn” của hội Thánh Thể, Ông Gaston de Renty († 1649) lo phụ trách việc linh hướng cho nhiều nữ tu viện và được coi là “cố vấn của các thánh.” Các vị này đều là bạn của thánh Phanxicô Salê, người đã tẩy xóa thành kiến thời trước, và cắt nghĩa cho thấy là các giáo dân có thể nên thánh trong đời sống hằng ngày trong đẳng bậc giáo dân của họ. Trong xã hội thời ấy, đã có những giáo dân “thường” sống một cuộc sống đức tin rất sâu xa,

những giáo hữu hăng say “đấu tranh” trong các hoạt động tông đồ, các bà cùng hợp tác làm việc bác ái với thánh Vinh Sơn Phaolô, và cả các bà quý phái như Mme [de] Sêvigné cũng sống một đời thâm nhuần sâu đậm tinh thần kitô.

Thế kỷ 18 là một thời tai biến cho Giáo Hội: giới trí thức bội giáo phá hoại đức tin, tấn công cơ cấu của Hội thánh; việc bắt ép giáo hoàng giải tán Dòng Tên là một dẫn chứng cụ thể; rồi phải kể đến việc cách mạng Pháp làm đảo lộn cả trật tự cổ truyền và bắt giam Đức Piô VI (1775-1799). Giới trí thức rơi vào tình trạng tê liệt, không phản ứng; trái lại, giới bình dân đã phản ứng mạnh mẽ bằng cách nổi dậy, như cuộc nổi dậy ở Vendée (1793), hoặc cuộc “chiến của nông dân” ở Bỉ (năm 1798).

Thế kỷ 19 đã phải chứng kiến hiện tượng tục hóa ào ạt, cộng với thái độ chống đối Giáo Hội ra mặt từ phía các chế độ chính trị. Thần học chỉ còn hoạt động tương đối hữu hiệu tại một vài nơi, như ở Đức hoặc ở Anh với Henry Newman; còn tại các nước khác thì đúng là thời trị vì của các loại sách giáo trình. Nhưng giáo dân thì lại rất sinh động. Joseph Goerres – người Đức – đã xuất bản bộ sách bốn cuốn về thực tại thần nghiệm kitô trong các năm 1836-1842; W. G Ward – người Anh – đã viết về tự nhiên và ân sủng (n. 1860); Louis Veillot – người Pháp – đã xuất bản cuốn sách viết về cuộc đời của Đức Giêsu Kitô (n. 1864).

Đầu thế kỷ 19, ở Đức quốc, có nhóm gọi là ‘Câu lạc bộ Muenster’ (Circle of Muşnster) – công chúa Amelia Gallitzin làm chủ tịch – đã nối liên lạc với nhiều phong trào và nhà trí thức, như Goethe; qua việc khảo luận Kinh Thánh và các Giáo phụ, nhóm đã tạo ra được bầu khí trí thức công giáo; người nổi tiếng nhất là J. Goerres; ông viết

nhiều sách và kiên trì đấu tranh cho quyền tự do lương tâm; ông cũng là người đã nêu cao xác tín này là Giáo Hội cần phải sống trọn phổ quát tính, chứ không được đóng khung trong não trạng quốc gia cục bộ. Những giáo sĩ tham gia nhóm ấy là J. A. Moehler và I. von Doellinger.

Trong khi đó, ở Pháp, cũng thấy xuất hiện một số giáo dân đặc tài là R. Chateaubriand (1768-1848), J. de Maistre (1751-1821) và L. de Bonald (1754-1810). De Maistre đã minh bạch khẳng định vai trò tích cực của giáo dân ở trong Hội thánh, cho dù tư tưởng của ông có còn mang nặng quan niệm lỗi thời của quá khứ. Trong thế hệ tiếp theo sau thì đã có Ch. de Montalambert (1810-1870), F. Ozanam (1813-1853) và bà Swetchine – gốc Nga – là người thường tiếp đón tại nhà mình những nhân vật đặc sắc nhất của Paris. Cha Lacordaire O.P., đã viết như thế này về bà: “Các lời khuyên của bà đã giúp nâng đỡ tôi nhiều trong những lúc gặp cơ nguy mất can đảm và hứng khởi.” Nhờ sống thánh ở giữa thế gian, theo tư thế là một giáo dân, bà quả đã trở thành “mẹ linh hướng” cho nhiều tâm hồn.

Nước Bỉ đã sống qua một giai đoạn đặc biệt: giáo dân và giáo sĩ tán đồng về tình trạng biệt lập giữa Giáo Hội và Nhà nước; nhờ bầu khí ôn hòa ấy, đại học Louvain đã được hồi phục (n. 1835). Tại Pháp thì dư luận công giáo chia rẽ trầm trọng do việc đối chọi giữa các khuynh hướng “tự do” (libéraux) và “bảo thủ quá khích” (ultramontains = “bên kia núi Alpes”), chủ trương giáo hoàng có quyền độc tôn, hoặc Tòa thánh Rôma có quyền can thiệp vào nội bộ Giáo Hội Pháp, tức nhằm chống lại một số đông giám mục vẫn còn nhuốm nặng chủ nghĩa Pháp giáo (Gallicanisme), bảo vệ quyền độc lập hoàn toàn của Giáo Hội Pháp. Thêm vào đó là “vấn đề Rôma,” tức sự việc nước Ý thống nhất

đã tiếm quyền của giáo hoàng trên các lãnh thổ tòa thánh và trên cả thủ đô Rôma. Dư luận công giáo, nhất là giáo dân, đã phản ứng mạnh mẽ và can đảm.

Giữa thế kỷ 19, cuộc cách mạng 1848 tại Pháp, đã gây nhiều thay đổi sâu xa cho châu Âu. Tại Đức quốc, hàng giáo phẩm đã được giải phóng khỏi ách chính trị và cùng năm ấy đã nhóm họp lần đầu tiên; cố vấn của các giám mục là một giáo dân, ông Moritz Lieber, và là người đã soạn bản tuyên ngôn của các giám mục gửi cho các tín hữu toàn quốc; rồi sau đó, cuộc họp mặt của cộng đồng Giáo Hội Công giáo Đức gọi là “Ngày Công Giáo” (Katholikentag) đã được tổ chức, như vẫn thấy hằng năm cho đến ngày nay. Các nước khác cũng tổ chức các nghiệp đoàn công giáo và các nhóm chính trị, tựa như các đảng “dân chủ kitô giáo” ngày nay.

Về diện trí thức, nước nào cũng có vấn đề riêng của nước đó, cần giải quyết. Tại Anh quốc, Ambrose M. P. de Lisle (1809-1878) đã đứng lên đẩy mạnh việc hồi phục các đan viện công giáo, tổ chức một hội quốc tế để cầu nguyện và thành lập một hội cổ võ công tác đại kết (n. 1857). Cũng nên lưu ý là cho đến năm 1850, giáo phẩm công giáo Anh quốc mới được hồi phục. Còn William G. Ward (1818-1882) là một nhà biện giải sắc bén và là giáo sư thần học; trả lời cho một linh mục phản nản về ông, Đức Piô IX nói: “Sao mà không dạy thần học được... ông ta là một người công giáo dân thân cho Chúa và đã nhận một bí tích mà cha và tôi cũng không nhận được!” Đại diện tiêu biểu của nhóm công giáo tự do Anh quốc là lord Acton (J. Dalberg: 1834-1902), là người sáng lập hai tạp chí nổi tiếng: The Rambler và The Home and Foreign Review, gây được ảnh hưởng lớn trên dư luận; thời Vaticanô I, ông đã vận động

chống lại giáo lý về bất khả ngộ của giáo hoàng, nhưng sau công đồng, ông đã công khai chấp nhận tín điều. Cuối thế kỷ 19, Việt Nam cũng đã có một giáo dân xuất chúng là Petrus Ký (1837-1898), người đã làm rạng danh lớn cho đức tin công giáo.

Tại Pháp, dư luận cho rằng Léon Ollée-Laprune (1841-1898) là giáo dân xuất sắc nhất của thời ấy. Ông đã giúp Đức Lêô XIII soạn thảo thông điệp *Tân Sự* (Rerum Novarum, n. 1891) và văn kiện gọi là thông điệp Union à la République của Đức Lêô yêu cầu người công giáo Pháp chấp nhận chế độ cộng hòa. Trong thế kỷ 20, Đức Piô X và nhất là các Đức Piô XI và XII đã đặc biệt nêu bật vai trò của giáo dân trong Hội thánh, và như thế dọn đường cho hiện trạng ngày nay. Ở Đức quốc, một nhóm giáo dân đã sáng lập một hội mang tên là Goerresgesellschaft (1876), có mục đích đẩy mạnh đà tiến của khoa học theo tinh thần kitô, và cho đến nay, hội vẫn còn hoạt động. Đại diện của nhóm là Karl Muth (1877-1944), người mạnh dạn cổ võ việc phát huy văn hóa công giáo, đặc biệt là qua tạp chí Hochland. Ở Pháp, bầu khí đã bị tục hóa đến một mức đáng lo ngại: chỉ có thể tự do sống đức tin âm thầm biệt lập đối với chế độ chính trị; thực vậy, nhà nước tỏ rõ thái độ kỳ thị đối với các nhà trí thức công giáo, như G. Fonsegrive (1852-1917) đã nhận định. Các sử gia công giáo thời ấy đã có công nêu lên cho công luận biết rõ không biết bao nhiêu điều khích lệ về Giáo Hội; đáng ghi nhớ hơn hết trong các sử gia nói trên là G. Schuerer, ở Đức (1860-1941), G. Goyau, ở Pháp (1869-1939) và G. Brom, ở Hà Lan (1882-1959). Thời ấy, nước nào cũng bắt đầu xuất bản tạp chí công giáo, chẳng hạn như ở Pháp thì có tờ Esprit, với những nhân vật hợp tác đáng kể như J. Maritain



(1882-1973), J. Lacroix (1900-1986), H. Marrou (1904-1977), và nhất là Emmanuel Mounier (1905-1950).

Trong thế kỷ 20, thì khó mà liệt kê cho hết được – bởi quá đông – số các giáo dân đã tích cực góp phần về mặt trí thức, cho sứ mệnh của Giáo Hội. Nên nhắc đến các tên tuổi như Charles Péguy (1873-1914), Paul Claudel (1868-1955) và George Bernanos (1888-1948) ở Pháp; G. K. Chesterton (1874-1936), Hilaire Belloc (1870-1953), v.v. ở Anh quốc; Menéndez Pelayo (1856-1912), M. de Unamuno (1864-1936), X. Zubiri (1898-1983), v.v., ở Tây ban nha; A. Manzoni (1785-1873), G. Marconi (1874-1937) – người phát minh kỹ thuật phát thanh – v.v. ở Ý Đại Lợi; còn ở Nhật bản thì không thể quên được ảnh hưởng của Shusaku Endo (1923-1996). [8]

### **Các phong trào công giáo**

Trên đây là những giáo dân xuất chúng, được kể như là “vĩ nhân.” Tuy nhiên, không phải chỉ có thế, bởi còn có đại đa số giáo dân xưa nay chỉ được coi như là thuộc hàng “thứ dân” hay “dân đen,” nhưng chính họ là Giáo Hội sống động. Kỳ thực, Giáo Hội đã khởi sinh với một nhóm người bình dân được Thánh Thần linh ứng soi dẫn và hằng không ngừng từng bước lớn lên cho đến bây giờ. Không có tài liệu về sinh hoạt của Giáo Hội trong những thế kỷ đầu; hễ nói đến “nhóm” hay “phong trào” là người ta nghĩ ngay đến các người lạc giáo, ly khai khỏi thân thể của đại Giáo Hội. Chỉ khi Giáo Hội được tự do (sau n. 313), danh xưng “phong trào” mới được phổ biến và hiểu theo nghĩa là một hội, một nhóm sinh hoạt... giữa lòng Kitô giáo.

Trước hết, có phong trào tu hành. Cũng nên nhớ lại rằng đời tu trì là sáng kiến do giáo dân đề xuất nhằm phản ứng

chống lại lối sống tục hóa của giáo sĩ. Hoặc nói cách khác, nhiều tín hữu ước muốn được làm chứng một cách hoàn hảo cho Đức Kitô, theo mẫu gương của các vị tử đạo trong những thời bị bách hại trước kia: khi mà đức tin không còn bị cấm cách, khi mà lối sống của giáo sĩ chẳng còn nói lên được gì lý tưởng Tin Mừng, thì các tín hữu muốn thoát ra khỏi những dính bén thế tục, đi vào sa mạc sống đời ẩn tu riêng lẻ hoặc trong các đan viện, để tìm cách thể hiện trọn vẹn lý tưởng cao đẹp ấy. Thời thế kỷ 4, bên Ai cập, đã có từng ngàn ẩn tu và đan sĩ. Hồi thế kỷ 5, thánh Biển Đức – một giáo dân – đã khai sáng lối sống tu trì cho Tây phương. Quả vậy, rất nhiều dòng tu đã được thành lập do giáo dân, như: thánh Phanxicô Assisi, bảy vị sáng lập dòng Tôi tớ Đức Mẹ, thánh I-nhã, v.v.

Tại Châu Âu, trong thời Trung cổ, đã xuất hiện từ gốc bình dân, nhiều phong trào cải cách. Phát sinh từ dòng Phanxicô hồi thế kỷ 13-14, phong trào Fratricelli đã được nhiều giáo dân ủng hộ. Rồi từ nhóm này, một số phong trào khác đã xuất phát ở vùng bắc Âu, như các nhóm Lollards hoặc Beghards và Beguines ở Bỉ, Hà Lan và Anh quốc; đa số đều mang sắc thái lạc giáo, nhưng cũng có nhiều người đạo đức thật lòng. Đáng chú ý hơn hết là nhóm Beguines, vì họ là nhóm phụ nữ sống nghèo, ở chung thành cộng đoàn, không có lời khấn như tu sĩ, và chăm lo làm việc phục vụ dân nghèo vì Đức Kitô. Noi gương họ, phía nam giới cũng tổ chức thành cộng đoàn mang tên là Beghards, thường sống ở ngoại ô các thành phố, theo tinh thần Phanxicô. Trong các thế kỷ 14-15, hơn cả hàng giáo sĩ, hai nhóm này đã trở thành trọng tâm thiêng liêng của xã hội trong vùng. Một số cộng đoàn thuộc phong trào này đã tồn tại cho đến thời cách mạng Pháp hồi cuối thế kỷ 18. [9]

Một hiện tượng khác đáng lưu ý là các Dòng Ba. [10] Từ lúc khởi đầu đời sống tu hành đã có nhiều giáo dân muốn “thông hiệp” với các người sống lối sống ấy, chẳng hạn như là với các đan sĩ dòng Biển Đức – hoặc là với tu sĩ của nhiều dòng khác – trong tư cách là hiến sĩ (oblats). Tuy nhiên, phải nói là Dòng Ba đã thực sự xuất hiện cùng với các dòng khát thực hồi thế kỷ 13: nhiều giáo dân ao ước được thông dự vào tinh thần của các dòng mới này, như dòng Phanxicô (chính thánh Phanxicô đã soạn luật cho họ), rồi các dòng Đa Minh, Cát Minh, Augustinô, Ba Ngôi, Xitô, Thánh Norbert, v.v. Nếu có một số thành viên khẩn giữ một vài điều, thì tất cả đều hứa sống theo linh đạo của dòng, và như thế được hưởng nhiều đặc ân thiêng liêng Tòa thánh ban cho các dòng, như các ân xá chẳng hạn; trong một số trường hợp, họ cũng được mặc tu phục khi khi liệm xác để chôn cất. Thành quả thánh thiện quả là lớn: chỉ dòng ba Phanxicô không thôi thì đã có chừng 75 thánh và chân phước. Thời tân đại, thay vì Dòng Ba, Dòng Tên đã lập ra Hiệp hội Thánh Mẫu, giúp cho các giáo dân muốn sống linh đạo Inhã; còn các dòng mới khác cũng có một tổ chức tương tự như Dòng Ba và kêu mời giáo dân chia sẻ tinh thần của họ. Gần đây, vẫn còn xuất hiện những Dòng Ba mới, như Dòng Ba của Dòng Ngôi Lời Nhập Thể (Istituto del Verbo Encarnado) ở Áchentina, thành lập năm 1988. Hiện đại hơn, còn có Đạo binh Thánh Micaê chuyên lo việc Truyền giáo qua *Internet*. Hiện có nhiều nhóm mang tên trùng lẫn, làm cho khó nhận diện, như “dòng giáo dân” (secular orders, ordres séculiers ...); tuy nhiên, điều đó cho thấy tinh thần mới đang hiện diện ở trong Giáo Hội. [11]

Từ thời Trung cổ cho đến về sau thời Phục hưng, giáo dân

đã hợp thành những Hội Ái Hữu (Confraternities), với mục đích thiêng liêng khác nhau. [12] Các hội này vốn dành cho nam giới; nhưng nữ giới cũng đã tổ chức những nhóm tương tự. [13] Các nhóm này cho thấy là giáo dân đã ý thức rõ về bổn phận của mình, bổn phận nên thánh ở giữa thế gian, và quả thật, họ sống mạnh đời sống đức tin giữa lòng xã hội. Có khi họ tụ họp theo giai cấp, hoặc theo nghề nghiệp, và cũng có thể là tự do, không theo một tiêu chí nào cả; có khi thì gồm cả giáo sĩ lẫn giáo dân. Trong một xã hội thuần túy công giáo như thế, các phường hội cũng có mục đích tôn giáo, cũng có thánh bổn mạng và những ngày lễ riêng, những việc đạo đức và cả đến sách phụng vụ riêng, v.v. Thông thường họ nhắm mục đích từ thiện, tức sống đức tin qua bác ái; nhưng cũng có vũ nghệ thuật, việc học hỏi Kinh Thánh hoặc khoa học, và nhất là sống tương trợ lẫn nhau về mọi mặt. Giáo dân rất ái mộ các hội này đến nỗi, thí dụ, ở Firenze (Ý) năm 1500 đã có 156 hội, và chừng 120 hội ở Venezia. Mỗi hội đều có quy chế được thẩm quyền Giáo Hội phê chuẩn. Hiện nay, ở Tây ban nha vẫn còn có nhiều hội như thế. Khi xã hội bị tục hóa (sau thế kỷ 18), các phường hội đã biến hóa và trở thành nghiệp đoàn như thấy trong thời nay; nhiều tổ chức trí thức hoặc kỹ thuật khác cũng đã bắt nguồn từ các hội ngày xưa.

Giữa thế kỷ 19, xuất hiện những hiệp hội xã hội. Ở Đức quốc, A. Kolping († 1865), một thợ đóng giày, đã thành lập hội đồng nghiệp để làm chứng cho Tin Mừng trước các đồng nghiệp. Ở Áo quốc, đã có một phong trào tương tự. Ở Pháp, sau 1870, nhóm “catholiques sociaux” (công giáo xã hội) đã thay thế cho nhóm “catholiques libéraux” (công giáo tự do); năm 1887, xuất hiện nghiệp đoàn kitô giáo đầu tiên ở Paris và Lyon. Ở Bỉ, các nghiệp đoàn kitô giáo –

khởi đầu năm 1866 hiện là những nghiệp đoàn lớn nhất trong nước, thu nạp được hơn 1 triệu 6 trăm ngàn công nhân. Các nước Châu Âu đều có những nghiệp đoàn như thế cả. Bỉ có công đặc biệt vì một người Bỉ, J. Cardijn đã sáng lập tổ chức JOC, tức Thanh Lao Công (Jeunesse Ouvrière Chrétienne) năm 1925; tổ chức đã phát triển rộng lớn, có mặt và hoạt động trong hết mọi nước công giáo, giúp cho hàng triệu thanh niên sống đạo tích cực ở giữa thế giới lao động. Tổ chức áp dụng mẫu thức sư phạm ba bước: quan sát, nhận định, và hoạt động. [14] Ảnh hưởng các nghiệp đoàn kitô giáo gây được, hơn kém tùy nơi, nhưng bất cứ ở nơi nào cũng đều đáng kể. Gần đây, nổi tiếng nhất có lẽ là hoạt động của Công đoàn Liên Đới (Solidarnosc) (Công đoàn) ở Balan, bởi đã góp phần lớn trong việc làm cho đế quốc cộng sản đổ sụp.

Có lẽ phong trào “phổ quát” nhất trong thế kỷ 20 là Công giáo tiến hành (CGTH). Trong thời các giáo hoàng Piô IX và Piô XI, tôn chỉ, mục đích và lãnh vực hoạt động của CGTH đã không được xác định rõ ràng; chỉ biết là trong thực tế nó bao gồm tất cả các việc tông đồ của giáo dân; quả thế, Đức Lêô XIII đã coi tổ chức “dân chủ kitô giáo” và “công giáo tiến hành” chỉ là một. Khi chế độ phátxít giải tán các tổ chức tư (1926-1927), Đức Piô XI đã lên tiếng phản ứng bằng cách “định nghĩa” CGTH là một “phương thức thông phần vào việc tông đồ của hàng giáo phẩm,” và nói rõ rằng chánh phủ không có quyền cấm chỉ. Tại nhiều nước, phong trào giữ một phong thái độc lập hơn; sau này, Vaticanô II sẽ nói đó là việc “hợp tác với giáo phẩm” trong sứ mệnh của Hội Thánh, theo cương vị đặc thù của giáo dân. Quả vậy, sau thế chiến II, CGTH sáp nhập nhiều phong trào khác và chia thành nhánh, nhằm

đáp ứng nhu cầu của từng giới, như: thanh niên, phụ nữ, sinh viên, lao động, v.v. đúng theo lời của Đức Piô XII thúc dục mọi người dân thân làm việc tông đồ trong hết mọi lãnh vực: xã hội, trí thức, chính trị, v.v... bởi giáo dân là tiền quân của Giáo Hội, đặc biệt là trong các lãnh vực chuyên nghiệp. Nhưng tại nhiều nơi, hàng giáo phẩm tỏ ra ái ngại, sợ giáo dân dân thân “quá mức” và cố giữ họ lại ở trong phạm vi tôn giáo; chẳng hạn, trong thư chung năm 1953 của các giám mục Việt nam, có đoạn viết: “Công giáo tiến hành là một phương tiện truyền giáo và chỉ có mục đích truyền giáo.” Từ CGTH đã phát sinh nhiều tổ chức khác, như Caritas và Cursillo ở Tây ban nha, chẳng hạn. Khởi đầu năm 1867, phát triển mạnh dưới thời Đức Piô XI, CGTH Ý đại lợi đã bùng lớn hẳn lên dưới thời Đức Piô XII, đạt đến con số 3.372.000 thành viên trong năm 1953, và gây được ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội và chính trị. Sau Thượng Hội Đồng Giám Mục 1987, CGTH Ý đã thành lập một ủy ban đối ngoại để cổ võ giáo dân tham gia truyền giáo và dân thân hoạt động cho hòa bình thế giới. Tổng quát mà nói, trong thập kỷ 70, phong trào CGTH cũng đã trải qua cơn khủng hoảng chung trong bối cảnh văn minh Tây phương và trong Giáo Hội; đầu thế kỷ 21, hình như phong trào đã nhìn thấy được những dấu chỉ phục hưng.

Sau Vaticanô II và một khi đã vượt qua thời khủng hoảng, nhiều phong trào ngày trước vẫn tồn tại và nhiều phong trào mới đã mọc lên đông đảo có lẽ hơn bất cứ thời đại nào khác trong lịch sử Giáo Hội. Chính Đức giáo hoàng đã viết: “Thời gian gần đây, đã thấy được hiện tượng các hiệp hội giáo dân mặc lấy những hình thái đặc biệt đa dạng và rất ư là sống động. Nếu trong lịch sử Giáo Hội, các tổ chức

giáo dân đã không ngừng tiếp nối nhau mọc lên, như đang thấy rõ qua sự hiện diện của các đoàn thể, các dòng ba và các hiệp hội khác nhau. Gần đây, hiện tượng ấy quả đã trở thành đặc biệt phồn vinh: chúng ta đang chứng kiến việc phát sinh và nảy nở của các tổ chức, các nhóm hội, các cộng đồng, các phong trào, v.v. dưới vô số dạng thái khác nhau; trước sự kiện ấy, ai mà không nghĩ rằng đây là một thời đại mới của các hiệp hội giáo dân.” [15] Tháng 5, 1998, các phong trào đã tụ họp tại Rôma (250.000 đại diện) và trong bài ngỏ lời với các đại diện, hồng y Ratzinger đã nói là Giáo Hội đang sống qua “một mùa xuân Thần Khí” và, vì thế, cần phải “bớt đi những hình thức để dành chỗ nhiều hơn cho Thần Khí” ngõ hầu giáo dân mạnh dạn nắm lấy sứ mệnh của mình. Khó mà kể cho hết được trong một danh sách: [16] nào là các nhóm phong trào canh tân trong Thánh Linh hoặc phong trào Focolare do Chiara Lubich sáng lập sau thế chiến II, đã gây dựng nên; nào là các nhóm hoạt động trong lãnh vực gia đình (Catholic Family..., Marriage encounters..., Couples for Christ...); nào là những tổ chức dành cho thanh thiếu niên, những cộng đoàn Tân dự tòng (Neocatechumenal) do Kiko Argüello, một người vô thần trở lại công giáo, đã khai sinh tại Madrid; rồi còn có phong trào Hiệp thông và Giải phóng (Communion and Liberation), v.v.

Cuối cùng, có lẽ đặc thù nhất của thời đại là phong trào các Cộng đoàn cơ bản (Comunidades de base/ Basic Christian communities). Khởi sự tại Châu Mỹ Latinh như một trào lưu “tự dưới lên,” các Cộng đoàn cơ bản đã lan dần ra khắp thế giới như là hiện thân của quần dân trong cuộc đấu tranh cho các quyền lợi căn bản của họ. Đó là một sáng kiến công giáo, nhưng sau này không chỉ Tin

lành mà cả đến các tôn giáo khác cũng đã lấy lại để tổ chức các cộng đoàn nhỏ làm phương tiện phát huy tinh thần huynh đệ và tương trợ giữa xã hội. [17] Trong các cộng đoàn cơ bản, giáo hữu quen nhau, cầu nguyện với nhau, chia sẻ Kinh Thánh và phát huy tinh thần huynh đệ nhằm đối phó với tình thế tôn giáo và xã hội. Trong các nhóm như thế, giáo dân và giáo sĩ hợp tác với nhau trong bối cảnh hàng xóm, nơi môi trường làm việc, v.v.; giáo xứ có thể giữ vai trò phối hợp các cộng đoàn. Cộng đoàn cơ bản giúp củng cố căn tính tôn giáo cho các thành viên cũng như giúp họ kháng cự những công kích từ phía tinh thần tục hóa, các tôn phái quá khích, các tổ chức bóc lột và áp bức, v.v. Quả thật, các cộng đoàn nhỏ này đã trở thành công cụ truyền giáo hữu hiệu vào bậc nhất. Khi các kitô hữu là thiểu số, thì một cộng đoàn như thế quả là bối cảnh sống đạo cần thiết để có thể dễ dàng cảm nghiệm mầu nhiệm Giáo Hội. Một cộng đoàn chưa phải là Giáo Hội, song là một phần tử trong niềm hiệp thông công giáo. Hiện có những cộng đoàn kitô giáo như thế ở thôn quê cũng như nơi thành thị, ở giữa giới tiện dân cũng như giữa giai cấp giàu có, trong các đại học cũng như giữa những người di dân mù chữ: đức tin chỉ là một cho mọi người và bất cứ ở đâu. [18]



Trong lịch sử Giáo Hội, như phác trình lại trên đây, giáo dân đã tích cực tham gia và tác động vào trong sứ mệnh của Giáo Hội bằng nhiều cách thể, tùy khả năng nhận được và hoàn cảnh từng thời đại. Vì có nhiều cách thể tham gia, cho nên ai cũng có thể tìm thấy được cho mình một chỗ



đứng ở trong Hội thánh. Hơn bao giờ hết, hiện giờ giáo dân đang ý thức rõ về quyền lợi và nhiệm vụ của mình trong cộng đoàn Giáo Hội; đó là một ân huệ của Thần khí. Nếu thế, thì đã có đủ cơ sở vững vàng để hy vọng là tương lai của Giáo Hội sẽ rực rỡ hơn.

-----  
[1] Osborne, Kenan, *Ministry: Lay Ministry in the Roman Catholic Church. Its History and Theology*, New York, Paulist Press, 1993.

[2] Cộng đoàn kitô như là Dân mới của Thiên Chúa xuất hiện mới ở trong các văn bản của Phaolô và Luca: xem Rm 9:25-6; 2Cr 6:16; Tt 2:14; Cv 15:14; 18:10; x. Dt 4:9; 8:10; 10:30; 13:12; 1Pr 2:5-10; Kh 18:4; 21:3...

[3] Bruce, F. F. *The Spreading Flame*, Eerdmans 1980; Ramsay MacMullen, *Christianity in the Roman Empire (A.D. 100-400)*, New Haven: CT, Yale Univ. Press 1984; Faivre, Alexandre. *The Emergence of the Laity in the Early Church*, Paulist Press 1990 (nguyên văn Pháp ngữ *Les laïcs aux origines de l'Église*, Le Centurion 1984).

[4] Thư của Clémentê gửi Giáo Hội Côrintô, 42-45.

[5] In Jeremiam, homilia 11,3.

[6] St Romata, 3.12.90.1; 5.6.33.3; Paedagogus 3.10.83.2.

[7] Xin xem chẳng hạn *De Trinitate, De consolatione Philosophiae...*

[8] Xin xem Jay P. Corrin, *Catholic Intellectuals and the Challenge of Democracy*, University of Notre Dame Press 2002.

[9] Astell, Anne, ed., *Lay Sanctity, Medieval and Modern*, Notre Dame Univ. Press, 2000.

[10] “Được gọi là Dòng Ba hay với tên nào khác tương tự,

các Hiệp Hội gồm các thành viên sống giữa đời, nhưng dự phần vào tinh thần thiêng liêng với một Dòng tu, làm việc tông đồ và tiến tới sự hoàn thiện dưới sự điều hành tối cao của Dòng tu đó” (Giáo luật, điều 303).

[11] Jordan Hite (Ed.), *A Handbook on Canons 573-746: Religious Institutes, Secular Institutes, Societies of the Apostolic Life*, Liturgical Press 1985.

[12] “Prière et charité sous l'Ancien Regime. Actes du Colloque de Nancy-Epinal, 6 et 7 octobre 1990”: số chuyên đề của *Historie, Economie et Société*, 10:3 (1991), tt. 279-435; Vincent, Catherine, *Les confréries médiévales dans le Royaume de France: XIII-XVe siècle*, Paris: A. Michel, 1994; *Confraternities & Catholic reform in Italy, France, & Spain*. Edited by John Patrick Donnelly and Michael W. Maher, Kirksville, MO: Thomas Jefferson University Press, 1999.

[13] Marie A. Conn, *Noble Daughters: Unheralded Women in Western Christianity, 13th to 18th Centuries*, Greenwood Publishing 2000.

[14] Françoise Richou, *La Jeunesse ouvrière chrétienne. Genèse d'une jeunesse militante*, L'Harmattan, collection “Logiques sociales,” 1997.

[15] *Christifideles laici*, số 29.

[16] Xin nhắc đến một số nhóm và phong trào đặc biệt nổi tiếng: *Movements and Communities: ADSIS Communities; Caritas Internationalis (CI); Catholic Fraternity of Covenant Communities and Fellowships of Charismatic Renewal; Catholic Family Movements; Catholic Fraternity of Covenant Communities and Fellowships; Communauté de l'Emmanuel and Schuśnstatt Movement; Communauté des Béatitudes “Marthe et Marie*

de Béthanie”; Communauté des Béatitudes; Communion and Libération; Conference of Catholic International Organizations (CIO); Cursillos de Cristiandad; Équipes Notre Dame (END)[ Teams of Our Lady]; Focolare Movement; Foyers de Charité; Fraternity of St. Thomas Aquinas Associations (FASTA); International Catholic Centre for UNESCO (CCIC); International Catholic Conference of Scouting (CICS); International Coordination of Christian Worker Youth (CIJOC); International Federation of Communities of Parish Catholic Youth (FIMCAP); International Federation of Catholic Men (FIHC-Unum Omnes); International Federation of Catholic Rural Adults (FIMARC); International Federation of Marriage Preparation Centres (FICPM); International Forum of Catholic Action (FIAC); Knights of Columbus; L'Arche; Marriage Encounters; Movement for a Better World; Neocatechumenal Way; Pax Romana; Prelature of Opus Dei; Regnum Christi Movement; Retrouvaille International Inc.; Society of St. Vincent de Paul; Sodalitium Christianae Vitae; St. Egidio Community; Talleres de Oración y Vida; Teresian Association; Volunteer Missionary Movement; World Organization of Former Pupils of Catholic Education (OMAAEEC); World Union of Catholic Women’s Organizations (UMOFC), etc...

[17] Sergio Torres and John Eagleson (Eds), *The Challenge of basic Christian communities: papers from the International Ecumenical Congress of Theology (1980: Sao Paulo, Brazil)*, Maryknoll: Orbis Books 1981; Andrew Dawson, Susan Peterson, *The Birth and Impact of the Base Ecclesial Community*, International Scholars Publications

1998.

[18] Tại Châu Á, xin xem về cô Cora Mateo và giám mục Orlando Quevedo, FABC Paper số 92i (Tháng Giêng 2000).

## GIÁO DÂN SỐNG ĐỨC TIN GIỮA XÃ HỘI TỰC HÓA

Điều chính yếu và nền tảng trong cuộc đời tôi, chính là Đức Tin. Niềm Tin vào Đức Chúa GIÊSU KITÔ. Vâng, chính Đức Tin điều động tư tưởng và hướng dẫn hành động của tôi. Và cũng chính nhờ Đức Tin, với Đức Tin và bởi Đức Tin mà tôi muốn sống và tiếp tục sống.

Viết như thế để bày tỏ rằng, tôi sống sâu xa niềm tin vào Đức Chúa GIÊSU KITÔ và thật sự dấn thân làm chứng cho Đức Tin. Niềm ao ước tha thiết nhất, sâu thẳm nhất và nồng nhiệt nhất của tôi là cống hiến tất cả gì tốt đẹp nhất nơi chính con người tôi, để xây dựng một thế giới công bằng hơn, nhân đạo hơn và có tinh thần Kitô hơn. Nhưng đứng trước một thế giới không lý tưởng và không Đức Tin, đồng thời, đứng trước chính lý tưởng và Đức Tin này thôi thúc, tôi có cảm tưởng như đời mình không giúp ích gì hết và tôi sống một cách vô dụng

Khi bước vào đại học, tôi muốn trở thành kỹ sư. Nhưng sau hai năm dự bị, tôi buồn rầu khám phá ra thế giới chúng ta đang sống quả là thế giới bệnh-hoạn ngớ-ngẩn và điên-khùng! Từ đó, tôi cảm thấy hơn bao giờ hết, được kêu mời sống chứng tá Đức Tin Kitô. Tuy nhiên, tôi nhận thức ngành kỹ sư tôi đang theo đuổi, hoặc bất cứ ngành khoa học nào khác, không phải là môi trường thuận tiện, để tôi có thể làm chứng tá sống động bằng lời nói và bằng hành động cho niềm tin tưởng vào Đức Chúa GIÊSU KITÔ. Đó là Đức Tin bao trọn lý tưởng cuộc đời tôi, và hiện đang bị

làm ngư hoặc bị chà đạp một cách thảm thương! Tôi tự nhủ: Mình phải làm thế nào để có dịp tiếp xúc với càng nhiều người càng tốt, đặc biệt là với giới trẻ. Và việc phải làm đầu tiên, là phải suy gẫm và làm cho người khác suy gẫm về vấn đề căn bản của cuộc sống và về ý nghĩa của chính cuộc sống.

Suy tư và khắc khoải trên giúp tôi nhận thức rõ ràng trách nhiệm của mình đối với Đức Chúa GIÊSU KITÔ, Đấng đã chiếm đoạt trọn người tôi. Đấng mà tôi xác tín sâu xa rằng: Ôn cứu độ của nhân loại nằm nơi Ngài và chỉ trong Ngài, nhân loại mới được cứu thoát.

Hiểu như thế rồi, tôi bỏ ngành kỹ sư, để chọn ngành nào khác, giúp tôi hoàn toàn dấn thân làm chứng cho Đức Tin vào Đức Chúa GIÊSU KITÔ. Ngành dạy học xuất hiện trong trí tôi, như phương thế hữu hiệu nhất để sống chứng tá Đức Tin và rao giảng Đức Tin. Tôi ghi tên theo học các môn triết và thần học và trở thành giáo sư.

Nhưng sự kiện đáng buồn là để thực hiện dự án này, tôi phải có học bổng, mà với hoàn cảnh xã hội tại Caméroun (Phi Châu), rất khó nhận một học bổng. Trong khi chờ đợi, tôi chọn ngành toán học và tốt nghiệp cử nhân toán. Từ đó tôi bắt đầu dạy môn toán và lý hóa tại một trường trung học.

Chưa bao giờ tôi cảm thấy đời mình vô dụng và khô sở như thế. Về phương diện nghề nghiệp, tôi không có gì đáng trách, vì tôi làm tròn bổn phận của giáo sư toán với

đầy đủ khả năng. Nhưng tôi cảm thấy khổ-sở bút-rút vì thấy mình không làm được gì cho giới trẻ mà tôi hàng ngày tiếp xúc. Đây là giới trẻ không lý tưởng, không niềm tin, một thứ giới trẻ điên-loạn, chỉ biết chạy theo thời trang, bị nô lệ vì thời trang, để rồi chỉ sống ích kỷ cho riêng mình.

Nỗi cơ cực của tôi khi đối diện với loại giới trẻ này, chính là thái độ thụ động của tôi. Tôi không thể nói với họ, trình bày cho họ về niềm tin vào Đức Chúa GIÊSU KITÔ, trong các giờ dạy toán học đã đành rồi, nhưng ngoài giờ học ra, tôi cũng không có giờ để gặp gỡ và trao đổi tư tưởng, quan niệm cùng niềm tin với họ nữa! Và đó là tất cả nỗi niềm cay cực ray rứt của tôi.

Caméroun là nước nghèo và chậm tiến. Nhưng bên cạnh điểm tiêu cực này còn hai điểm tiêu cực khác trầm trọng hơn. Đó là xã hội Caméroun còn chậm tiến về phương diện luân lý và thiêng liêng nữa. Và để bài trừ nạn chậm tiến thì cần rất nhiều Tình Thương, thứ Tình Thương chân thật và sống động, đến từ THIÊN CHÚA và những môn đệ chân chính của Ngài

Có người đặt câu hỏi: Tại sao tôi không chọn nếp sống Linh Mục hay tu sĩ, có phải dễ dàng làm chứng tá cho Đức Tin và Tình Yêu của Chúa hơn không?

Riêng tôi, tôi tự nghĩ: Nếp sống giáo dân giữa đời, cũng thật cần thiết và hữu hiệu để loan báo Tin Mừng Cứu Độ của Đức Chúa GIÊSU KITÔ và làm chứng tá cho Ngài.

Và đây là điều tôi cố gắng thực hiện mỗi ngày ngay nơi quê hương và trong lòng dân tộc thân yêu của tôi.

(”MISSI”, 4/1980, trang 149).

Sr. Jean Berchmans Minh Nguyệt

**[Nguồn: Lien doan cong giao 19/8/2006]**



## GIÁO DÂN ĐỒNG TRÁCH NHIỆM

**“Giáo dân không còn được xem là những người cộng tác mà phải thực sự được nhìn nhận là những người đồng trách nhiệm”**

[CathNewsAsia ngày 29/9/2009]



Đức Tổng Giám Mục Charles Chaput của Tổng Giáo Phận Denver (Hoa Kỳ) phát biểu trong bài diễn văn tuần rồi: “Giáo dân không còn được xem là những người cộng tác với hàng giáo sĩ nữa, mà phải thực sự được nhìn nhận là những người đồng trách nhiệm về sự hiện hữu và hoạt động của Hội Thánh”

Cơ quan Thông Tấn Công Giáo tường trình: Trong một bài phát biểu được vị đại diện đọc tại buổi hội thảo của Quỹ Đầu Tư Becket, Đức Tổng Giám Mục Chaput đã nói về chủ đề: “Những Tiếng Nói: Giáo Dân và Tự Do Tôn Giáo.”

Nói về vai trò của người giáo dân, Đức Tổng Giám Mục Chaput lưu ý tới lời phát biểu của Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đic-tô XVI, trong Công Nghị tại Ro-ma, rằng: Hội Thánh cần phải thay đổi não trạng, đặc biệt trong những gì liên quan tới giáo dân.

Để tóm tắt lời phát biểu của Đức Giáo Hoàng, Đức Tổng Giám Mục Chaput giải thích rằng: “Không nên xem giáo dân là những người cộng tác của hàng giáo sĩ nữa mà phải thực sự nhìn nhận họ là những người đồng trách nhiệm về sự hiện hữu và hoạt động của Hội Thánh”

Ngài nói: “Giáo dân có cùng một phẩm giá như các giáo sĩ và tu sĩ. Họ không phải là những thành viên hạng hai của Thân Mình Chúa Ki-tô.”

Giáo dân có nhiệm vụ thay đổi thế giới nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, một sự thay đổi chỉ có thể thực hiện được bằng/quia một chứng tá trưởng thành, thông minh và trung thành với Chúa Ki-tô trong mọi khía cạnh của cuộc sống.

Sau cùng Đức Tổng Giám Mục Denver thúc giục giáo dân: “đừng bao giờ hoang mang về phép rửa của mình; đừng bao giờ sợ hậu quả của đức tin; hãy hãnh diện về căn tính Công Giáo của mình vì đó là ơn phúc và sự ủy nhiệm; hãy hành động theo căn tính của mình; hãy chia sẻ căn tính ấy với người khác. Một lần nữa chúng ta phải tìm thấy trong đó niềm tin để sống và rao giảng đức tin của chúng ta xuyên qua mọi việc chúng ta làm mà không phải e ngại gì cả. Và nếu chúng ta hành động như thế, chúng ta không cần quan tâm xem phải tái rao giảng Tin Mừng như thế nào, vì chúng ta biết rằng chúng ta đang sống Tin Mừng đó trong đời sống của chúng ta.”

Khi đề cập đến vai trò của người giáo dân trong lãnh vực công cộng, Đức Tổng Giám Mục Chaput nhận định:

“Chính trị là nơi diễn ra cuộc chiến giữa chân lý và gian trá, giữa công bằng và bất công.”

Ngài còn nói “Người Công Giáo có bốn phận dùng Niềm Tin của mình để giải quyết những vấn đề kinh tế và chính trị mà đất nước mình đang phải đương đầu. Đó không phải là một đặc ân, đặc quyền; Cũng không phải là quyền lợi, mà là mệnh lệnh của Tin Mừng.”

**[Người dịch: Nguyễn Hữu An và Nguyễn Văn Nội]**

**Ghi chú của người dịch:**

Đồng trách nhiệm: có nghĩa là cùng có trách nhiệm (co-responsible) chứ không có nghĩa là trách nhiệm bằng hay ngang nhau (equal-responsible).

## **CÁC NHÀ THẦN HỌC ÁN ĐỘ ĐỀ NGHỊ TĂNG THÊM VAI TRÒ CỦA GIÁO DÂN VÀ GIẢM BỚT VAI TRÒ CỦA GIÁO SĨ**

Bangalore, Ấn Độ (UCAN)- Các nhà thần học Ấn Độ đã chỉ trích vai trò thống trị của hàng giáo sĩ trong Giáo hội và vạch ra nhu cầu phát triển một nền thần học mới dành nhiều không gian hơn cho giáo dân.

Quyền bính mà hàng giáo sĩ đã thi hành từ lâu là “tuyệt đối và cơ bản là đi ngược lại với những gì Chúa Giêsu muốn” Hiệp Hội Thần Học Ấn Độ đã tuyên bố như trên trong Nghị Quyết kết thúc Hội Nghị Thường Niên từ 22 đến 26 tháng 4 vừa qua.

Các nhà thần học nói rằng họ muốn Giáo hội sớm chấm dứt tình trạng giáo dân ở bên lề. Trong cái nhìn của các nhà thần học này, đón nhận và nhìn nhận phẩm giá của giáo dân trong Giáo hội là điều cần thiết để duy trì bản chất hiệp thông của Giáo Hội.

“GIÁO DÂN TRONG GIÁO HỘI: CĂN TÍNH VÀ SỨ MẠNG TẠI ÁN ĐỘ NGÀY NAY” đó là chủ đề của Hội Nghị Thường Niên lần thứ 29 họp tại Bangalore, cách New Delhi 2060 cây số về phía Nam. Có 65 nhà thần học, kể cả thần học gia giáo dân, đã tham dự Hội Nghị này.

“Nền thần học đang thịnh hành trong Giáo hội” - họ nói - không phản ánh “sự hiểu biết về căn tính và sứ mạng của người tín hữu.” Theo Nghị Quyết của Hội Nghị, Công đồng Vatican II đã khẳng định vai trò lớn hơn của người

giáo dân trong Giáo hội cách nay 40 năm rồi. Nghị Quyết còn nhấn mạnh: «Giáo dân không chỉ đơn thuần là một hạng có tính thần học trong cái nhìn của Ki-tô giáo về thế giới mà là một phần tạo thành cộng đoàn Giáo hội». Nghị Quyết cũng chỉ rõ rằng các thừa tác viên có chức thánh chỉ chiếm không tới 1% Giáo hội, mà kiểm soát Giáo hội bởi vì những người này đã dành được những quyền bính đặc biệt và toàn bộ sứ mạng của Giáo hội đã chỉ được giao cho mình họ mà thôi. Nghị Quyết cũng ghi nhận rằng giáo dân ít có tiếng nói trong việc quản trị và trong thi hành sứ mạng của Giáo hội. Cho dù Vatican II “đã trở lại với quan niệm Giáo hội là Dân Chúa, thì hàng giáo sĩ vẫn tiếp tục đóng vai trò thống trị của mình.» Nghị Quyết trên cũng lưu ý chống lại xu hướng sai lạc là tách rời giáo sĩ và giáo dân, coi như họ là những thành phần biệt lập với nhau.

Các nhà thần học cũng chỉ ra rằng một Giáo hội dựa trên nền tảng cơ chế và luật lệ đã xếp giáo dân ở tầng dưới cùng của cơ cấu phẩm trật. Theo các nhà thần học này thì “mô hình kim tự tháp đã trở thành một mô hình linh thánh” ngăn cản việc xem xét đến việc sử dụng các mô hình khác để trình bày về Giáo hội.

Các nền thần học hiện hữu cũng thiếu sót trong việc dành không gian tương xứng cho giáo dân thực hiện các tác vụ trong Giáo hội và “nhiều không gian hơn sẽ không được tạo ra, trừ khi hàng giáo sĩ đã bỏ trống không gian ấy”

Trong khi ghi nhận rằng hàng giáo sĩ chiếm những vai trò không phải thuộc chức linh mục, các nhà thần học mong muốn Giáo hội tách việc lãnh đạo có tính phụng tự ra khỏi

những trách vụ về tài chánh và quản trị. Họ cũng đề nghị các linh mục tránh không nên dùng những chức danh như “bề trên” “giám đốc” vì những chức danh ấy gây nên cảm nghĩ là họ cao hơn giáo dân.

Các nhà thần học đề nghị giáo xứ và các hội đồng mục vụ phải được nâng cấp và được có quyền quyết định chứ không chỉ là những cơ cấu mang tính tư vấn mà thôi. Họ cũng muốn giáo dân dần thân vào tất cả mọi hoạt động có tính thừa tác và xã hội của Giáo hội.

Linh mục Samuel Rayan, một thần học gia Dòng Tên nổi tiếng nói với Thông Tấn Xã Công Giáo Á Châu rằng một sự thay đổi thái độ là cơ bản nhất nếu hệ thống cần phải thay đổi. Theo quan điểm của ngài, điều đó sẽ đòi hỏi một sự thay đổi quyết liệt hơn trong suy nghĩ của các giáo sĩ.

Linh mục Rayan nhận xét: “Các nhà thần học và các nhà lãnh đạo Giáo hội vẫn đang dùng ngôn ngữ cổ xưa, cho dù Công đồng Vatican II đã đưa ra một số yêu cầu rõ ràng theo hướng đề cao giáo dân. Ngài gợi ý việc huấn luyện giáo dân phải nhằm mục đích làm cho người giáo dân tham dự nhiều hơn trong Giáo hội và nhấn mạnh rằng “giáo dân là nền móng của Giáo Hội (vì) không có giáo dân thì làm sao có Giáo hội !”

Linh mục Jacob Parappalty, Chủ Tịch Hiệp Hội Thần Học nói với Thông Tấn Xã Công giáo Á Châu hôm 26 tháng 4 rằng đây là lần đầu tiên Hội Nghị đã thảo luận về vai trò người giáo dân sau khi nhận ra rằng giáo dân thường bị lãng quên.

Bà Valerie D'Souza, một nhà thần học giáo dân, nói trong Hội Nghị rằng giáo dân cần phải chú tâm đến linh đạo là yếu tố thích đáng đối với các thực tại của giáo dân, chứ không chỉ chấp nhận những dấu chỉ hay biểu tượng chẳng có ý nghĩa gì đối với mình. Sau này bà nói với Thông Tấn Xã Công Giáo Á Châu rằng Giáo hội cần phải ưu tiên đầu tư vào việc đào tạo giáo dân. Trong khi “Giáo hội chi những khoản khổng lồ cho việc đào tạo các linh mục và tu sĩ, thì Giáo hội không chịu tốn kém gì cho giáo dân cả.”

**(UCA News, ngày 1.5.2006 –**

**Giêrônimô Nguyễn Văn Nội dịch).**

## GIÁO DÂN PHẢI THAM GIA VÀO CHÍNH TRỊ

**LTCG (30.09.2011)** – Trong thánh lễ cầu nguyện cho Công lý và Hòa bình tại DCCT Sài Gòn tối Chúa Nhật 25/09/2011 vừa qua, bài giảng của linh mục Giuse Nguyễn Thể Hiện, C.Ss.R đã gây ra nơi giáo dân và tất cả những ai tham dự thánh lễ ấy một ý thức mà lâu nay các vị chủ chăn trong GHVN không dám đề cập đến, đó là cần khuyến khích giáo dân tham gia vào chính trị để xây dựng đất nước và đóng góp cho Giáo hội.

Linh mục giảng thuyết không đưa ra tư tưởng hay đường hướng nào mới mẻ của Hội Thánh, nhưng ngài trích lại các văn kiện rất “cũ” nói đến việc khuyến khích giáo dân về quyền được tham dự vào sinh hoạt công cộng và chính trị.

Ngài Trích số 5 của Tông huấn *Christifideles Laici* (Kitô hữu giáo dân, ngày 31/12/1988 của Chân phúc Gioan Phaolô II): *“Chúng ta hãy nghĩ đến vô số xúc phạm đến phẩm giá của con người ngày nay. Một khi không được nhìn nhận và yêu mến theo phẩm giá là hình ảnh sống động của Thiên Chúa (x. St 1,26), thì con người bị biến thành công cụ, thành nô lệ, cho bạo quyền dưới muôn vàn hình thức sai lạc và bỉ ổi. “Thế lực bạo quyền” ấy có thể mang nhiều bộ mặt khác nhau: những ý thức hệ, những quyền lực kinh tế, những hệ thống chính trị phi nhân, những hình thức kỹ trị khoa học, những sự bá chủ tai quái của các phương tiện truyền thông – xã hội một chiều. Một lần nữa, chúng ta đang đối diện với một quân chủng là những anh chị em của chúng ta, bị xúc phạm trong những quyền căn bản, đôi khi là hậu quả của thái độ dung túng*



quá đáng, thậm chí của sự bất công rành rành của một số luật dân sự: quyền được sống và toàn vẹn thân thể, quyền có nhà ở và việc làm, quyền có gia đình và sinh sản có trách nhiệm, quyền được tham dự vào sinh hoạt công cộng và chính trị, quyền được tự do lương tâm và tuyên xưng niềm tin tôn giáo của mình...

Thế nhưng, bên cạnh những sự khinh miệt và xúc phạm nhân quyền, trong thế giới chúng ta đang sống đây ý thức về nhân phẩm của mọi người vẫn đang ngày càng được phổ biến rộng rãi và được khẳng định mạnh mẽ. Ngày nay, một trào lưu tốt đẹp đang đi đến và tràn ngập hết mọi dân tộc trên trái đất; họ đã ý thức hơn về phẩm giá con người: con người hoàn toàn không phải là một “sự vật” hay một “đồ vật” mà người ta có thể sử dụng, nhưng luôn luôn và chỉ là một “chủ thể” có ý thức và tự do, được mời gọi sống một cách có trách nhiệm trong xã hội và lịch sử, hướng về những giá trị tinh thần và tôn giáo.”

Số 42 của Christifideles Laici: “Để đem đạo vào đời, theo ý nghĩa chúng ta vẫn nói, là phục vụ con người và xã hội, **giáo dân tuyệt đối không thể từ chối tham gia vào “chính trị”**, tức là những hoạt động đa dạng về kinh tế, xã hội, luật pháp, hành chính, văn hóa, một chính trị có mục đích cổ vũ công ích một cách có tổ chức và qua các định chế. Các Nghị Phụ Thượng-hội-đồng Giám mục [năm 1987] đã nhiều lần khẳng định điều đó, rằng tất cả và từng người đều có quyền và bổn phận tham gia vào chính trị; rằng sự tham gia này có thể rất khác nhau và bổ túc cho nhau về hình thức, về mức độ, về công tác và về trách nhiệm.

Công Đồng Vatican II, trong Hiến chế Gaudium et Spes, tại số 75, xác quyết rằng: “*Giáo Hội ca ngợi và quý trọng việc làm của những người vì lợi ích quốc gia mà dân thân phục vụ con người và nhận lãnh gánh nặng của trách nhiệm này*”.

Quả thật, ý thức về việc giáo dân dần dần thâm vào lãnh vực chính trị còn rất “mới” đối với giáo dân Việt Nam. Có nhiều nguyên nhân lý giải sự “chậm tiến” này. Trong xã hội độc tài đảng trị tại Việt Nam, làm chính trị đồng nghĩa với việc tham gia vào đảng cộng sản, chứ không có một tổ chức chính trị nào khác để giáo dân có thể chọn lựa. Chỉ những ai muốn thăng tiến để được vào các vị trí hàng đầu trong cơ quan, xí nghiệp thì chẳng đảng đảng mới gia nhập đảng cộng sản. Thực lòng họ luôn chống đối đường lối và tư tưởng của đảng cộng sản, họ tham gia chỉ để tiến thân mà thôi.

Linh mục Nguyễn Văn Khải, DCCT nói rằng tại Việt Nam: “Các tổ chức tôn giáo và tín đồ của các tôn giáo không được tự do và bình đẳng trong lãnh vực chính trị, không được nắm các chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước.” Vì thế, những ai gia nhập đảng cộng sản luôn giấu mình, không cho thiên hạ biết mình là người có tôn giáo, đặc biệt người Công giáo thì lại càng bị kỳ thị nhiều hơn nữa.

Nguyên nhân thứ hai là tại Việt Nam, bất cứ ai nói hay làm khác với đường lối của đảng cộng sản thì bị chụp mũ là phản động và bị cáo buộc vào các tội danh quy định tại các điều 79 và 88 bộ luật hình sự. Vì thế, giáo dân Việt Nam

cũng rất sợ dính dáng tới chính trị, đặc biệt ở miền Nam VN.

Thái độ của các chủ chăn trong Hội thánh Công giáo VN cũng là một nguyên nhân làm cho giáo dân không muốn dần thân vào lãnh vực chính trị. Chính các vị đã không bao giờ triển khai, giúp giáo dân học hỏi và thực hành các văn kiện của Hội thánh về vấn đề này, mặc dù tuổi đời của các văn kiện ấy “trẻ nhất” cũng là 23 như Tông huấn *Christifideles Laici* trên đây. Còn Hiến chế *Gaudium et Spes* của Công Đồng Vatican II thì ra đời cách đây đã 46 năm rồi. Đến như Ủy ban Công lý và Hòa bình của HĐGMVN cũng bị rơi vào tình trạng “hiếm muộn” khi mãi đến cuối tháng 5/2011 mới được chào đời. Ủy ban “em út” này bị o ép bởi chính những người sinh ra nó khiến nó cũng khó lòng phát triển một cách bình thường đúng với vai trò và chức năng của nó.

Một hậu quả tất yếu là nếu giáo dân không dần thân vào chính trị thì chính Hội Thánh sẽ bị thiệt hại, chứ không ai khác. Một bộ luật của quốc gia nếu ban hành mà các thành viên được quyền bỏ phiếu đều là những người chống Hội Thánh thì khi ra đời luật ấy sẽ chống lại và loại trừ Hội Thánh. Khi ấy, Hội Thánh phải chịu thiệt thòi và bị ức hiếp là cái chắc.

Ngày 11/4/2011, Pháp chính thức trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới cấm người dân đeo mạng che mặt ở các địa điểm công cộng. Luật này đã gây phẫn nộ trong cộng đồng Hội giáo vì đó là một sự lăng mạ đối với quyền tự do ngôn luận và tôn giáo của công dân. Tuy nhiên, Tổng

thống Pháp Nicolas Sarkozy đã vận động quốc hội thông qua lệnh cấm này từ gần hai năm trước. Theo ông, mạng che mặt là công cụ cầm tù phụ nữ và chống lại các giá trị về danh dự, bình đẳng của Pháp!??? Luật cấm đeo mạng che mặt ở nơi công cộng nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của dư luận khi quốc hội phê chuẩn nó năm ngoái, *AP* cho biết.

([http://www.baoyenbai.com.vn/18/72078/Phap\\_cam\\_nguoi\\_dan\\_che\\_mat\\_noi\\_cong\\_cong.htm](http://www.baoyenbai.com.vn/18/72078/Phap_cam_nguoi_dan_che_mat_noi_cong_cong.htm)). Xã hội tục hóa Pháp đã loại trừ Hội Thánh.

Giữa năm 2010, Tòa Án nhân quyền Âu Châu cấm treo Thánh giá trong các trường công lập tại Ý. Tòa thánh đã nhiều lần lên tiếng phản đối phán quyết của Tòa án nhân quyền Âu châu. Tại sao thế? Bởi những kẻ chống phá Hội thánh, rất đông đảo, đang nắm quyền trong cơ quan quyền lực.

Nếu người Công giáo Việt Nam xa lạ với chính trị thì tương lai Hội thánh sẽ không có tiếng nói trong xã hội dân sự về những vấn đề liên quan đến đời sống đức tin. Giả sử một ngày nào đó quốc hội VN bỏ phiếu *cấm đeo thánh giá nơi công cộng*, không biết Hội thánh sẽ phản ứng ra sao? Nếu từ trước tới nay Hội thánh đã im lặng trong mọi vấn đề thì lúc ấy cũng vẫn chỉ là im lặng.

Lời thúc bách của Tông huấn Kitô hữu giáo dân, số 42 vẫn còn xa lạ với người Công giáo Việt Nam “*giáo dân tuyệt đối không thể từ chối tham gia vào ‘chính trị’*”.

**Hiếu Minh, VRNs**

**LTCS (02.10.2011)** – Sài Gòn – Người tín hữu giáo dân, đặc biệt giáo dân Sài Gòn, tháng 9 vừa qua được đánh động bởi những bài giáo huấn, bài phát biểu của Đức Thánh Cha Benedictô khi ngài về quê hương là nước Đức.

Người tín hữu giáo dân cũng được hâm nóng lên khi các cha giảng lễ và các website mới đây nhắc lại Tông huấn “Kitô hữu giáo dân” (Christifideles Laici) của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II.

Cả hai vị giáo hoàng đều nhắc đến công lý và hoà bình, đến bốn phận Kytô hữu.

Đức Chân phúc Gioan Phaolô II đã viết: *“Chúng ta hãy nghĩ đến vô số xúc phạm đến phẩm giá của con người ngày nay. Một khi không được nhìn nhận và yêu mến theo phẩm giá là hình ảnh sống động của Thiên Chúa (x. St 1,26), thì con người bị biến thành công cụ, thành nô lệ, cho bạo quyền dưới muôn vàn hình thức sai lạc và bỉ ổi.”*

Ngài cũng viết: *“Các tín hữu giáo dân không thể khoanh tay ngồi nhìn như kẻ bàng quan lười biếng trước những gì phá hoại hay tổn thương hoà bình, như vũ lực và chiến tranh, tra tấn hay khủng bố, trại tập trung...”*

*“Là môn đệ của Đức Giêsu Kitô, Vua hoà bình, các tín hữu giáo dân phải nhận lãnh bốn phận làm người kiến hoà bình bằng cuộc sống trở về với Chúa và bằng các hoạt động vì sự thật, vì tự do, vì công bình, vì bác ái, đó là những nền tảng vững chắc của hoà bình”*

Ngài còn viết nhiều về bốn phạm lên tiếng cho công lý hoà bình.

Thánh Công đồng chung Vatican II đã dạy: *“Giáo Hội ca ngợi và quý trọng việc làm của những người vì lợi ích quốc gia mà dân thân phục vụ con người cùng nhận lãnh gánh nặng của trách nhiệm này”*.

Đức Benedictô XVI thì nói tại quê hương mình: *“Các nhà chính trị phải nỗ lực để mang lại công lý và do đó tạo ra các điều kiện tiên quyết cho hòa bình”*

Ngài trích dẫn tư tưởng của Thánh Giám mục Augustinô của thế kỷ III: *“Đánh mất nền công lý thì nhà nước còn lại điều gì, ngoài lũ trộm cướp”* để dẫn giải vào ý tưởng trình bày của Ngài cho các chính trị gia Đức.

Với giới trẻ trong Đêm Canh thức tại Freiburg, Đức Thánh Cha nói: *“Ở thời điểm này, chúng ta không thể tiếp tục im lặng trước sự hiện hữu của sự dữ.”*

Còn “Lời chủ chẵn” của giáo phận Sài Gòn thì lại viết: *“nhiều người mang tâm trạng bất mãn, thối chí và khép lại trong bản năng tự vệ để sinh tồn, khiến tâm trí con người bị đình bộ, lập trường và thái độ bị đóng băng trong tư thế dễ gây hấn và chống đối.”*

Trong lúc nhiều người đang lên tiếng để đề cao và cầu nguyện cho công lý và sự thật, những lời ấy làm cho giới trẻ có cảm giác những ai đi tìm công lý là bất mãn, khép lại hay chống đối.

Người trẻ biết nghe ai bây giờ, nghe lời các Đức Giáo Hoàng để sống cho công lý, sự thật, tình yêu, hay phải cúi đầu lạng lẽ bước đi, mặc người nghèo của Thiên Chúa sống chết ra sao tùy họ?

“Lạy Chúa, Chúa muốn con làm gì?”

**Gioan Lê Quang Vinh, VRNs**

# GIẢ NHƯ TÔI LÀ MỘT CÁN BỘ GIÁO DÂN

## If I Were a Local Church Lay Leader

### Linh mục tiến sĩ Herchel H. Sheets

#### Lời giới thiệu:

Báo điện tử Maranatha số 36-37 có bài GIẢ NHƯ TÔI LÀ MỘT GIÁO DÂN LÃNH ĐẠO (IF I WERE A LOCAL CHURCH LAY LEADER) của linh mục tiến sĩ Herchel H. Sheets. Bài viết có nội dung phong phú và thực tế rất cần cho nhiều giáo dân và ích lợi cho cả các linh mục coi xứ. Nhưng tiếc rằng lời văn của bản dịch hơi lủng củng khiến độc giả khó thưởng thức được sự thâm thúy và sâu sắc của các ý tưởng và kinh nghiệm mục vụ của tác giả. Vì tầm quan trọng của vấn đề nên chúng tôi xin mạn phép viết lại nội dung của bài viết trên với cố gắng làm cho lời văn sáng sủa, dễ đọc, dễ tiếp nhận hơn, trong khi vẫn trung thành với các ý tưởng của tác giả.

Trong bài viết lại tôi dùng chữ '**Cán bộ Giáo dân**' thay cho chữ '**Giáo dân lãnh đạo**' với lý do sau đây: 'Giáo dân lãnh đạo' (lay leaders) là một chữ thường được sử dụng trong các tài liệu của nhiều Giáo hội nên rất quen thuộc với giáo dân của các Giáo hội ấy kể cả những người Công giáo Việt Nam hải ngoại. Nhưng chữ ấy lại còn rất xa lạ với não trạng và ngôn ngữ Công giáo trong nước. Thậm chí hai chữ ấy còn có thể tạo nên sự «ngộ nhận» nơi một số người lãnh đạo cả trong Giáo hội lẫn ngoài xã hội. Còn chữ 'Cán bộ Giáo dân' có vẻ hiền lành hơn và gần gũi với tâm thức của người Công giáo trong nước hơn. Có người dị ứng với chữ 'cán bộ', vì cho rằng đó là ngôn ngữ của chế độ hiện nay ở Việt Nam. Thật ra chữ 'cán bộ' đã được dùng khá



nhiều tại Miền Nam Việt Nam trước đây cả ngoài xã hội lẫn trong Giáo hội. Ví dụ: cán bộ nông thôn, cán bộ phát triển cộng đồng, cán bộ công giáo tiến hành, cán bộ truyền giáo v.v... Và chữ ‘Cán bộ Giáo dân’ có đủ sức chuyển tải nội dung tôn giáo mà chúng ta muốn trình bày. Vì thế chúng ta chẳng có gì phải ngại, nhất là trong nỗ lực Hội Nhập Văn Hóa theo tinh thần và đường hướng của Công Đồng Vatican II.

### **Giêrônimô Nguyễn Văn Nội (16.08.2005).**

\*\*\*\*\*

Dù tôi không phải là một Cán bộ Giáo dân, tôi cũng rất muốn viết về đề tài này. Là một linh mục, tôi đã từng biết và làm việc với nhiều Cán bộ Giáo dân nên tôi nghĩ rằng mình hiểu được ít nhiều vị thế của họ và những gì mà họ phải sống hoặc phải làm. Tôi sẽ đưa ra ý kiến của mình và các bạn đánh giá ý kiến của tôi như thế nào thì tùy các bạn. Tôi cho rằng người Cán bộ Giáo dân cần thực hiện 8 điều sau đây:

**1.- Thứ nhất,** giả như tôi là một Cán bộ Giáo dân trong/của Giáo xứ, tôi sẽ cố gắng ủng hộ cha xứ tôi hết mình và nếu có thể tôi sẽ trở nên bạn thân của cha xứ tôi.

Hầu như bất kỳ một linh mục nào đã từng phục vụ các giáo xứ đều cho rằng làm chính xứ ở thời buổi này thì cực hơn ở thời trước nhiều. Thật vậy ngày nay đối với cha xứ, các đòi hỏi thì nhiều hơn, yêu cầu thì cao hơn, công việc thì đa đoan và phức tạp hơn. Hơn nữa, ở nhiều nơi, vị trí của cha xứ không được xem trọng như xưa và nền văn hóa hiện nay của chúng ta khuyến khích người ta phê phán những

người ở vị trí lãnh đạo hay cầm quyền, ngoài đời cũng như trong đạo. Hệ quả là nhiều cha xứ sống trong tình trạng cô độc, chán nản, ngã lòng và nghi ngờ. Là con người, các ngài cũng cần biết rằng có người giáo dân quan tâm đến mình, để ý đến mình như là những con người, và các ngài có thể tin tưởng vào sự thân tình của họ.

Vì thế cho nên, giả như tôi là một Cán bộ Giáo dân trong/của Giáo xứ, tôi sẽ cố gắng ủng hộ cha xứ tôi hết mình và nếu có thể tôi sẽ trở nên người bạn thân của ngài, mà không chờ đợi ngài phải chú ý hay quan tâm đến tôi.

**2.- Thứ hai,** giả như tôi là một Cán bộ Giáo dân trong/của Giáo xứ, tôi sẽ tìm cách thể hiện sự thông cảm và lòng chân thành trong tương quan với cha xứ tôi.

Robert Frost viết trong một bài thơ của mình về cuộc ‘cãi vã của người yêu với thế giới’. Trong giáo xứ đôi khi cũng xảy ra cãi vã giữa những thành viên với cộng đoàn hay với cha xứ, nhưng những cãi vã ấy không phải lúc nào cũng là ‘các cuộc cãi vã giữa những người yêu’, vì thiếu thông cảm và quan tâm lẫn nhau. Người ta phê bình lẫn nhau nhưng không ở trong bầu khí tương thân tương kính. Mặt khác, nhiều người có thể quan tâm đến cha xứ, nhưng cha xứ không thể tin tưởng rằng họ thẳng thắn và thành thật với mình. Thay vì chấp nhận nguy cơ làm tổn thương tình cảm của cha xứ hoặc phá hỏng tương quan tốt đẹp với ngài, họ giấu giếm tình cảm thật của họ, họ không dám nói lên lời phê bình, họ giấu sự thật với cha xứ. Cha xứ cần bạn hữu thân tình, cha xứ cần những thành viên giáo xứ thực sự quan tâm đến mình. Nhưng tình bạn đòi hỏi sự thành thật và không chấp nhận sự giả dối. Tình bạn dựa trên sự thật, chứ không phải trên sự sai lầm. Cha xứ cần

một người mà mình có thể tin cậy để nói cho mình biết sự thật – nói với lòng yêu thương - nhưng phải nói.

Vì thế cho nên giả như tôi là một Cán bộ Giáo dân trong/của Giáo xứ, tôi sẽ tìm cách thể hiện sự thông cảm và lòng chân thành trong tương quan với cha xứ tôi.

**3.-Thứ ba,** giả như tôi là một Cán bộ Giáo dân trong/của Giáo Hội địa phương, tôi sẽ cầu nguyện và dần dần xây dựng sự trưởng thành tình cảm và tâm linh của bản thân, giúp tôi thoát khỏi những điều nhỏ nhen ti tiện.

Với tư cách là linh mục quản hạt, tôi rất bị xúc vì thấy những điều ti tiện len lỏi vào những tương quan trong giáo xứ làm cản trở và ngăn chặn sứ vụ của giáo xứ. Nhưng tôi biết điều này từ lâu rồi, vì trước khi làm linh mục quản hạt thì trong tư cách là một cha xứ, đôi khi tôi là cũng đã là đối tượng của những điều ti tiện ấy. Thậm chí có khi tôi phải hứng chịu sự giận dữ và cuồng nộ của những con người nhỏ nhen. Tôi thường nói với những cặp thanh niên nam nữ học giáo lý hôn nhân với tôi rằng trong hôn nhân thì sự trưởng thành cũng quan trọng như tình yêu. Điều này có vẻ lạ tai và khó tin, nhưng tôi đã thấy nhiều người phải đau khổ trong hôn nhân do nguyên nhân là thiếu sự trưởng thành tình cảm và tâm linh của hai người phối ngẫu. Và tôi cũng đã từng thấy bao nhiêu khổ đau trong giáo xứ vì sự thiếu trưởng thành. Những điều nhỏ nhen, ti tiện gây nhiều xáo trộn trong các giáo xứ hơn bất cứ điều gì khác. Tôi nhớ lại lời của cố tiến sĩ Claud M. Haynes từng nói rằng cái khu vực lớn nhất trong nhiều giáo xứ, xét về độ tuổi tình cảm và tâm linh, là khu vực nhà trẻ. Có nghĩa là trong nhiều giáo xứ còn thiếu sự trưởng thành tình cảm và tâm linh.

Vì thế cho nên giả như tôi là một Cán bộ Giáo Dân trong/của Giáo Hội địa phương, tôi sẽ thường xuyên hướng đến tình trạng viên mãn của Chúa Kitô, và như thế cha xứ có thể biết rằng tôi sẽ không bao giờ bị những điều nhỏ nhen ti tiện lèo lái.

**4.-Thứ tư,** giả như tôi là một Cán bộ Giáo dân trong/của Giáo Hội địa phương, tôi sẽ cẩn trọng trong lời nói của tôi. Elie Wiesel kể rằng vào thế kỷ 18 có một rập-bi (nhà hiền triết) rất nổi tiếng vì nói rất ngắn gọn. Ngài khuyên các nhà truyền giảng như sau: Hãy nhập đề vấn đề và kết luận gãy gọn, và không nói lời nào ở giữa cả. Hẳn là bạn muốn khuyên cha xứ mình như vậy. Nhưng đây không phải là điều tôi muốn nói. Tư tưởng của Wiesel rất gần với ý nghĩ của tôi, khi ông bảo rằng những vị hiền triết xưa kia tuyên bố rằng người ta mất ba (3) năm để học nói và mất bảy mươi (70) năm để học im lặng. Có những lúc, điều giáo xứ cần nhất lại chính là sự im lặng. Các vấn đề có thể qua đi hoặc nhẹ bớt, hoặc không bao giờ nổi lên, nếu các thành viên trong cộng đoàn biết làm chủ miệng lưỡi mình. Bạn có biết cách hay nhất để đối diện với dư luận không? - Để cho nó chết đi vì mình không buồn nhắc đến nó.

Vì thế cho nên, giả như tôi là một Cán bộ Giáo Dân trong/của Giáo Hội địa phương, cha xứ có thể tin rằng tôi không chuyên tai những lời bàn tán hay dư luận mà tôi vô tình nghe được.

**5.- Thứ năm,** giả như tôi là một Cán bộ Giáo dân trong/của Giáo xứ, tôi sẽ xa lánh thái độ bi quan như xa lánh dịch hạch.

Một hôm, tôi ra xe sau khi mua một vài món hàng. Cảnh đó, một cậu thanh niên giúp một bà cụ già đưa hàng lên xe. Cậu cố gắng bắt chuyện với bà, nên vui vẻ nói: “Hôm nay

trời đẹp quá, hả bác?” Bà già đáp: “Ồ, nhưng ngày mai lại mưa nữa cho mà xem!” Cái đẹp của trời hôm nay đã bị cơn mưa của ngày mai làm xấu đi mất rồi! Thái độ này cũng có thể đưa vào giáo xứ nữa, và ít có điều gì nguy hại cho sức khoẻ của giáo xứ cho bằng thái độ bi quan. Nếu quá nhiều người nghĩ những điều tồi tệ về Giáo Hội, thì những điều tồi tệ ấy có thể xảy ra. Dĩ nhiên, thực tế phải có chỗ đứng, nhưng bởi lẽ Giáo Hội là Giáo Hội của Chúa Kitô, nên thái độ lạc quan cũng phải có chỗ đứng chứ. Stuart Briscoe từng là cha xứ của Giáo Xứ Elmbrook ở Mil-waukee, Wisconsin, hơn 15 năm trường. Trong một cuộc phỏng vấn, người ta hỏi cha muốn được ghi gì trên bia mộ của mình. Người nhà của cha trả lời: “Nơi đây yên nghỉ Stuart Briscoe, người không bao giờ lo lắng trước cho một khó khăn chưa đến”. Có thể như thế là đi hơi xa, nhưng trong giáo xứ nào cũng cần có ít ra là một vài người tích cực khẳng định lập trường và thái độ lạc quan của mình.

Vì thế cho nên, giả như tôi là một Cán bộ Giáo Dân trong/của Giáo xứ, tôi sẽ cố gắng làm một người lạc quan như thế.

**6.- Thứ sáu,** giả như tôi là một Cán bộ Giáo dân trong/của Giáo xứ, tôi sẽ tìm cách có được và gìn giữ một cái nhìn bao quát trên đời sống giáo xứ tôi.

Biết bao lần bạn nghe nói đến một hoạt động nào đó của giáo xứ và có người thốt lên: “Tôi đâu biết rằng chúng ta đang làm chuyện ấy”? Giáo xứ càng lớn, thì càng khó biết chuyện gì xảy ra, và trong một số giáo xứ, nếu chỉ có một người duy nhất biết mọi điều đang xảy ra, thì có nghĩa là chưa đủ. Chúng ta mong cha xứ biết rõ đời sống và chương trình giáo xứ. Nhưng nếu người Cán bộ Giáo dân sống đúng với ý nghĩa hạn từ ấy, thì có một người khác cũng

cần biết rõ đời sống và chương trình giáo xứ. Chỉ khi nào bạn biết rõ giáo xứ thì mới lãnh đạo được giáo xứ. Một khía cạnh khác, ấy là nếu bạn nhìn thấy tổng thể của giáo xứ, thì bạn ở vị thế tốt hơn để lượng giá. Tôi vừa mới đọc cuốn sách có tựa đề là Phúc Âm về sự Trùng Khớp (The Gospel of Coincidence). Tác giả của cuốn sách trình bày vai trò của Thiên Chúa trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời chúng ta, nhưng vẫn yêu cầu chúng ta cũng cần phải cầu nguyện cho hoàn cảnh của mình. Ông viết: cầu nguyện cho những hoàn cảnh đó là một cách để đối diện với chúng, lượng giá lại, có những ý tưởng mới để giải quyết chúng, và thay đổi thái độ chúng ta đối với các hoàn cảnh ấy. Ông còn bảo rằng lời khuyên chúng ta hãy đặt những ưu tư của mình dưới chân Chúa là một lời khuyên đúng đắn, không phải vì Thiên Chúa sẽ giải quyết vấn đề của chúng ta, nhưng khi chúng ta đặt ưu tư dưới chân Người, thì chúng ta có thể bắt đầu nhìn chúng dưới góc độ khác. Nhìn giáo xứ với một cái nhìn tổng thể cũng có tác dụng đối với góc nhìn của chúng ta. Chúng ta có thể nhìn thấy những khía cạnh đặc biệt của giáo xứ dưới góc độ rõ hơn, nếu ta nhìn chúng trong tổng thể.

Vì thế cho nên, giả như tôi là một Cán bộ Giáo Dân trong/của Giáo xứ, tôi sẽ cố gắng có được và gìn giữ một cái nhìn bao quát trên đời sống và chương trình giáo xứ tôi.

**7.- Thứ bảy,** giả như tôi là một Cán bộ Giáo dân trong/của Giáo xứ, tôi sẽ tìm cách hiểu rõ hơn về ‘Tính Hiệp Thông’ và phát huy khả năng trình bày Tính Hiệp Thông ấy với cộng đoàn tôi.

Với tư cách là Hội Thánh, căn tính và nhiệm vụ của chúng ta liên quan mật thiết đến việc chúng ta hiểu và sống chiều

kích Hiệp Thông. Thời buổi này, cảm thức về sự Hiệp Thông đang lâm nguy. Đây là điều khá kỳ lạ, bởi lẽ tinh thần cục bộ còn rất mạnh, dẫn cho thế giới trở nên nhỏ bé hơn bao giờ hết, nhờ những phương tiện thông tin và vận chuyển hiện đại. Yêu cầu phải tay nắm tay và làm chủ địa phương mình, tuy chính đáng, cũng có thể làm hỏng tinh thần Hiệp Thông. Ngay cả những giáo xứ rộng lớn của chúng ta cũng có thể trở thành khép kín, có thể nghĩ rằng mình đầy đủ rồi, có thể muốn độc lập và không dính dấp với bất cứ ai và bất cứ gì khác. Thế nhưng nếu tinh thần Hiệp Thông bị phá hủy, thì phần lớn tính chất duy nhất của Giáo Hội cũng sẽ tiêu tan. Chính qua tinh thần Hiệp Thông mà chúng ta thực thi sứ mạng của mình trên khắp cùng mặt đất.

Vì thế cho nên, giả như tôi là một Cán bộ Giáo Dân trong/của Giáo xứ, tôi sẽ không trao hết công việc ấy cho một mình cha xứ. Tôi sẽ chia sẻ trách nhiệm ấy với ngài. Tôi sẽ liên li theo dõi về giáo hạt, về buổi gặp gỡ thường niên, về pháp lý, về Giáo Hội toàn cầu. Tôi sẽ thường xuyên học làm quen với vô vàn cách thức mà chúng ta thực thi sứ mệnh vì Chúa Kitô trên khắp thế gian này, Và tôi sẽ học cách kể lại câu chuyện ấy mà giúp cộng đồng giáo xứ tôi tự hào và vui mừng trong Giáo Hội chúng ta, đồng thời đáp ứng và chia sẻ sứ mệnh ấy một cách hân hoan và quảng đại.

**8.- Thứ tám,** giả như tôi là một Cán bộ Giáo dân trong/của Giáo xứ, tôi sẽ cố gắng nhớ và giúp đỡ anh chị em mình nhớ rằng Giáo Hội là của Thiên Chúa.

Giáo Hội là gì? Dĩ nhiên Giáo Hội là những con người, có nghĩa là chúng ta làm nên Giáo Hội. Nếu chúng ta là Giáo Hội thì Giáo Hội lại không phải là của chúng ta. Chúng ta

không thể nào là một sở hữu của chính mình; chúng ta là của Thiên Chúa. Giáo Hội là một sở hữu của Thiên Chúa, chứ không phải là của chúng ta. Nếu chúng ta thực sự hiểu và tin như thế thì chúng ta hẳn vừa kính trọng vừa hy vọng đối với Giáo Hội: Kính trọng, vì nếu Giáo Hội là của Thiên Chúa, thì Giáo Hội không phải là một tổ chức vô nghĩa; và hy vọng, vì nếu Giáo Hội là của Thiên Chúa, thì cả tương lai lẫn cùng đích của Giáo Hội không nằm trong tay của chúng ta. Đức Cha Helder Camara từng là Tổng Giám mục giáo phận Olinda và Recife ở miền đông bắc Brazil từ 1964 đến 1985. Với tư cách là chủ chăn trên một vùng nông thôn rộng lớn và nghèo xơ nghèo xác, ngài trở nên phát ngôn viên cho người dân ở mọi nơi, những người cùng chia sẻ niềm xác tín của ngài về sự thật, công lý và tự do chống lại mọi hình thức áp bức. Trong những chuyến công du của ngài tại Âu Châu, ngài trả lời rất nhiều câu hỏi, mà có những câu phản ánh một sự kính trọng và hy vọng đối với Giáo Hội ít hơn là thái độ của ngài. Khi trả lời một trong những câu như thế, ngài công nhận rằng: “Giáo Hội không phải lúc nào cũng dễ thương và tinh tuyền, can đảm và thành thật, như là đáng lẽ phải như vậy”. Ngài bảo rằng khi thiết lập Giáo Hội, Chúa đã mặc lầy sự yếu hèn của con người, nhưng qua lời hứa không bao giờ bỏ rơi Giáo Hội, Ngài đã ban cho Giáo Hội một sức mạnh đặc biệt. Ngài nói: “Tôi là một giám mục già, và tôi đủ tự tin để yêu cầu các bạn đừng bao giờ chịu thua những yếu hèn, những thỏa hiệp, thậm chí những gian trá của Giáo Hội, nghĩa là không bao giờ thất vọng đối với Thần Khí của Chúa, Đấng không bao giờ ngưng ở lại trong Giáo Hội”.



Vì thế cho nên, giả như tôi là một Cán bộ Giáo Dân trong/của Giáo xứ, tôi sẽ cố gắng nhớ và giúp đỡ anh chị em mình nhớ rằng Giáo Hội là của Thiên Chúa.

### **TẠM KẾT**

Có lẽ nói như thế là đủ rồi. Tôi đã không nói gì về cầu nguyện hay học hỏi Kinh Thánh hoặc việc bác ái hay đi nhà thờ. Tôi cho rằng những việc đó là đương nhiên. Tôi cho rằng ai trung thành với Giáo Hội thì đương nhiên sẽ cầu nguyện, làm việc bác ái và tham gia phụng vụ. Tôi mong rằng mọi giáo xứ đều có nhiều giáo dân trung thành với giao ước của họ qua phép rửa và với lời hứa của một tín hữu trong Giáo Hội. Nhưng tôi cũng mong rằng mỗi giáo xứ đều có một vài Cán bộ Giáo Dân có lòng thông cảm và những đức tính nêu trên.

Tôi sẽ không bao giờ là một Cán bộ Giáo dân, nhưng giả như tôi là một Cán bộ Giáo dân, tôi sẽ cố gắng trở thành một giáo dân như thế...

Nếu bạn chưa phải là một Cán bộ Giáo Dân giống như tôi mô tả, tôi nguyện cầu cho bạn trở nên một người như thế.

**Linh mục tiến sĩ Herchel H. Sheets**

Địa chỉ liên lạc  
**Giêrônimô Nguyễn Văn Nội**  
Email: [hnoivnguyen@yahoo.ca](mailto:hnoivnguyen@yahoo.ca)  
Điện thoại: 098 648 0337